

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

PHẠM THỊ CẨM ANH

THƠ LÒ NGÂN SỬN

**LUẬN VĂN THẠC SĨ
NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA VIỆT NAM**

THÁI NGUYÊN - 2017

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

PHẠM THỊ CẨM ANH

THƠ LÒ NGÂN SỦN

Chuyên ngành: Văn học VN

Mã số: 60 22 01 21

LUẬN VĂN THẠC SĨ NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA VIỆT NAM

Người hướng dẫn khoa học : PGS.TS. CAO THỊ HẢO

THÁI NGUYÊN - 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan rằng đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi, có sự hỗ trợ từ giáo viên hướng dẫn TS. Cao Thị Hảo. Các nội dung nghiên cứu và kết quả trong đề tài này là trung thực, khách quan và chưa từng được ai công bố trong bất cứ công trình nghiên cứu nào trước đây.

Tác giả luận văn

Phạm Thị Cẩm Anh

LỜI CẢM ƠN

Với lòng biết ơn và tình cảm chân thành, em xin trân trọng cảm ơn: Khoa Ngữ Văn, Khoa sau đại học - Đại học Sư Phạm Thái Nguyên, các thầy cô giáo trường Đại học Sư Phạm Thái Nguyên đã giảng dạy và tạo điều kiện thuận lợi giúp em trong quá trình học tập, nghiên cứu và hoàn thành luận văn.

Đặc biệt em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc nhất đến TS. Cao Thị Hảo, người đã trực tiếp hướng dẫn, giúp đỡ em nghiên cứu hoàn thành luận văn.

Em xin gửi lời cảm ơn chân thành đến gia đình, bạn bè, Ban Giám Hiệu và các đồng nghiệp tại trường THPT Sông Công đã động viên, giúp đỡ và tạo điều kiện về thời gian trong quá trình hoàn thành luận văn.

Thái Nguyên, tháng 04 năm 2017

Tác giả luận văn

Phạm Thị Cẩm Anh

MỤC LỤC

Lời cam đoan	i
Lời cảm ơn.....	ii
Mục lục	iii
MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài	1
2. Lịch sử vấn đề.....	2
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	6
4. Nhiệm vụ nghiên cứu	7
5. Phương pháp nghiên cứu	7
6. Đóng góp của luận văn	7
7. Cấu trúc của luận văn	7
NỘI DUNG	8
Chương 1: THƠ LÒ NGÂN SỦN TRONG NGUỒN MẠCH THƠ CA DÂN TỘC THIỂU SỐ MIỀN NÚI PHÍA BẮC VIỆT NAM	8
1.1. Diện mạo chung của thơ ca dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc Việt Nam	8
1.1.1. Giai đoạn 1945 - 1975	8
1.1.2. Giai đoạn sau 1975 đến nay.....	10
1.2. Lò Ngân Sủn - nhà thơ tiêu biểu của đồng bào dân tộc Giáy.....	14
1.2.1. Nét đặc sắc của Văn hóa Giáy.....	14
1.2.2. Nền văn học dân gian Giáy phong phú, đa dạng.....	17
1.2.3. Hành trình sáng tác của nhà thơ Lò Ngân Sủn.....	20
Tiểu kết chương 1	28
Chương 2: NHỮNG CẢM HỨNG CHỦ ĐẠO TRONG THƠ LÒ NGÂN SỦN	29
2.1. Cảm hứng ngợi ca, tự hào về thiên nhiên quê hương làng bản và con người miền núi.....	29

2.1.1. Cảm hứng ngợi ca vẻ đẹp thiên nhiên hoang sơ, hùng vĩ và thơ mộng, trữ tình của núi rừng Tây Bắc.....	29
2.1.2. Cảm hứng tự hào về sức sống mạnh mẽ, bền bỉ và vẻ đẹp tâm hồn người miền núi.....	33
2.2. Cảm hứng trân trọng những giá trị truyền thống của nền văn hóa Giáy.....	37
2.3. Cảm hứng nồng nàn, say đắm đầy chất phồn thực trong tình yêu đôi lứa.....	42
2.4. Cảm hứng suy tư, chiêm nghiệm trước cuộc đời và thế sự.....	48
2.4.1. Những triết lý về lẽ sống và những trăn trở trước cuộc đời.....	48
2.4.2. Những chiêm nghiệm, suy tư về thủ đô Hà Nội và những người nghệ sĩ tài năng.....	53
Tiểu kết chương 2.....	58
Chương 3: BIỂU TƯỢNG, NGÔN NGỮ VÀ THỂ THƠ TRONG THƠ LÒ NGÂN SỬ.....	59
3.1. Những biểu tượng đặc trưng tiêu biểu.....	59
3.1.1. Biểu tượng núi đá.....	59
3.1.2. Biểu tượng kèn Pí lè.....	63
3.2. Ngôn ngữ thơ mang màu sắc riêng.....	677
3.2.1. Ngôn ngữ mộc mạc giản dị, gần gũi với người dân miền núi.....	68
3.2.2. Ngôn ngữ mang màu sắc văn hóa Giáy.....	71
3.3. Sử dụng đa dạng các thể thơ.....	76
Tiểu kết chương 3.....	81
KẾT LUẬN.....	83
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	86

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

1.1. Trong số các nhà thơ dân tộc thiểu số hiện đại Việt Nam, Lò Ngân Sủn là một trong những thi nhân đã để lại một khối lượng sáng tác phong phú. Ông là tác giả của: 14 tập thơ, 2 tập truyện ký, 10 công trình tiểu luận, các bài nghiên cứu, sưu tầm, biên dịch và hàng loạt những bài thơ được phổ nhạc đã đi cùng năm tháng. Trong thơ Lò Ngân Sủn, vẻ đẹp của gió núi, mây ngàn trên quê hương Bát Xát - Lào Cai đã bước vào thơ ông một cách tự nhiên, giản dị và sinh động. Chính thiên nhiên ấy đã sinh ra những người con của núi, được tôi luyện trong sương gió, trong giá rét, trong những kham khổ, khắc nghiệt của cuộc sống đẽ đục vững, hiên ngang và xanh thắm như núi giữa nắng và gió của đất trời Lào Cai. Bằng tấm lòng của một người con gắn bó với dân tộc, Lò Ngân Sủn đã giúp người đọc hình dung về tư duy, triết lý sống và ước nguyện của cộng đồng dân tộc Giáy, thấy cả một lớp trầm tích văn hóa sâu kín trong tâm hồn dân tộc Giáy qua tục ngữ, dân ca.

1.2. Trong đời sống tiếp nhận văn học dân tộc thiểu số Việt Nam, chúng tôi nhận thấy những công trình nghiên cứu về thơ Lò Ngân Sủn tới nay vẫn còn rất “khiêm tốn”. Theo khảo sát bước đầu, chúng tôi nhận thấy mới có một luận văn thạc sỹ nghiên cứu về thơ Lò Ngân Sủn và Pờ Sảo Mìn. Ngoài ra, có một số bài nghiên cứu, phê bình về thơ Lò Ngân Sủn của tác giả Vũ Quân Phương, Irasara, Bùi Tuyết Mai, Lê Thiều Nhơn, Nguyễn Phương Ly, Trần Thị Việt Trung, Cao Thị Hào... Những nghiên cứu này mới chỉ điếm qua hoặc là những nét phác thảo chưa thật sự hoàn thiện và hệ thống. Để thấy được những nét đặc sắc cũng như những đóng góp của thơ Lò Ngân Sủn trong mảng thơ ca dân tộc thiểu số, cần phải xâu chuỗi cả đời thơ hơn nửa thế kỷ của ông ở mọi khía cạnh từ phương tiện nội dung đến hình thức nghệ thuật mới thấy được sự đóng góp đáng trân trọng của Lò Ngân Sủn trong suốt 69 năm qua. Mới hiểu vì sao ông được nhận những phần thưởng cao quý như: Giải A của Ủy ban toàn quốc Liên

hiệp văn học nghệ thuật Việt Nam cho tập thơ *Đám cưới* (1993), giải B của Ủy ban toàn quốc Liên hiệp văn học nghệ thuật Việt Nam cho tập *Dòng sông Mây* (1995), giải B văn học dân tộc thiểu số Hội nhà văn Việt Nam cho tập thơ *Những người con của núi* (1992), giải B báo thiếu nhi dân tộc cho tác phẩm *Cái bật lửa trời* (1995)...

Chính vì vậy, chúng tôi lựa chọn đề tài *Thơ Lò Ngân Sủn*, để nghiên cứu và tìm hiểu những đặc sắc trong tư duy của Lò Ngân Sủn. Từ đó giúp người đọc có cái nhìn rõ hơn về phong cách nghệ thuật thơ Lò Ngân Sủn - một nhà thơ dân tộc Giáy tiêu biểu có nhiều đóng góp cho thơ ca dân tộc thiểu số Việt Nam hiện đại.

1.3. Với lòng yêu quý và trân trọng những nét đẹp văn hóa của các dân tộc thiểu số Việt Nam, chúng tôi mong muốn góp một tiếng nói của mình trong việc bảo tồn những nét đẹp văn hóa của các dân tộc ít người, đặc biệt là dân tộc Giáy - một dân tộc thiểu số có số dân rất ít hiện đang sinh sống chủ yếu ở Lào Cai. Qua đó cũng mong muốn quảng bá và phổ biến văn học dân tộc thiểu số trong đời sống văn học đương đại.

Mặt khác, luận văn được thực hiện thành công sẽ là một tài liệu tham khảo hữu ích cho bạn đọc và những người quan tâm khi tìm hiểu về thơ Lò Ngân Sủn nói riêng và thơ ca dân tộc thiểu số nói chung.

2. Lịch sử vấn đề

Lò Ngân Sủn đến với thơ như một mối duyên tiền định. Bài thơ đầu tiên đưa ông đến với “làng thơ” là *Hoa Má Po* sáng tác năm 1965. Nhưng phải đến khi *Chiều biên giới* ra đời và nhạc sĩ Trần Chung phổ nhạc thì Lò Ngân Sủn chính thức trở thành nhà thơ thành danh. Giống như một con ong cần mẫn hút nhụy hoa dâng đời, cho đến khi trở về với núi, Lò Ngân Sủn đã có gần 50 năm gắn bó với “nàng thơ” và để lại một di sản đáng nể - 20 đầu sách thơ được xuất bản và trở thành một gương mặt thơ nổi trội trong số các nhà thơ dân tộc ít người. Trong suốt đời thơ, Lò Ngân Sủn luôn sáng tác với cả bầu nhiệt huyết và

luôn tâm niệm: *"Không sống chết với thơ thì thử hỏi làm sao có thơ hay cho được. Cho nên tôi cứ nghĩ: Nếu còn có người dám sống chết với thơ, tâm huyết với người, với đời thì sẽ có thơ hay, thơ để đời"* [14, tr.504] Chính sự xuất phát từ đáy tâm hồn nhà thơ đã đưa tác phẩm của ông đọng lại trong lòng người đọc, được bạn bè và nhiều nhà nghiên cứu ghi nhận. Trên cơ sở nguồn tư liệu bao quát được và trong phạm vi quan tâm của đề tài, chúng tôi điểm lại quá trình nghiên cứu thơ Lò Ngân Sủn trên một số phương diện nổi bật.

Nhận định về thơ Lò Ngân Sủn nói chung trong bài viết *Thơ với tuổi thơ* Vũ Quần Phương khẳng định: *"Thơ Lò Ngân Sủn trước sau luôn giữ được bản sắc của thơ miền núi, trong cả nội dung đến hình thức biểu hiện. Cảnh, tình, nguyện vọng, cách bình giá cuộc đời... đều là việc thời sự của đồng bào các dân tộc trên vùng cao phía bắc Đất Nước"*[14, tr.345]; *"Độc thơ Lò Ngân Sủn người ta thấy phẩm chất trí tuệ khá mạnh trong những khái quát thâm thúy. Trí tuệ nhưng tươi ròn sự sống. Ngây thơ như cái nhìn con trẻ mà sâu sắc như chiêm nghiệm của người từng trải..."*[14, tr.438]. Đọc thơ Lò Ngân Sủn người đọc có thể cảm nhận hơi thở nóng hổi, thô nhám của con người miền núi từ cảnh sắc thiên nhiên đến con người đến những nét văn hóa riêng của cộng đồng. Đằng sau câu chữ là ân tình của nhà thơ dành cho quê hương mình, cũng là những triết lý về cuộc sống của người đã qua nhiều trải nghiệm. Cùng chung với ý kiến đó, trong bài *Khi kẽ tay người nở hoa* Trần Mạnh Hảo cũng khẳng định những đóng góp riêng của Lò Ngân Sủn *"Ông (Lò Ngân Sủn) còn là nhà thơ của tự nhiên, của núi đồi, của tiếng kèn pí lè dân tộc Giáy, của những cuộc vui bất tận quanh chảo thắng cố phiên chợ người H.mông với xòe ô và bát rượu ngô say khướt"*[14, tr.419].

Họa sĩ Đỗ Đức, người bạn thân thiết của Lò Ngân Sủn đã tỏ ra rất hiểu bạn mình khi ông viết: *"Cái tình không bờ bến của Lò Ngân Sủn dẫn dắt thơ anh đến mọi ngõ đường. Cái tình nhuộm màu hoang dã kết hợp với lối viết chặt lọc như ca dao, tục ngữ, rất nặng về tiết tấu như nhịp của móng ngựa gõ trên*

đường mòn để cho thơ anh chỉ thuận để đọc mà khó để ngâm, tạo ra chất thơ hiện đại, giản dị, trong sáng mà rất dân tộc”[14, tr.45]. Cái tình nồng nàn là dấu hiệu bộc lộ sâu đậm, tập trung trong thơ Lò Ngân Sủn, nhất là khi ông viết về quê hương đất nước, con người, văn hóa. Câu nào, bài nào cũng da diết, nồng cháy, đậm đà tính dân tộc trong cả trong nội dung và hình thức thể hiện.

Bàn về những nét đặc sắc trong thơ Lò Ngân Sủn, nhà thơ Mai Liễu có những nhận xét rất tinh tế: *”Thơ Lò Ngân Sủn cũng chứa đựng những yếu tố phần thực, nhất là những bài thơ nói về tình yêu nam nữ. Đó là một thái độ vui sống chân thành, si mê, hồn nhiên, táo bạo, bất ngờ, hoang dã và đầy ám ảnh...Đó là bản năng sống, bản năng thơ rất riêng của Lò Ngân Sủn. Đó là một loại “hương rừng quán quýt” của một đời thơ Lò Ngân Sủn*”[14, tr.484]. Lò Ngân Sủn, tiếp thu bề dày văn hóa dân tộc miền núi để tạo cho mình một phong cách riêng độc đáo. Mảng thơ viết về tình yêu nam nữ của ông luôn cháy bỏng chất phần thực, với những cảm xúc lành mạnh cường tráng đầy nhân văn. Lê Thiếu Nhơn cũng có cái nhìn khá sắc sảo về thơ Lò Ngân Sủn: *“Ngoài giọng điệu đặc thù của một nhà thơ dân tộc thiểu số, Lò Ngân Sủn có khả năng biến hóa những quan sát ngả sang màu chiêm nghiệm. Những chiêm nghiệm rời rạc đưa vào thơ thì thường đơn điệu và hơi nhiều lời. Khi và chỉ khi ông dung phương pháp quy nạp chiêm nghiệm mới có những bài thơ đóng dấu chất lượng “thương hiệu” Lò Ngân Sủn*”[14, tr.461]. Thơ Lò Ngân Sủn luôn có những từ đắt, hình ảnh đắt khiến người đọc có ấn tượng mạnh, rất khó quên và cũng không thể lẫn với các nhà thơ khác. Ví như khi miêu tả cô gái vùng cao, ông viết *“nói như chăng dây/ Cười như gieo cấy/ Nhìn như giăng bẫy”*, đọc một lần thấy hay, đọc hai lần thấy hay hơn nữa, càng đọc càng thấy những chiêm nghiệm, suy tư về đời sống miền núi được đưa vào thơ để trở thành những câu thơ mang dấu ấn riêng.

Khi bàn về phong cách thơ Lò Ngân Sủn, nhà nghiên cứu phê bình Hoàng Văn An trong cuốn ***Nét đẹp văn hóa trong thơ văn và ngôn ngữ dân***

tộc (tập 2 - *Hương sắc núi rừng*) NXB Văn hóa Dân tộc - HN 2003 có bàn về tài năng văn học và nghiệp viết của nhà thơ dân tộc thiểu số Lò Ngân Sủn qua tập thơ *Người trên đá*. Bài viết không đi sâu vào khái niệm phong cách nhưng tác giả đã phân tích một số ví dụ tiêu biểu để người đọc nhận ra biểu hiện và nét đẹp phong cách thơ Lò Ngân Sủn. Trong cuốn *Nhà văn dân tộc thiểu số Việt Nam đời và văn* (NXB Văn Hóa Dân tộc - HN 2003) có giới thiệu về quá trình công tác, tác phẩm và các giải thưởng của Lò Ngân Sủn, kèm theo bài viết *Khi kẻ tay người nở hoa* của Trần Mạnh Hảo. Trong bài viết này, từ dẫn chứng bài thơ *Người đẹp*, bài thơ *Nàng* và một số bài thơ khác Trần Mạnh Hảo đã đánh giá như sau: “*Có lẽ trong thi ca sử trường của Lò Ngân Sủn là thơ tình, thường là những bài thơ ngắn và có tứ, lại khá hiện đại trong lối viết, không câu nệ vào vần vèo, bằng trắc*”. Trần Thị Việt Trung trong cuốn *Bản sắc dân tộc trong thơ các dân tộc thiểu số Việt Nam hiện đại* (khu vực phía Bắc Việt Nam) - NXB ĐH Thái Nguyên - năm 2005, dành toàn bộ chương 7, khoảng hơn 20 trang viết về *Bản sắc dân tộc Giáy và Pa Dí trong thơ Lò Ngân Sủn và Pờ Sảo Mìn*. Hai nhà thơ được giới thiệu với tư cách là hai gương mặt thơ tiêu biểu của miền núi phía Bắc bởi sự đặc sắc và mới lạ trong tác phẩm thơ. Tác giả bài viết đã chỉ ra vẻ đẹp của ngôn ngữ thơ giàu chất tạo hình trong miêu tả thiên nhiên và con người miền núi của Lò Ngân Sủn và Pờ Sảo Mìn. Từ đó khẳng định đây là một nét đặc sắc trong nghệ thuật cũng là đóng góp đáng ghi nhận của hai nhà thơ miền núi này.

Trong công trình *Văn học dân tộc thiểu số Việt Nam thời kì hiện đại - một số đặc điểm* do Trần Thị Việt Trung, Cao Thị Hảo (Đồng chủ biên) đã có những nhận xét, những đánh giá mang tính định hướng về nội dung, về hệ thống dùng từ, hình ảnh, các biện pháp tu từ của các nhà thơ dân tộc thiểu số trong đó có Lò Ngân Sủn. Những ý kiến này sẽ là những gợi ý cho việc triển khai đường hướng nghiên cứu của chúng tôi. Qua đó, chúng tôi sẽ cố gắng đi sâu tìm tòi để có những phát hiện mới về thơ Lò Ngân Sủn.

Như vậy, nhìn một cách khái quát có thể thấy rằng khá nhiều bài viết, phê bình, nghiên cứu về thơ Lò Ngân Sủn. Nhìn chung các ý kiến đều khẳng định chiều sâu ý nghĩa và sức nặng cảm xúc của Lò Ngân Sủn. Tuy nhiên tất cả các bài viết mới chỉ dừng lại ở mức độ phác họa sơ lược về chân dung thơ Lò Ngân Sủn ở một phương diện nào đó. Cho đến nay chưa có công trình chuyên biệt nào khảo sát một cách toàn diện và có hệ thống về những giá trị nội dung, nghệ thuật của thơ Lò Ngân Sủn để khẳng định vị trí của nhà thơ này trong sự phát triển của văn học Việt Nam nói chung và văn học dân tộc thiểu số nói riêng. Chính vì vậy chúng tôi quyết định lựa chọn đề tài này để nghiên cứu một cách toàn diện về thơ Lò Ngân Sủn. Hy vọng luận văn sẽ là một tiếng nói khẳng định những thành tựu của thơ Lò Ngân Sủn nói riêng và thơ dân tộc thiểu số Việt Nam hiện đại nói chung.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu:

Đối tượng nghiên cứu của đề tài này là những đặc điểm tiêu biểu về nội dung và nghệ thuật trong thơ Lò Ngân Sủn.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Đề tài khảo sát toàn bộ thơ Lò Ngân Sủn nhưng chủ yếu đi sâu vào sáu tập thơ sau:

- Tập thơ *Lều nương* - NXB văn hóa dân tộc (1996).
- Tập thơ *Con của núi* - NXB văn hóa dân tộc (1997).
- Tập thơ *Đầu nguồn cuối nước* - NXB văn hóa dân tộc (1997).
- Tập thơ *Người trên đá* - NXB văn hóa dân tộc (2000).
- Tập thơ *Bữa tình yêu* - NXB Hội nhà văn, Hà Nội (2005).
- Tập *Tuyển tập thơ Lò Ngân Sủn* - NXB văn học (2012).

Ngoài ra, chúng tôi cũng nghiên cứu thơ của một số tác giả khác và đặc biệt là tác giả dân tộc thiểu số để so sánh, đối chiếu. Chúng tôi cũng tham khảo

một số sách lý thuyết, lý luận văn học làm cơ sở lý luận cho công trình nghiên cứu của mình.

4. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Trong luận văn chúng tôi đặt ra vấn đề tìm hiểu về:

Văn hóa, văn học dân tộc Giáy và cuộc đời, sự nghiệp văn học của Lò Ngân Sủn.

Những cảm hứng chủ đạo được thể hiện sâu sắc và nổi bật trong thơ Lò Ngân Sủn.

Những phương diện nghệ thuật đặc sắc như biểu tượng, ngôn ngữ và thể thơ trong thơ Lò Ngân Sủn.

5. Phương pháp nghiên cứu

Trong đề tài này chúng tôi sử dụng các phương pháp sau đây:

Phương pháp thống kê để thống kê phân loại và xác lập tư liệu

Phương pháp phân tích, tổng hợp, khái quát những nét đặc trưng nhất của tác giả

Phương pháp so sánh, đối chiếu

Phương pháp nghiên cứu theo loại hình

6. Đóng góp của luận văn

Đây là công trình đầu tiên nghiên cứu một cách hệ thống và toàn diện về thơ Lò Ngân Sủn để khẳng định những đóng góp tiêu biểu của nhà thơ dân tộc Giáy này cho văn học dân tộc thiểu số Việt Nam hiện đại.

7. Cấu trúc của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm ba chương.

Chương 1: Thơ Lò Ngân Sủn trong nguồn mạch thơ ca dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc Việt Nam

Chương 2: Những cảm hứng chủ đạo trong thơ Lò Ngân Sủn

Chương 3: Biểu tượng, ngôn ngữ và thể thơ trong thơ Lò Ngân Sủn

Kết luận

NỘI DUNG

Chương 1

THƠ LÒ NGÂN SỪNG TRONG NGUỒN MẠCH THƠ CA DÂN TỘC THIỂU SỐ MIỀN NÚI PHÍA BẮC VIỆT NAM

1.1. Diện mạo chung của thơ ca dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc Việt Nam

Tây Bắc được biết đến là miền đất của núi rừng và cao nguyên với bạt ngàn hoa ban nở trắng muốt. Đây là không gian văn hóa của hơn hai mươi dân tộc khác nhau như: Mông, Dao, Tày, Nùng, Thái, Giáy,... Điều kiện sinh sống và phương thức lao động sản xuất đã tạo lên những nét độc đáo về văn hóa, văn học. Xét riêng trong lĩnh vực thơ ca, vùng đất này là nơi nuôi dưỡng, nơi khơi nguồn cảm hứng cho nhiều nhà thơ dân tộc thiểu số Việt Nam thời kỳ hiện đại. Trong phạm vi luận văn này, chúng tôi xin điểm lại thơ ca dân tộc thiểu số Việt Nam hiện đại khu vực phía Bắc qua hai giai đoạn, giai đoạn 1945 - 1975 và từ sau 1975 đến nay.

1.1.1. Giai đoạn 1945 - 1975

Đây là thời kì thơ ca Việt Nam nói chung và thơ ca dân tộc thiểu số nói riêng phát triển khá mạnh mẽ. Nội dung thơ ca thời kì này phản ánh cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ đầy gian khổ nhưng hào hùng của dân tộc Việt Nam. Đáng kể nhất là *Việt Bắc đáng giặc* (1948), *Dọn về làng* (1950), *Nói với các anh* (1953), *Thư lên Điện Biên* (1954)... của Nông Quốc Chấn ; *Đêm ba khe* (1952), *Người thanh niên giữ đèo Giàng*, *Gửi anh bạn Triều Tiên* (1953)... của Nông Minh Châu; *Vợ lính ngự mong chồng* (1949), *Gái thời giặc* (1950), *Mường muối yên vui* (1954) của Cầm Biều, *Dặn vợ, dặn con*(1944), *Mừng thủ đô giải phóng* (1954)... của Bàn Tài Đoàn; *Rừng sáng* của Mã A Lềnh; *Tung còn và suối đàn* (1973), *Tiếng hát rừng xa*, *Nắng*

ngàn, Bốn mùa hoa (1974) của triều Ân... Cảm hứng chính của thơ ca thời kì này là sự kết hợp giữa tư tưởng yêu nước, yêu quê hương, lòng tự hào và tự tôn dân tộc. Nhiều nhà thơ đã ghi lại những mốc lịch sử và cách mạng của dân tộc trong kháng chiến như Nông Quốc Chấn với truyện thơ *Việt Bắc đánh giặc* được viết bằng tiếng Tày, dài 2000 câu. Nhà thơ đã dựng lại không khí cách mạng ở Việt Bắc thời kì trước và sau cách mạng. Bài thơ *Dọn về làng* (1950) là một trong những bài thơ tiêu biểu viết về cuộc sống của người dân miền núi dưới ách áp bức và cuộc sống tươi sáng khi quê hương được giải phóng:

Hôm nay Cao - Bắc - Lạng cười vang

Dọn lán, rời rừng, người xuống làng

Người nói cỏ lay trong ruộng rậm

Con cày mẹ phát ruộng ta quang

(Dọn về làng)

Cuộc sống mới của đồng bào dân tộc thiểu số miền Bắc khi đất nước bước vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội với bao niềm hân hoan được phản ánh trong thơ Nông Quốc Chấn, Vương Trung, cầm Biều, Triều Ân... Đó là tình yêu quê hương, niềm vui trong lao động, say mê xây dựng cuộc sống mới:

Rộn rã câu hò bên núi thẳm

Má hồng gió bắc thổi không phai

(Triều Ân - Quê ta anh biết chăng)

Đi thuyền ba bể dọc ngang

Xem người đánh cá, xem nàng hái ngô

Hoa sơn hoa nở bốn mùa

Ve kêu chim hót ước mơ phách phiên...

(Nông Quốc Chấn - Tiếng ca người Việt Bắc)

Một trong những đặc điểm nổi bật của thơ ca các dân tộc thiểu số thời kì này là sự ảnh hưởng và kế thừa thơ ca dân gian truyền thống trong thể thơ bảy chữ tám dòng, bảy chữ bốn dòng kéo dài, thơ đường luật. Tính truyền thống

còn thể hiện trong làn điệu dân ca: Sli (Nùng), Lượn (Tày), Khắp (Thái), Páo dung (Dao)... Bàn Tài Đoàn là người sử dụng trung thành nhất với thể thơ truyền thống xưa của dân tộc Dao, hay Cầm Biêu luôn giữ nét đặc trưng của đồng bào dân tộc Thái. Nhiều tác phẩm được sáng tác bằng tiếng dân tộc phản ánh đúng tâm tư tình cảm, cách nói, cách nghĩ của đồng bào dân tộc thiểu số như thơ Nông Quốc Chấn, Cầm Biêu.

Bên cạnh những thể thơ truyền thống, nhiều nhà thơ đã có sự ảnh hưởng rõ rệt của thi pháp thơ ca hiện đại như Lương Quý Nhân, Vương Anh, Triều Ân. Có những câu thơ không mang màu sắc dân tộc miền núi, nghe giống như thơ của các nhà thơ người Kinh:

Em lẩn vào trong anh

Anh lẩn vào ngàn lá

Tóc em thơm mùi cỏ

Huyền diệu và nguyên sơ

(Giàng Xuân Hồ - Lên cao nguyên)

Thơ ca dân tộc thiểu số Việt Nam hiện đại từ 1945 - 1975 là thời kỳ thăng hoa với đội ngũ nhà thơ đông đảo, số lượng tác phẩm nhiều, chất lượng sáng tác cao tạo ra sự phong phú đa dạng cho diện mạo văn học Việt Nam nói chung và thơ miền núi nói riêng. Các nhà thơ ảnh hưởng sâu sắc của thi pháp thơ ca dân gian nhưng vẫn có không ít tác phẩm ảnh hưởng của thi pháp thơ hiện đại. Sự kết hợp hài hòa hai xu hướng này sẽ tạo ra gương mặt văn học cho thời kỳ tiếp theo.

1.1.2 Giai đoạn từ sau 1975 đến nay

Đất nước đã vẹn toàn một dải, non sông đã thu về một mối, bản tình ca chiến đấu năm xưa giờ thành bản tình ca xây dựng cuộc sống mới. Từ sau năm 1975 đến nay, thơ ca dân tộc thiểu số phát triển mau chóng, chưa bao giờ đội ngũ nhà thơ lại đông đúc như vậy. Những tác giả thuộc lớp thế hệ trước vẫn sáng tác chắc khỏe và đều tay. Họ cho ra đời nhiều tập thơ: **Dòng thác** (1977),

Bài thơ Pác Bó (1982), *Suối và biển* (1984) của Nông Quốc Chấn; *Trên núi vẫn là nơi ta ở* (1979), *Bước đường tôi đi* (1985), *Tìm ban rừng* (1999), *Bó đuốc sáng* (2002) của Bàn Tài Đoàn; *Rượu mận, Lá đắng* (1993), *Tình Viên Chăn* (2000)... của Vương Anh; *Chốn xa xăm* (1990) của Triều Ân; *Sóng Nậm Rốn* (1998) của vương Trung... Đặc biệt sự xuất hiện đông đảo của đội ngũ các nhà thơ thuộc thế hệ sau với sức sáng tác mạnh, cho ra đời hàng trăm tác phẩm thơ với cách thể hiện khác nhau, giọng điệu khác nhau: *Tiếng hát tháng giêng* (1986), *Lửa hồng một góc* (1987), *Đàn then*(1996), *Ngược gió* (2006) ... của Y Phương; *Chiều biên giới* (1989), *Những người con của núi* (1990), *Đám cưới* (1992), *Đường dốc* (1993), *Chợ tình* (1995), *Con của núi, Lều nương* (1996), *Người đẹp*(1999) ... của Lò Ngân Sủn; *Cây hai ngàn lá* (1992), *Bài ca hoang dã* (1993), *Con trai người Pa Dí* (2001)... của Pờ Sảo Mìn; *Điều có thật từ câu dân ca* (1988), *Tình thơ Cao Lan* (1997)... của Lâm Quý; *Mát xanh rừng cọ* (1983), *Tiếng lá rừng gọi đôi* (1996), *Câu hát vắt qua vai*(2005) của Ma Trường Nguyên; *Đi tìm bóng núi* (1993), *Mười bảy khúc đảo ca* (2000)... của Dương Thuấn; *Suối làng* (1994), *Mây vẫn bay về núi* (2001) của Mai Liễu; *Lối nhỏ* (1988) của Dư Thị Hoàn; *Hoa núi* (1990), *Mùa Sa nhân*(1994), *Con của núi* (2002)... của Triệu Kim Văn; *Người Mông nhớ Bác Hồ* của Hùng Đình Quý; *Lời ru cho mình* (1999), *Lời của lá* (2000), *Vườn duyên* (2002) của Nông Thị Ngọc Hòa ; *Rượu núi* (1996), *Theo lời hát về nguồn* (2001) của Lò Cao Nhum...

Thiên nhiên, cuộc sống con người và văn hóa dân tộc đã đi vào mỗi trang thơ của các nhà thơ dân tộc thiểu số một cách tự nhiên, thân thuộc vì cuộc sống là nguồn vô tận của thơ ca. Theo lý giải của Giáo sư Trần Đình Sử: “Xúc cảm thơ bắt nguồn từ sự đồng cảm sự sống giữa con người với thiên nhiên, ngoại giới thể hiện trong sự hốn hợp giữa tình và cảnh, tình và sự việc” [41, Tr.14]. Một loạt các tác phẩm thơ mà chỉ cần đọc tên người ta đã thấy niềm tự hào dân tộc, bản sắc dân tộc trong đó: *Tiếng hát tháng giêng* (1986),

Đàn Then 1996) của Y Phương; *Cây hai ngàn lá, Bài ca hoang dã* (1995) của Pờ Sảo Mìn; *Đi tìm bóng núi*(1993) của Dương Thuần; *Chiều biên giới* (1989), *Những người con của núi* (1990) của Lò Ngân Sủn...

Các nhà thơ miền núi gắn bó sâu nặng và trân trọng vẻ đẹp của quê hương mình, họ đã phản ánh tất cả những đa dạng phong phú của đời sống và cả những chuyển biến, những đổi thay trong tâm hồn con người. Họ khám phá vẻ đẹp của thiên nhiên, của núi rừng, sông suối trên quê hương mình nhưng mỗi nhà thơ lại có một cảm nhận rất riêng mang đến sự lạ hóa cho cảm xúc thẩm mỹ của người đọc.

Hình ảnh con người miền núi trong thơ của các nhà thơ dân tộc thiểu số hiện lên không phải là những con người chung chung mà “*tổng hòa các mối quan hệ xã hội*”. Thơ ca luôn là bức tranh phản ánh cuộc sống nhiều màu sắc, mỗi nhà thơ đều cố gắng in dấu tâm hồn dân tộc mình trong mỗi trang thơ, họ viết về cuộc sống xung quanh bằng tình yêu thiết tha, bằng suy ngẫm, chiêm nghiệm của bản thân, truyền tải những cảm xúc sâu lắng đến người đọc và cả những triết lý mang giá trị nhân bản sâu sắc. Có thể kể đến các tập thơ đặc sắc như *Chiều biên giới, Người con của núi* của Lò Ngân Sủn; *Cây hai ngàn lá, Người con trai Pa Dí* của Pờ Sảo Mìn; *Người núi, Cô gái người Dao, Mẹ núi* của Lâm Quý; *Tìm lại tuổi thơ* của Nông Thị Ngọc Hòa, *Người vùng cao* của Y Phương; *Người xứ mây* của Dương Thuần...

Các thể thơ truyền thống của dân tộc như thơ Đường luật, tứ tuyệt, lục bát, năm chữ, bảy chữ, tám chữ... đều được các nhà thơ sử dụng một cách hiệu quả. Lò Ngân Sủn sáng tác thơ lục bát khá nhuần nhuyễn, Dương Thuần có thơ bảy chữ, Nông Thị Ngọc Hòa sáng tác thể thơ tám chữ...

Tuy nhiên các nhà thơ dân tộc thiểu số lại chủ động phá vỡ cấu trúc thơ truyền thống. Trong nỗ lực đổi mới cách tân thơ, họ cũng tìm đến thơ tự do như một sự lựa chọn tất yếu trong quá trình vận động. Bởi thể thơ này rất phù hợp với tính cách mạnh mẽ, phóng khoáng phảng phất hoang dại của đồng bào miền

núi. Có thể thấy những bài thơ hay nhất, đặc sắc nhất thường ở thể thơ này như bài *Người đẹp, Đi chợ, Những người con của núi...* của Lò Ngân Sủn; Bài thơ *Quê hương* với Bàn Tài Đoàn; *Mùa hoa* của Dương Thuần; Bài thơ *Em - con mưa rào - ngọn lửa, Nói với con* của Y Phương; Bài thơ *Đá ở Sapa, Cây hai ngàn lá* của Pờ Sảo Mìn...

Ngôn ngữ là hình thức của tác phẩm, ngôn ngữ thơ luôn mang tính hình tượng, gợi cảm và hàm súc. Các nhà thơ dân tộc thiểu số sử dụng ngôn ngữ bằng tư duy, lối cảm, lối nghĩ của dân tộc mình vì vậy có nét độc đáo riêng. Nhà thơ Vương Trung dùng cách ví von của dân tộc Thái:

*“Em như sợi chỉ xanh
Anh như sợi chỉ đỏ
Chỉ đan nhau, vải rách màu vẫn thắm tươi”*

(Ing Éng)

Trong ngôn ngữ của người Tày thường là cách cảm, cách nghĩ dùng ví von, ẩn dụ nhưng rất gần gũi với đời sống, dễ hiểu, giản dị:

*“Em là mực trong ngòi
Là cơm trong nồi
Là gà gáy nhưng cũng là quả ớt
Những gì anh có được
Đều bắt đầu từ em”*

(Em - con mưa rào - ngọn lửa - Y Phương)

Hình tượng thơ là đặc trưng của ngôn ngữ thơ. Hình tượng thơ luôn gắn liền với cách cảm, cách nghĩ, cách tư duy của từng dân tộc vì thế mang màu sắc dân tộc rất rõ. Những bài thơ viết về đồng bào Mông thường xuất hiện hình tượng “cây lanh”, “sợi lanh”, “con ong”, “chim rì”, “chim khướu”, “ruộng bậc thang”. Những hình ảnh này mang ý nghĩa biểu tượng cho cuộc sống người Mông. Trong thơ Lò Ngân Sủn có những hình ảnh mang bản sắc Giáy rõ nét như “tiếng kèn Pí lè”, “câu hát Pí lè”, “điệu Páo dung”, “điệu chim phán”...

Tóm lại, văn học dân tộc thiểu số hiện đại Việt Nam đã có những bước vận động mạnh mẽ và đa dạng. Nhiều nhà thơ đã thành danh với nhiều cống hiến đáng được ghi nhận. Tác phẩm của họ đã trở thành món ăn tinh thần bổ ích cho đồng bào dân tộc vùng cao và góp phần thay đổi diện mạo văn học và đời sống văn hóa của người miền núi. Các nhà thơ thực sự đã làm cho ngôn ngữ dân tộc mình phát triển và tỏa sáng. Các tác phẩm của họ tạo ra dấu ấn đậm đà bản sắc dân tộc góp phần làm phong phú cho nền văn học Việt Nam hiện đại. Mỗi nhà thơ có sắc màu (giọng điệu) riêng, độc đáo: “*Một Bàn Tài Đoàn mộc mạc, chân chất; Một Nông Quốc Chấn dân tộc hiện đại; Một Y Phương giàu liên tưởng và thông tuệ; Một Pờ Sảo Mìn hoang dã mà triết lý; Một Lò Ngân Sủn thơ lẫn chất thực vật mà bay bổng; Một Irasana ma thuật, ám ảnh; Một Triệu Kim Văn nép mình, tỏa sáng; Một Triệu Lam Châu khơi nguồn tiếng dân tộc như không bao giờ vơi cạn; Một Dương Thuấn mãi mê đi tìm bóng núi; Một Dư Thị Hoàn tư thơ như xoáy; Một Hồ Vê trong trẻo tiếng chim...*” [47, tr. 5 - 6]. Lò Ngân Sủn là gương mặt thơ miền núi nổi bật, thuộc thế hệ văn nghệ sĩ trưởng thành sau 1975. Phong cách tư duy, lối sống sinh hoạt, ứng xử, tình cảm, thế giới tâm linh... của dân tộc Giáy đã để lại dấu ấn đậm nét trong từng trang thơ của Lò Ngân Sủn. Ông là một trong số những nhà thơ có đóng góp quan trọng làm phong phú diện mạo thơ ca dân tộc thiểu số Việt Nam hiện đại.

1.2. Lò Ngân Sủn - nhà thơ tiêu biểu của đồng bào dân tộc Giáy

1.2.1. Nét đặc sắc của Văn hóa Giáy

Người Giáy còn có các tên gọi khác: Nhắng, Dẳng, Pâu Thìn, Pu Nà, Cùi Chu, Sa Nhân. Người Giáy cư trú chủ yếu ở Lào Cai. Theo Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009, người Giáy ở Việt Nam có dân số 58.617 người. Thuộc nhóm ngôn ngữ Tày - Thái, hệ tiếng nói Thái- Kadai. Theo các nhà nghiên cứu, họ di cư vào Việt Nam, từ thế kỷ XVI do: “*Sự chèn ép của các tộc người phương Bắc đối với các ngành Dao (từ thế kỷ XIV đến nay) và các tộc người*

Sán Chay, Sán Dìu, Giáy... (từ thế kỷ XVI đến gần đây) và nạn đói kém loạn lạc, áp bức đã khiến họ di cư vào Việt Nam”[30, tr.32]. Đồng bào Giáy sống định cư và họ gọi nơi ở của mình là “*Luông*” (Làng) “*Bán*” (Bản). Địa vực cư trú của họ thường ở ven sông, suối, thung lũng và những bãi bằng, thuận tiện cho việc gieo trồng cây lúa nước. Người Giáy làm ruộng nước là chính, rẫy chỉ là nguồn thu nhập thêm và thường cũng là chỗ chăn nuôi lợn, gà. Trong tục ngữ Giáy có câu: “*Xíp ba rì - tý bỏ đáy xì ná* ”(Mười đám nương không so được một góc ruộng) cho thấy tầm quan trọng của ruộng trong đời sống người Giáy. Các ngày tết, lễ hội trong năm đều theo mùa vụ của cây lúa nước. Họ có hội: Róong Pọc (lễ hội xuống đồng) tổ chức vào ngày Thìn, tháng giêng; Lễ hội Tú Tỉ (lễ cúng thần thổ địa) tổ chức vào 2/2 hàng năm... để cầu mong mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu, dân bản khỏe mạnh, vật nuôi sinh sôi nảy nở.

Ngôi nhà điển hình của người Giáy là nhà khung gỗ, lợp hai mái gianh cao vút. Hai đầu hồi trên nóc nhà có thể được trang trí hoa văn gỗ hoặc để thông thoáng. Tường nhà bốn bức được nện bằng đất hoặc bằng gỗ tấm hay phen che nửa, cách mặt đất gần 20 cm. Trong nhà, gian chính giữa đặt bàn thờ và nơi tiếp khách. Gian bên trái, gian bên phải phía trong là buồng dùng cho các thành viên trong gia đình.

Công cụ lao động của họ cũng giống các dân tộc khác, chỉ có một vài công cụ riêng như chiếc bừa đôi, đôi dậu gánh thóc... Con dao (phạc sá) là công cụ quan trọng nhất trong việc tạo ra những giá trị văn hóa, đặc biệt là văn hóa vật chất. Vì thế, người Giáy rất chú ý mài sắc và giữ gìn dao bằng cách làm bao đựng dao bằng ống tre, vầu và luôn đeo bên hông.

Trang phục của phụ nữ là áo ngắn xẻ nách viền cổ trang trí đậm nét. Phong cách trang trí ở đường viền cổ, tuy không cầu kỳ nhưng là một sắc thái riêng cho loại áo này về kỹ thuật và mỹ thuật. Quần chàm ngắn đến mắt cá chân, ống rộng. Tóc vấn theo kiểu vành khăn, đi loại giày vải thêu hoa văn nhiều loại. Nam mặc áo cánh xẻ ngực, cổ tròn, cài cúc vải, thường có ba túi, hai

túi dưới, một túi trên bên phải. Thân áo hơi ngắn, màu chàm, quần ống đứng, cạp to bản.

Đối với người Giáy, một năm có mười hai tháng, có mười ba cái tết lớn nhỏ. Có tháng có đến ba cái tết như tháng giêng gồm: tết Nguyên Đán (*Con Siêng Láo*), tết rằm tháng giêng (*Con sịp há*), tết 30 tháng giêng (*Con đáp*). Ngoài ra có tết tháng 2, tết tháng 3 (tết Thanh Minh), tết tháng năm (tết Đoàn Ngọ), tết tháng Bảy kéo dài tới 3 ngày (Các ngày 14,15,16), tết tháng 8 (tết Trung Thu)...

Việc cưới hỏi của người Giáy rất tốt kém và nhiều bước tiến hành lễ lạt mới được rước dâu về. Sau việc rước dâu về, Người Giáy cũng có tục lệ lại mặt. Ngoài chi phí cho các bước lễ và chi phí ăn uống cho nhà gái, nhà trai còn phải mang tặng phẩm tiền làm quà biếu cho họ hàng nhà gái. Chọn giờ để dâu bước vào nhà với người Giáy rất quan trọng, thường họ chọn giờ vào ban đêm. Cô dâu phải bước qua một cái thang ba bậc, phủ vải đỏ rồi mới được vào nhà để nhập gia. Trong ngày đón dâu, người Giáy tổ chức các cuộc hát và thổi kèn Pí lè suốt đêm đến sáng.

Người Giáy làm ma rất to và kéo dài, từ 5-7 ngày. Người trẻ chưa lập gia đình nếu chết sẽ cải táng không làm tang ma to. Có tục lệ thả đèn trôi theo suối, theo sông để hồn người chết đi chơi và lên trời. Người Giáy để tang bố mẹ trong vòng một năm. Lễ đoạn tang tổ chức vào cuối năm.

Người Giáy có nhiều trò chơi dân gian cho các lứa tuổi như đánh quay, tung yến (tó tôm), trò chơi dành cho các cô gái vào tháng Giêng, thường tổ chức trong nhà Rông với nhiều cặp, tuy nhiên con trai có thể được phép tham gia chơi tung còn. Tung còn là trò chơi cho cả bản làng già trẻ thanh niên nam nữ. Người ta còn tổ chức hội tung còn đông tới hàng trăm người tham dự. Nhạc cụ quen thuộc nhất có kèn Pí lè với đội nhạc 4 người: Người đánh bộ gõ có trống, thanh la to và nhỏ, người đánh chũm chọe và 2 người thổi pí lè. Pí lè dùng thổi trong các lễ hội, trong đám cưới và cả đám ma.

Nhìn chung văn hóa, phong tục tập quán, truyền thống lâu đời của đồng bào dân tộc Giáy rất phong phú, đa dạng và mang bản sắc riêng. Những nét văn hóa đó được vun đắp qua lịch sử đấu tranh sinh tồn, trở thành tinh hoa dân tộc, là gốc rễ để nuôi dưỡng tâm hồn và trí tuệ con người, nuôi dưỡng thơ ca và gắn kết cộng đồng.

1.2.2. Nền văn học dân gian Giáy phong phú, đa dạng

Tuy có chữ viết nhưng người Giáy vẫn lưu giữ được một kho tàng văn học dân gian phong phú, mang bản sắc Giáy rõ rệt. Họ có sử dụng chữ Hán nhưng chủ yếu trong viết số. Một số ít người học chữ Hán đọc sách song chủ yếu vẫn là văn học dân gian. Người Giáy có cả kho tàng truyện cổ tích, thần thoại và truyện cười (như tiểu lâm của người Việt) rất hay và có thể kể hàng đêm. Họ cũng có truyện thơ như *Pút chai, Phù Sĩ; E Toi* mà ai trong cộng đồng Giáy cũng đều biết rõ. Kho tàng tục ngữ, dân ca phản ánh được ý nghĩ, tình cảm, lao động, xã hội Giáy rõ nét. Hát dân ca có tới vài nghìn bài và nhiều thể loại: hát mừng nhà mới, hát mời điếu, hát chào đường, ... Ngoài hát đôi ở các ngày cưới, người Giáy còn tổ chức hát tháng Chạp, hát tháng Giêng giữa trai gái các làng. Lễ tổ chức hát rất to, đông vui kéo dài vài ba đêm.

Truyện cổ dân tộc Giáy phản ánh cuộc sống với đầy đủ hình ảnh, màu sắc và âm thanh rất đặc trưng. Truyện *Quả bầu* có ý nghĩa giống như Âu Cơ lấy Lạc Long Quân đẻ ra bọc trăm trứng, để khẳng định nguồn gốc của các dân tộc sống trên đất Việt. Có những truyện là sự tưởng tượng vô cùng phong phú của dân gian xoay quanh một số nhân vật tài giỏi như truyện *Nàng sram póc ẻn tái* ca ngợi người con gái tài giỏi cả văn, võ, canh nông; truyện *Pút chai phù sỹ* là truyện thơ vừa hát, vừa kể về chàng trai từ biệt vợ mới cưới lên biên ải giữ nước và lập nhiều chiến công được tổng trấn gả con gái cho. Người vợ ở nhà nuôi bố mẹ, đến khi bố mẹ qua đời lại lặn lội đi tìm chồng. Chồng nàng đã từ quan cùng vợ về quê sinh sống. Có những truyện kể về người mồ côi, người em út, con riêng, người nghèo khó như truyện *E chá E péng* (tương tự kiểu truyện

Tâm Cám). Truyện cười *E Toi* (tương tự truyện thằng Cuội) kể về một nhân vật nhưng lại đề cập đến nhiều sự việc, sự kiện trong cuộc sống như: chế nhạo, chơi xỏ bợn quan lại, bợn nhà giàu chỉ biết thừa hưởng thành quả lao động của người khác... Ngoài ra nội dung phản ánh trong các truyện cổ còn là những phong tục tập quán, những quan niệm của người xưa về cái sống, cái chết, về muôn vật, muôn loài... Thông qua những câu truyện cổ, người Giáy muốn nhắn nhủ hậu thế lấy ngay thặng để chống lại bất công, lấy thiện để thắng tà...

Tục ngữ Giáy không đồ sộ về số lượng nhưng rất sâu sắc và chí lý đề răn đời hoặc phục vụ cho lao động sản xuất và người lao động. Chẳng hạn: *Xá rắm rắm mý cạt* (Dao chặt không đứt); *Choi dưới vệt đáy/ Pí nuống rười vệt bỏ pấn* (Sọt rách không vớt được/ Anh em rách không vớt được); *Đăn lai đai bỏ đáy có chấn* (Trồng nhiều làm cỏ không được cũng đói); *Pun ta nừng há ráy quả mùm* (Lông mày còn muốn dài hơn râu); *Cháy nắng há qiau nhiều pít* (Trứng còn muốn khôn hơn vịt)...

Tục ngữ là tiếng nói được tổng kết từ cuộc sống của người Giáy trong mối quan hệ với thiên nhiên và lao động sản xuất, là sản phẩm tư duy của người lao động. Với người miền núi thiên nhiên có vai trò quan trọng trong cuộc sống, vì vậy họ đã tự đúc rút những nhận xét giản đơn về vai trò của thời tiết, khí hậu trong lao động sản xuất. Nếu tục ngữ người Việt có câu "Trăng quầng thì hạn, trăng tán thì mưa" thì dân tộc Giáy nói: *Mặt trắng đội nón đất khô, mặt trắng căng ô đất sứt*. Quan điểm của người Việt nói chung là con người phải biết tư duy, hành động, ứng xử hướng về điều thiện, điều chân. Tư tưởng tích cực đạo Nho và đạo Phật hoà hợp với tư tưởng nhân văn của người Giáy. "*ở ác thì chạc sùng nai*" , "*Nhà hẹp, trái tim rộng*" ; "*Người tốt khắp mừng biết, người ác khắp mừng đồn*"... Giao tiếp, cách ăn ở, nói năng, đi lại cũng là một trong những điều người Giáy quan tâm dạy con cháu. Từ "*ăn*", "*nói*" đều được hiểu đầy đủ về nghĩa đen lẫn nghĩa bóng. "*Ăn đưa xuống, uống đưa lên*" , "*Ăn khi đói, nói khi tỉnh*" ... Nói là ngôn ngữ, là cái vỏ của tư duy, vì

vậy đã nói thì phải suy nghĩ, người Giáy có câu: "*Lời nói ở đầu lưỡi, lật bên nào cũng được*", "*Lời nói ở đầu lưỡi, đắng, ngọt ở đáy cả*"... Trong quan hệ xã hội khi nhắc đến quan hệ giàu nghèo, sang hèn họ nói: "*vào nhà quăng gậy không vướng vật gì*", "*Giàu có thì tìm đến, nghèo khó quay lưng đi*"... Người Giáy dùng tục ngữ để răn dạy con trẻ và để đối đáp trong những cuộc bàn luận trao đổi. Họ coi những người biết nhiều về tục ngữ và am hiểu tục ngữ là người có tri thức, biết ứng xử trong cuộc sống và xã hội.

Có thể nói, dân ca là yếu tố tạo lên đời sống tinh thần chủ đạo của tộc người Giáy. Trong cuộc sống hàng ngày buồn họ cũng hát, vui càng hát, làm hay chơi hay lên rừng hái củi, cắt cỏ ngựa, đi tìm măng... bất cứ lúc nào tiếng hát cũng vang lên. Lúc buồn hát những bài than thân trách phận, giai điệu chậm, trầm, sâu lắng. Khi vui hát những bài hát ca ngợi thiên nhiên, tình người, hát yêu, hát nhớ... tiết tấu nhanh, giai điệu khá mượt mà cho thấy tâm hồn người hát đang vui. Họ quan niệm dân ca là tinh túy, tạo lên sự vui tươi, lành mạnh, trẻ trung, ấm cúng, bình yên cho cuộc sống con người. Người hát giỏi là người thuộc nhiều bài hát có sẵn và có tài ứng khẩu. Thế hệ trước truyền cho thế hệ sau trong lúc nhàn rỗi, lúc ngồi vui dưới trăng, khi quây quần khâu giày, thêu thùa trên sân phơi lúa, bên bếp lửa hồng...

Trong bất kì hoàn cảnh nào, đồng bào Giáy cũng có thể cất tiếng hát. Tiếng hát có khi bắt nguồn từ những việc rất bình thường như dưới nắng chói chang, lá cây ngọn cỏ im phăng phắc, ai đó huýt lên một tiếng sáo dài rồi cất tiếng ca gọi thiết tha: "*Thổi thì thổi đi gió ơi!/ Râm thì râm đi mây ạ/ Thổi cho ta làm đồng/ Râm cho ta làm việc*". Cũng có khi họ hát bên mâm rượu (Vươn lá lấu) ca ngợi rượu ngon, thịt béo, tấm lòng hào hiệp của gia chủ, chúc nhau sức khỏe, hạnh phúc, sống lâu, lúa đầy đồng, cá đầy ao, gia súc đầy đồng cỏ, chạt chuồng: "*Chúc cho lúa đầy ruộng/Cá đầy ao/Chuồng chạt đàn gia súc*". Cũng có khi hát trước mặt quan khách (Vươn ná snú ná srây): "*Chúc vua sống ngàn năm trên đời/ Sống muôn tuổi với thần dân*". Những bài hát trước mặt

quan khách thường ca ngợi công đức vua quan, là những cuộc hát nghiêm túc, công thức. Mỗi lần dứt một bài hát, quan khách lại nâng rượu và nếu hào phóng bề trên có thể lấy vài hào bạc bỏ vào khay rượu thưởng cho người hát.

Người Giáy còn hát trao dâu (vươn srong pẩu) khi nhà gái đưa dâu đến nhà trai. Hát tặng đu (vươn srong đa), khi nhà trai làm đầy tháng cho cháu nội và nhà gái mang đu mang tã đến tặng cháu ngoại. Hát tiễn đường (vươn srong răn) là cuộc hát của trai gái trong chợ phiên. Hát ống hát (vươn booc vươn) là cuộc hát tâm tình của đôi lứa. Khoảng tháng chạp hoặc tháng tết âm lịch, trên những thửa ruộng trước làng, đêm đến là từng đôi hoặc từng nhóm rủ nhau ra cánh đồng để nói lời yêu thương, tâm tình bằng lời hát qua hai ống tre và một sợi chỉ. Hát ban đêm (vươn chang hằm), đây là cuộc hát có bài vỡ, có thứ tự, có chủ đề nội dung, là cuộc hát đọ tài thi sức của trai gái vùng này với vùng khác. Cuộc hát này thu hút mọi lứa tuổi đến dự và nửa đêm gia chủ phải có bữa “siêu dè” (ăn đêm) để mọi người thức khuya khỏi đói.

Tóm lại, nền văn hóa, văn học dân gian Giáy phản ánh đặc điểm cư dân nông nghiệp và nền kinh tế tự cấp, tự túc của đồng bào dân tộc Giáy. Qua đó, thấy được thế giới quan, nhân sinh quan, phong cách tư duy, lối sống, sinh hoạt, ứng xử, đời sống tình cảm của tộc người Giáy. Nền văn hóa, văn học ấy là nền tảng cho văn học viết hình thành và phát triển. Trong thơ Lò Ngân Sủn nhiều thể loại thơ được phát triển dựa trên sự kế thừa thể loại thơ ca dân gian. Nhiều tác phẩm, nhiều hình tượng có trong văn hóa, văn học dân tộc tạo lên nguồn cảm hứng và thành thi liệu trong các sáng tác của ông.

1.2.3. Hành trình sáng tác của nhà thơ Lò Ngân Sủn

1.2.3.1. Cuộc đời và con người:

Lò Ngân Sủn là niềm tự hào của đồng bào dân tộc Giáy. Ông sinh ngày 26 tháng 04 năm 1945 tại thôn bản Vền, xã Bản Qua, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai. Các bút danh khác là E Sun, Lô Quang Thuận, nhưng người đọc biết đến

ông chủ yếu với tên khai sinh. Ông yêu quý và chủ yếu sử dụng tên khai sinh đầy chất Giáy của mình để làm lên tên tuổi một nhà thơ - một người con của núi.

Sinh ra và lớn lên trong gia đình nông dân, nhà nghèo, đông con. Nhà có đến tám anh em, ông là con út. Cũng giống như phần lớn các gia đình trong bản, nhà ông quanh năm thường trực với cái đói, cái nghèo. Nhưng chàng trai Bản Vền ấy, vẫn nuôi chí học hành và ước mơ vào đại học. Sau khi tốt nghiệp cấp 3 theo học trường Sư phạm tỉnh (từ sơ cấp đến trung cấp, 1961- 1967) và tiếp tục học lên đại học Sư phạm (1967 - 1969) chuyên ngành chính trị. Những năm tháng trẻ trung tươi thắm nhất ông làm kỹ sư tâm hồn. 18 tuổi Lò Ngân Sủn đã trở thành thầy giáo, công tác trong ngành giáo dục quê nhà, trường phổ thông cấp I, xã Mường Hum (huyện Bát Xát). 26 tuổi tham gia đội ngũ quản lý ngành giáo dục, rồi hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện Bát Xát. Dòng sông cuộc đời nhà thơ cứ chảy mãi và sâu lắng, ông thành một trong những người tham gia đội ngũ lãnh đạo hội nhà văn Việt Nam, hội văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam. Ông từng là Tổng thư ký Hội Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam; Ủy viên Ban chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam; Ủy viên Đoàn chủ tịch Liên hiệp các hội Văn học nghệ thuật Việt Nam; Chủ tịch Hội văn học nghệ thuật tỉnh Lào Cai.

Nhà thơ Lò Ngân Sủn bị một cơn tai biến dẫn đến đột quỵ từ năm 2003. Ông tỉnh lại với di chứng là chân phải, tay phải bị liệt và nói ngọng, nói lắp, trí nhớ suy giảm mạnh. Không chịu nằm yên, ông luyện thanh hàng ngày, luyện viết bằng bàn tay trái. Sau một thời gian dài kiên trì, ông đã nói được, viết được, dù nét chữ có vẻ hơi run nhưng vẫn khá rõ ràng, mạch lạc và chắc chắn. Ngay cả lúc nằm trên giường bệnh, thơ Lò Ngân Sủn vẫn có một màu sắc, một giọng điệu riêng và đề tài thì luôn có "cái gốc" là tình yêu đôi lứa. Nhà thơ Lò Ngân Sủn từng viết: "*Làm báo săn tin/ Làm thơ săn tình*".

Con gái nhà thơ Lò Ngân Sủn tâm sự, ông đã phải chiến đấu với căn bệnh hiểm nghèo này suốt 10 năm qua. Dù đau đớn về cơ thể nhưng tinh thần nhà thơ vẫn minh mẫn và thường xuyên sáng tác các bài thơ đăng báo. Ông luôn vững niềm tin rằng mình sẽ khỏe lại. Lần nhập viện sau cùng nhà thơ vẫn tin ông sẽ trở về nhà với con cháu chỉ sau một, hai ngày nằm viện... Ngày 15/12/2013 tại bệnh viện Hữu Nghị Việt Xô sau thời gian chạy chữa căn bệnh ung thư gan và di chứng đột quỵ, người con của núi đã trở về với núi, hưởng thọ 69 tuổi. Bây giờ, khi nhắm mắt xuôi tay *“Lò Ngân Sủn lại trở về với quê hương Bát Xát, Lào Cai, nơi mà ông yêu nhất - nơi ông đã từng viết “có nơi nào xanh hơn”, “có nơi nào cao hơn”, “có nơi nào đẹp hơn”... Lại đắm say với gió núi, mây ngàn. Anh lại quấn quýt với các cô gái chàng trai Bản Vền - nơi anh sinh ra, trong đêm trăng núi trải ánh sáng bạc mênh mang”* [15, tr.235]. Nhà thơ Lò Ngân Sủn đã được trao Giải thưởng Văn học - Nghệ thuật Phan Xi Păng của UBND tỉnh Lào Cai và nhiều giải thưởng khác của Hội Nhà văn Việt Nam, Liên Hiệp các hội văn học - nghệ thuật Việt Nam, Hội Văn học - Nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam...

Lò Ngân Sủn là một người nghệ sĩ luôn hướng đến những giá trị nghệ thuật chân chính. Nổi bật nhất trong con người ông đó là tình yêu quê hương, Đất nước. Ông gắn bó máu thịt với nắng, với gió của đất trời Lào Cai, với những con người mộc mạc giản dị trên quê hương của gió núi mây ngàn. Bởi vậy, từ khi bước chân vào “làng thơ”, không có tập thơ nào thiếu vắng những bài thơ viết về quê mẹ. Ông đã chắt chiu tình yêu quê hương và những kỷ niệm nồng nàn nhất để sáng tác những vần thơ ngọt ngào say đắm. Bài thơ “Chiều biên giới” có thể coi như đây là một ca khúc thiêng liêng về tình yêu quê hương đất nước của một trái tim nghệ sĩ đầy nhiệt huyết.

Lò Ngân Sùn cũng mang nét phẩm chất của người lao động miền núi đó là lạc quan, yêu đời, đầy nghị lực sống. Sinh ra trong một gia đình đông con, đói nghèo, lam lũ nhưng chưa khi nào ước mộng học hành ngou ngoai. Khi là học sinh lớp 2 trường bỏ túc canh nông Lào Cai, ông muốn lên lớp 7. Hết lớp 7 lại mơ ước học lớp 10 phổ thông, tốt nghiệp cấp III lại ước mơ vào đại học, rồi bén duyên với ngành sư phạm. Khi tai biến mạch máu não, sức khỏe yếu, kèm theo những di chứng đi lại khó khăn, giao tiếp hạn chế, không thể cầm bút viết. Nhà thơ vẫn kiên trì luyện tập, viết bằng tay trái. Như để trả công cho nghị lực ấy, chữ của ông thuần thực và đẹp đến khó tin. Ông vịn niềm tin yêu để sống và niềm tin đã tiếp cho ông nghị lực phi thường vượt qua chông gai. Nhà thơ vẫn lạc quan tin tưởng sẽ phục hồi sức khỏe để trở về quê hương, thăm thú bạn bè. Kể cả khi mắc bệnh nan y, ông vẫn sáng tác như để trả món nợ ân tình với cuộc đời.

Trong con mắt bạn bè, Lò Ngân Sùn là người sống rất ân tình, nhân hậu. Nhà thơ Trần Mạnh Hảo khi đánh giá về ông có nói: *“nhà thơ của núi rừng dáng thanh mảnh, đẹp trai, da trắng như da con gái, im lặng ít nói như cây mận hậu”* [14, tr.415]. Họa sĩ Đỗ Đức khi gặp ông lần đầu đã cảm nhận: *“Lò Ngân Sùn đẹp như cây măng mới mọc, da trắng, mặt bầu và đặc biệt đôi mắt màu hổ phách trong vắt. Và rồi tôi nhận ra những vần thơ cũng trong trẻo ngây thơ như đôi mắt ấy...Anh ra đi nhưng để lại những trang thơ trải dài biên giới, thắm đẫm tình yêu đôi lứa. Bao nhiêu năm bom đạn nhưng thơ anh hầu như không thấy tiếng súng, thơ anh chỉ lấp lánh màu thổ cẩm với câu chuyện về một chàng trai suốt đời hát với tình yêu. Nhưng chứa đựng trong đó tình yêu bản làng đến nao lòng”* [15, tr.235 - 236]. Bạn bè văn chương như Hoàng Quảng Uyên, Mai Liễu, Trần Mạnh Hảo... rất nhiều yêu quý ông bởi cái tâm và cái tình như thế.

Có thể thấy, Lò Ngân Sủn là con người cần mẫn trong sáng tạo nghệ thuật, một tài năng, một tấm gương lao động nghệ thuật giàu sức sáng tạo, đầy nghị lực vượt khó, xứng đáng để các nhà thơ, các nghệ sĩ trẻ noi theo.

1.2.3.2. Sự nghiệp sáng tác thơ ca của Lò Ngân Sủn

** Quan điểm sáng tác*

Có thể nói, Lò Ngân Sủn là một trong nhà thơ dân tộc xuất sắc nhất trong đời sống thơ ca Việt Nam hiện đại. Ông đã có những đóng góp quan trọng vào việc xây dựng nền thơ ca dân tộc thiểu số Việt Nam nói riêng và sự phát triển của nền thơ hiện đại Việt Nam nói chung theo hướng hiện đại hóa mà vẫn đậm đà bản sắc dân tộc. Ông cũng viết nhiều thể loại khác nhưng thơ ca là sở trường, là thế mạnh. Trong các tác phẩm, trong những bài tiểu luận Lò Ngân Sủn đã thể hiện một cách có hệ thống và nhất quán về nguyên tắc sáng tác thơ.

Lò Ngân Sủn cho rằng sáng tác thơ là hành trình đi tìm cái đẹp của cuộc đời. Và ông luôn nghĩ mình là con ong đi hút nhụy hoa dâng đời, luôn khao khát có những vần thơ để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng người: *“Ước mơ của tôi là làm sao có những bài thơ thật đẹp, thật hay, có sức lay động sâu xa và âm vang sống động trong lòng người đọc.”* [14, tr.497]. Vậy thế nào là thơ hay? Theo ông thơ hay không nhất thiết ở vần điệu, ở thể loại mà nhà thơ phải *“sống chết”* với thơ, *“tâm huyết”* với đời: *“Không sống chết với thơ thì thử hỏi làm sao có thơ hay được đây. Cho nên, tôi cứ nghĩ: Nếu còn có người dám sống chết với thơ, tâm huyết với người với đời thì sẽ có thơ hay, thơ để đời”* [14, tr.504].

Khi bàn về sứ mệnh của nhà thơ, Lò Ngân Sủn khẳng định *“Người làm thơ là người đi gieo niềm tin và hy vọng”* [39, tr.37]. Điều này xuất phát từ chính tư tưởng của đồng bào dân tộc quê ông. Từ xa xưa dân ca Giáy có câu: *“Hai ta yêu nhau không thành đôi Hẹn nhau đến Mường Tiên sẽ lấy”*. Câu dân ca ấy là ao ước của người xưa về một xã hội tốt đẹp. Chính vì thế trong thơ ông luôn ngợi ca cuộc đời, ngợi ca con người và quê hương đất nước.

Cũng giống như nhiều nhà thơ khác, Lò Ngân Sủn quan niệm “*làm thơ là một công việc đầy sáng tạo, đầy lãng mạn, đầy chất trữ tình*” [39, tr.7]. Điều này được thể hiện một cách thú vị khi ông so sánh công việc của một nhà thơ với nhà nông:

Nhà thơ

Cày bừa trên trang giấy

Nhà nông

Cày bừa trên đất đá

Nhà thơ

chuyên reo vần cây chữ

Nhà nông

chuyên reo mạ cấy lúa

(Người trên đá - Nhà thơ và nhà nông)

Làm thơ là một công việc lao động đầy sáng tạo và là một sự sáng tạo đặc biệt. Sản phẩm của quá trình sáng tạo ấy là “*những bài thơ đỉnh cao, là niềm tự hào của cuộc sống con người*” [39, tr. 11]. Tuy nhiên theo ông cũng có nhiều tác phẩm thơ chưa hay, còn nông cạn, nhạt nhẽo như diễn ca hò vè. Vì thế thơ hay luôn là của quý, của hiếm của con người. Với ông, thơ ca là món ăn tinh thần không thể thiếu của con người mọi thời “*không có tương lai nào là không có thơ ca*” “*Nhà thơ muốn có thơ hay thì phải cháy lên*” [39, tr. 40].

Chất liệu cuộc sống đời thường là thứ mực để chưng cất lên tác phẩm. Đây là đòi hỏi nghiêm khắc của đời sống mà nhà thơ không thể ngoảnh mặt. Lò Ngân Sủn quan niệm: “*Thơ như nôi thắp cỏ/ những miếng thịt trâu, thịt bò, thịt lợn/ Sôi sùng sục trong chảo/ Múc vào bát/ Uống với rượu và hát/ Đầy tràn*”. Cái chảo đang sôi sùng sục ấy là tâm hồn nhà thơ, cuộc sống kham khổ và những nguyện vọng, khát vọng chính đáng của bà con miền núi là chất liệu sáng tác thơ. Với quan niệm như vậy, thơ ông thật từ suy nghĩ đến hành động. Ông không ngại ví mình là trâu, là hổ, là gấu để yêu đến đắm say, đến tận cùng:

*“Anh yêu em/ Như con sói đói môi / Như con trâu đói cỏ/ Như con hổ đói ăn/
Như con gấu đói mật”.*

Thơ Lò Ngân Sủn thấm đẫm chất tình *“cái tình không bờ bến dấn dẫm
thơ anh đến mọi ngõ đường”* [14, tr.445]. Có những bài thơ của ông thấm đẫm
một tình yêu da diết, hết mình như thừa Adam và Eva: *“Hai ta yêu nhau giữa
lều nương/ Lều nương không phen vách/ Ta cởi áo làm phen vách/ Hai ta yêu
nhau giữa lều ruộng/ Lều ruộng không chăn chiếu/ Ta cởi áo làm chăn
chiếu”*(**Tình ca lều nương**). Không chỉ trong tình yêu nam nữ, cái tình trong thơ
Lò Ngân Sủn còn hòa nhập vào đời sống để khám phá thiên nhiên, đất trời, cuộc
đời. Các bài thơ: **Người đẹp, Lều nương, động đất, động trời...** là điển hình cho
sự khám phá cái đẹp của cuộc sống nguyên sơ, nguyên bản và chan chứa tình yêu.

Nói tóm lại, so với các nhà thơ cùng thời bấy giờ, Lò Ngân Sủn viết
nhanh, viết nhiều, viết khỏe, tuy còn những bài thơ chưa thật thành công nhưng
vẫn vẫn phải thừa nhận rằng, Lò Ngân Sủn đã góp một tiếng nói riêng đầy bản
sắc trong thơ ca hiện đại Việt Nam, và ông đã có được những *“câu thơ lưu lại
lòng người đọc. Bài thơ lưu lại lòng người đọc. Tập thơ lưu lại lòng người
đọc”* [14, tr. 462]

b. Sự nghiệp sáng tác thơ của Lò Ngân Sủn:

Trong số các nhà thơ dân tộc thiểu số, Lò Ngân Sủn là nhà thơ có khối
lượng sáng tác khá lớn. Nếu chỉ dừng lại ở một vài bài thơ, trong từng thời
điểm thật khó để có thể vẽ lên bức chân dung văn học của ông. Từ những
những năm 70, thiên hướng văn chương của chàng trai bản Vèn đã được bộc lộ
với những sáng tác đầu tay nhưng chưa thực sự thành công. Mỗi bài thơ viết ra
ông cần mẫn, tỉ mẫn trau dồi với tinh thần cầu thị để luyện ngòi bút thơ. Người
đầu tiên nhận ra tố chất thơ của Lò Ngân Sủn là Nông Quốc Chấn. Sự quan tâm
của một nhà thơ đàn anh trên văn đàn thực sự là cú hích quan trọng để chàng
tra trẻ bản Vèn quyết định dấn thân với nghề văn với đầy hoài bão, ước mơ:

“Nhà thơ như ngọn lửa/ Cháy giữa mùa đông/ Nhà thơ như ngọn gió/ Thổi vào mùa hạ/ Nhà thơ như chiếc lá trên cành/ Dầu rụng rồi vẫn cho cây màu xanh”.

Bài thơ đầu tiên, được đăng trên báo văn nghệ Lào Cai là bài “**Hoa má po**” là khởi đầu cho sự nghiệp thơ ca của Lò Ngân Sủn:

*Em sẽ làm rừng xanh mong đợi
Làm má po nở giữa đôi nương
Làm khăn thương không phai màu chỉ hồng
Ngày anh về “tắm mát tình trong!”*

Từ những bài thơ đầu tiên như thế, nhận thấy năng khiếu của Lò Ngân Sủn, tỉnh Lào Cai cử nhà thơ đi học Trường bồi dưỡng những người viết văn trẻ - Hội nhà văn Việt Nam (1974 - 1975). Từ năm 1982 ông chuyển sang hoạt động văn học nghệ thuật, có điều kiện gần gũi, học hỏi nhiều bạn văn nên việc sáng tác thuận lợi hơn. Năm 1991, ông trở thành hội viên Hội nhà văn Việt Nam. Năm 1992 tham gia trại sáng tác văn học do Bộ văn hóa và Hội nhà văn Việt Nam phối hợp tổ chức ở Đại Lải. Một tháng dự trại sáng tác, ông được tiếp xúc với nhiều nhà văn “gạo cội” và giao lưu với các nhà văn, nhà thơ dân tộc thiểu số. Nhờ cầu thị, kiên trì tập thơ “Đám cưới” của ông đạt giải A của hội văn học nghệ thuật Việt Nam. Con đường văn chương của ông càng ngày càng rộng mở và gặt hái nhiều thành công với nhiều giải thưởng lớn. Tiêu biểu như:

Dốc chín quai; Đường về Bát Xát - Thơ, giải C - Bộ Giao thông vận tải, 1991; **Cô giáo Mừng**- Thơ, giải nhì - Bộ Giáo dục, 1991; **Những người con của núi** - Tập thơ, giải B - Hội nhà văn, 1992; **Đám cưới** - Tập thơ, giải A - UBND liên hiệp các hội VHNT Việt Nam, 1995; **Ở đây** - Thơ, giải ba - Báo người Hà Nội, 1994; **Dòng sông mây** - tập thơ, giải B - UBND Liên hiệp các hội VHNT Việt Nam, 1995; **Cái bật lửa trời** - thơ, giải B - Báo thiếu nhi dân tộc, 1995; **Con của núi** - tập 1, tập thơ tuyển, Tặng thưởng của hội nhà văn, 1997; **Tôi là một ngọn gió**- Tập thơ, giải B của hội VHNT các DTTS Việt Nam, 1999; **Con của núi** (I,II,III), Các tập thơ tuyển, Giải Phan Xi Păng của Sở hóa bởi Trung tâm Học liệu - ĐHTN 27 <http://www.lrc.tnu.edu.vn/>

UBND tỉnh Lào Cai, 2002; *Nơi mặt trăng mặt trời gặp nhau* - Thơ, giải B của VHNT các DTTS Việt Nam, 2004; *Ở Hà Nội nhớ Lào Cai* - Thơ, Giải chính thức (Lào Cai), 2004; *Lều nương*- Thơ, Tặng thưởng Hội nhà văn, 1997; *Bữa tình yêu* - Thơ, giải B - Hội VHNT các DTTS Việt Nam, 2004.

Sự nghiệp sáng tác thơ của Lò Ngân Sủn, gắn với sự phát triển của văn học thiếu số Việt Nam hiện đại sau 1975. Những giải thưởng mà nhà thơ được trao tặng góp phần khẳng định sự phát triển về số lượng, chất lượng của văn học dân tộc thiểu số miền núi. Gần 50 năm lao động miệt mài trong thế giới nghệ thuật, cho thấy một tài năng đa dạng, sức sáng tạo bền bỉ của Lò Ngân Sủn.

Tiểu kết chương 1

Qua tiếp cận thơ ca dân tộc thiểu số Việt Nam hiện đại (khu vực phía Bắc), chúng tôi nhận thấy thơ ca dân tộc thiểu số thực sự đa sắc tộc, phong phú và giàu bản sắc. Trong quá trình vận động và phát triển, đội ngũ thơ khá đông đảo và sung sức, không ít nhà thơ có cá tính, có bản sắc được giới phê bình đánh giá cao. Trong số đó, không thể không nói đến Lò Ngân Sủn- nhà thơ của đồng bào dân tộc Giáy. Với những bài thơ mộc mạc, đơn sơ mà đậm thắm, sâu nặng nghĩa tình, thơ ông luôn hướng đến những giá trị cốt lõi của dân tộc. Lò Ngân Sủn đã “chấp cánh” cho quê hương Bát Xát- Lào Cai, cho con người, cho nền văn hóa dân tộc Giáy đến với mọi miền Đất nước. Ông đã ra đi nhưng để lại những trang thơ trải dài biên giới, nóng bỏng tình yêu trong một trái tim trẻ mãi không già.

Chương 2

NHỮNG CẢM HỨNG CHỦ ĐẠO TRONG THƠ LÒ NGÂN SỬN

Trong sáng tạo nghệ thuật, cảm hứng giữ một vai trò quan trọng. Nó tuân theo quy luật tình cảm, chi phối nội dung và hình thức tác phẩm. Bê -lin-xki - nhà lý luận văn học Xô Viết, đã đánh giá cao vai trò của cảm hứng chủ đạo trong sáng tác văn học nghệ thuật, ông coi đó là điều kiện không thể thiếu để tạo những tác phẩm đích thực, bởi nó *“biến sự chiếm lĩnh thuần túy trí óc đối với tư tưởng thành tình yêu đối với tư tưởng, một tình yêu mạnh mẽ, một khát vọng nhiệt thành”* [11, tr.45]. Cảm hứng chủ đạo là *“Trạng thái tình cảm mãnh liệt, say đắm xuyên suốt tác phẩm nghệ thuật, gắn liền với một tư tưởng xác định, gây tác động đến cảm xúc của những người tiếp nhận tác phẩm”* [11.tr 44-45]. Như vậy có thể thấy, cảm hứng là một tình cảm xã hội đã được ý thức, là sự rung động của tâm hồn nhà thơ trước cuộc đời. Vận dụng khái niệm có thể xác định được cảm hứng chủ đạo trong thơ của Lò Ngân Sủn, đó là niềm tự hào về quê hương làng bản và con người miền núi chân thành, mạnh mẽ; Trân trọng những giá trị văn hóa của dân tộc; Nồng nàn say đắm trong tình yêu đôi lứa; Những suy tư hoài niệm về cuộc đời và thế sự.

2.1. Cảm hứng ngợi ca, tự hào về thiên nhiên quê hương làng bản và con người miền núi

2.1.1. Cảm hứng ngợi ca về đẹp thiên nhiên hoang sơ, hùng vĩ và thơ mộng, trữ tình của núi rừng Tây Bắc

Khung cảnh thiên nhiên nên thơ, núi non kì vĩ, suối nguồn mát trong, con người miền núi mộc mạc, chân thành, những địa danh thuần túy, những phong

tục tập quán, những ứng xử với gia đình bạn bè đã đi vào mỗi trang thơ của Lò Ngân Sủn một cách tự nhiên, thân thuộc. Bởi đó chính là *”quá trình tích tụ những cảm xúc, suy nghĩ của nhà thơ do cuộc sống tác động và tạo nên... Nhà thơ chính là những con ong hút nhụy từ những bông hoa của đời sống, không có sự tái tạo tài tình của con ong thì phấn hoa cũng không thể thành mật ngọt”*[10, tr.169]. Trong thơ Lò Ngân Sủn, thiên nhiên được khám phá với nhiều dạng vẻ khác nhau. Nhà thơ dân tộc Giáy yêu quý đến độ đắm say vẻ đẹp của thiên nhiên nơi mình sống và gắn bó. Đó có thể là những đỉnh núi cao *“Phan Xi Păng sừng sững mây treo”*, là con đường uốn lượn đầy dấu ấn tuổi thơ, là *“Ruộng bậc thang uốn éo reo thác nhạc”*, là *”hoa piếng pì nở ra từ đất đá”* *“hoa má pò nở giữa đồi nương”*... Có thể nói rằng, vẻ đẹp hoang sơ, hùng vĩ và nên thơ của cả núi rừng Tây Bắc có sức hút lớn đối với nhà thơ.

Đọc thơ Lò Ngân Sủn, có thể thấy thiên nhiên trở thành dấu ấn, thành cảm hứng trở đi trở lại trong các sáng tác của ông. Là những người con của núi, hơn ai hết Lò Ngân Sủn đã cảm nhận được những nét đặc trưng riêng biệt của thiên nhiên nơi đây. Đó là vẻ đẹp rất hoang sơ, hùng vĩ và đầy bí ẩn. Từ thưở hồng hoang, tạo hoá đã ban cho thiên nhiên nơi đây bao điều kì thú. Đó là những miền núi cao hiểm trở mây núi đan xen: *”Núi trong mây/ Mây giữa núi/ Xe đi trên mây trên núi/ Âm u màu diệp lục/ Sương như khói ngùn ngụt”* (**Hoàng Liên**). Những dãy núi nơi đây như chọc thủng mây trời, núi Lão Thần cao trên 2800 m, đỉnh núi Pha Luông cao 2.983 mét, đặc biệt là có đỉnh Phanxipăng - nóc nhà của Đông Dương - cao 3.143 mét, là bức tường thành phía Đông vùng Tây Bắc Việt Nam. Theo tiếng địa phương núi tên là “Hủa Xi Pan” nghĩa là phiến đá khổng lồ chênh vênh. Sự hùng vĩ của Phan Xi Păng đã hơn một lần bước vào thơ Lò Ngân Sủn:

Phan Xi Păng
Dựng đứng trước mặt
Như một cái thang bắc lên trời

Con đường ngoằn ngoèo tựa dây leo...

(Phan Xi Păng)

Màu xanh bát ngát của núi, con đường ngoằn ngoèo, uốn lượn như chiếc thang bắc lên trời mang lại vẻ kì vĩ cho thiên nhiên như một kiệt tác của tạo hóa. Đối với con người nơi đây, những ngọn núi như thế đã gắn bó với họ từ thửa khai bản, lập mường. Núi là nơi sinh ra, là nơi che chở và bao bọc cho con người, nơi thử thách để trưởng thành: “*Núi là người mẹ hiền bọc tôi từ tấm bé/ Núi người cha khắt khe ném tôi qua thử thách/ Núi rèn đôi tay tôi cầm cày, cầm bừa/ Núi rèn đôi vai tôi gánh vác việc to, việc nhỏ*”(Núi). Có lẽ vì thế, không chỉ riêng với Lò Ngân Sủn, nhiều nhà thơ khác khi xa quê, nỗi nhớ về quê hương dường như bao giờ cũng có dấu ấn của núi rừng hùng vĩ điệp trùng: “*Núi bé núi/ Núi thi nhau đan rào/ Núi chồng núi thành rào/ Phên tiếp phên chồng chát*” (Núi đan rào - Lò Văn Cây). Ngay trong hồi ức của nhà thơ đất Hà Thành cũng đã thể hiện sự say đắm trong nỗi khắc khoải nhớ về Tây Bắc với những cảnh dốc núi dựng đứng, thăm thẳm, mù mây: “*Dốc lên khúc khuỷu, dốc thăm thẳm/ Heo hút cồn mây, súng ngửi trời/ Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống/ Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi*” (Tây Tiến- Quang Dũng).

Ở nơi “*Sương phủ kín đất/ Tuyết rơi trắng trời*” ấy, đâu chỉ có núi mà còn có gió mây, sông suối để tạo lên vẻ dữ dội, khắc nghiệt rất riêng của thiên nhiên nơi này:

Gió lồng lên như ngựa thét tung vó

Gió gầm lên như sấm sét ầm ầm

(Núi gió)

Gió thổi mưa bay như sương bay

Suối chảy ào ào cơn nước lũ

Rừng cây nghiêng ngả lá quay cuồng

Sấm sét nổ âm âm trời đất

(Núi)

Gió lồng, gió gằm, gió thổi, mưa bay, sương bay, suối chảy ào ào, rừng cây nghiêng ngả, sấm sét âm âm là những nét vẽ gân guốc, dữ dội cực tả cái khắc nghiệt đến tột cùng của thiên nhiên nơi này.

Thiên nhiên quê hương không chỉ hùng vĩ, dữ dội khắc nghiệt mà còn rất thơ mộng, trữ tình: “*Gió đêm thổi mềm như nồn chuối*” “*Ênh ương ương già còm ngoài đường*” “*Ngọn vầu, bông uốn lộn như tua còn, tua khăn*”. Tất cả những hình ảnh đó tạo nên một bức tranh thiên nhiên thật đẹp, khiến nhà thơ không khỏi ngỡ ngàng:

- *Nắng chiều như mảnh lát hoa giữa rừng*

Đồng làng như cái thúng com

Đựng đầy hương lúa - khói rom ngày mùa

(Chiều tà)

- *Ruộng bậc xanh xanh đồng hợp tác*

Nương bông nở trắng giữa non ngàn

(Làng Dao)

Hình ảnh ngọn núi, dòng sông, vẻ đẹp của cuộc sống núi rừng đã đi vào thơ Lò Ngân Sủn một cách tự nhiên dung dị. Những bài thơ “*Tháng giêng*”, “*Tháng hai*”, “*Tháng ba*”, “*Tháng tư*” xôn xao âm thanh của không khí hội hè, của những cảnh sắc thiên nhiên kì ảo và niềm vui lao động:

- *Tháng giêng nón ngả mái đầu*

Áo viền bay lượn sắc màu nước non.

- *Tháng hai ơi đẹp lắm!*

Ruộng bậc như cánh cung

Cặng như ngực con gái

Thời gian dài thủy chung.

Những câu thơ viết về mùa xuân của Lò Ngân Sủn gợi chúng ta nhớ đến thơ Dương Thuấn. Mùa xuân trên quê hương Việt Bắc tươi đẹp và thơ mộng, thường được miêu tả bằng những hình ảnh đậm sắc màu miền núi: “*Mùa xuân trắng rừng hoa mận/ Gái trai khắp nơi về tụ hội*”.

Sông nước trong thơ Lò Ngân Sủn hoang sơ nhưng huyền ảo. Ở đó có người con gái khỏe khoắn mà vô cùng dịu dàng, thân thuộc. Cho dù sống giữa đất Hà Thành nhà thơ vẫn đau đáu nhớ về dòng sông quê hương:

Ôi đẹp nhất là lúc em tắm suối

Lòng lộng trời đất, tròn đầy bóng trăng

(Bầu trời đẹp nhất lúc em tắm suối)

Khó có thể nói hết về bức tranh thiên nhiên nhiều dạng vẻ trong thơ Lò Ngân Sủn, những bức tranh thiên nhiên ấy có khi là sông suối, núi rừng nhưng có khi là những địa danh cụ thể. Đó là Dốc đôi và dốc Chín Quai, Mường Va, Khau Phạ, Mù Cang Chải, Pa Cheo, Phìn Hồ, Sa Pa, Lào Cai... có khi là phiên chợ tình óng ánh áo viên, vòng xòe với tiếng kèn Pí lè và lời hát then. Mảng thơ viết về thiên nhiên cho thấy ngòi bút tài hoa và tâm hồn đắm thắm yêu thương của nhà thơ với thiên nhiên quê mình. Thiên nhiên ấy vừa là môi trường sinh thái để tồn tại vừa là người bạn bền vững và sâu nặng với con người.

2.1.2. Cảm hứng tự hào về sức sống mạnh mẽ, bền bỉ và vẻ đẹp tâm hồn người miền núi

Hình ảnh con người miền núi đã trở thành một đề tài quen thuộc trong thơ các nhà thơ dân tộc thiểu số như Nông Quốc Chấn, Bàn Tài Đoàn, Triều Ân, Mai Liễu, Y Phương, Dương Thuấn... Kế tục và phát huy trong từng thời kì lịch sử là quy luật tất yếu của sự phát triển. Lò Ngân Sủn đã tiếp thu một cách sáng tạo tinh hoa của thế hệ đi trước và bạn thơ văn cùng thế hệ để hình thành cá tính sáng tạo riêng. Người con của bản Vền ấy dù đã “ra phố” nhưng không bao giờ quên nơi sinh ra, lớn lên trên quê núi và đã gắn bó chung thủy

với núi rừng với con người nơi đây. Lò Ngân Sủn có triết lý rất hay về người Giáy giống như “*chiếc lá mọc trên cây đất nước*”, lời thơ khiêm tốn nhưng đầy tự hào “*Người mình mìn thớt đầy thoi*”. Những câu thơ sâu lắng nhất, nhà thơ dành hết cho dân tộc Giáy bé nhỏ của mình. Mỗi con người có số phận riêng nhưng chung mang vẻ đẹp chung mạnh mẽ và tươi tắn “*Con gái như chim rừng/ Con trai như suối thác/ Già như voi đầu đàn*”.

Những người con của núi sinh ra từ núi, lớn lên trưởng thành bên núi và rần rỏi như núi. Chính cuộc sống thiếu thốn, gian khổ tạo thành bản lĩnh con người: “*Chúng tôi/ Những người con của núi/ Sống ào ào như thác đổ/ Sống dữ dội như lốc cuốn/ Quanh năm vốc nước suối rửa mặt/ Quanh năm thấp ngọn lửa làm mặt trời sưởi ấm*” (***Những người con của núi***).

Vẻ đẹp bề ngoài của con người miền núi không hoành tráng, bóng bẩy mà là vẻ đẹp của người lao động đầy bản lĩnh biết vượt qua khó khăn để sống và vươn lên: “*Sáng sớm em lên nương/ Bàn tay em nhúng sương/ Chiều tối em về bản/ Bàn tay em nhuộm nắng*” (***Bốn mùa***).

Đó là những con người mạnh mẽ, bền bỉ vượt qua mọi gian khổ với ý chí kiên cường, dường như họ sinh ra để gánh vác khó khăn, để chịu đựng và giữ ngọn lửa tình yêu trong cuộc sống:

Người vùng cao

Cày, bừa, gặt, đập và thò lúa

Giữa chênh vênh - nắng lửa

Giữa gập ghềnh - mây mưa

Người ngựa cùng oằn lưng trên đất

Mình dầm mồ hôi

(Người vùng cao)

Bản lĩnh của người miền núi thể hiện ngay trong cuộc sống kiếm tìm miếng cơm manh áo. Cuộc sống của họ là hàng ngày phải oằn lưng chống chọi với nắng lửa, mây mưa để cày, bừa, gặt, đập. Cuộc sống của họ là lao động

chân tay quanh năm với ruộng nương, trồng tía, cấy hái nhưng vẫn lạc quan yêu đời, vẫn luôn luôn nở nụ cười và tự đem lại cho cuộc sống những gam màu tươi mát: “*Điều xòe lượn trao khăn/ Mắt như sao xa ấy/ Tay rung rinh vòng bạc/ Ngang lưng nét hoa đào*”(**Câu hát**).

Người miền núi “*tim thẳng*”, tâm hồn mộc mạc, giản dị nhưng cũng rất hào hoa. Ghé thăm Tây Bắc vào dịp lễ hội hoa Ban, sẽ được chiêm ngưỡng bước nhảy tài hoa của những chàng trai cô gái với những lời hát tình yêu say đắm lòng người: “*Ngày xuân đi hội hoa Ban/ Cúc bạc - giàn then cửa/ Váy bông - làn mây mưa/ Ngực phập phồng bông lửa*”(**Ngày xuân đi hội hoa Ban**). Tình cảm của cô gái dành cho người mình yêu tuy đơn sơ mà sâu nặng nghĩa tình. Chiếc áo bằng chỉ viền được kết dệt bằng tất cả tình yêu thương, sự chau chuốt, tỉ mỉ đầy tài hoa. Chiếc áo quê hương níu bước chân người đi, mời đón người trở về: “*Chiếc áo viền em thêu/ Sợi chỉ vàng trong nắng/ Sợi chỉ trắng trong mưa/ Em thêu màu của đất/ Bền chặt tình quê hương*”(**Chiếc áo viền**).

Đến với Sa Pa, không thể không nói đến chợ phiên, đây là nét kinh tế, văn hóa độc đáo của đồng bào dân tộc ít người, trở đi trở lại trong thơ Lò Ngân Sủn như nốt nhấn trong bản nhạc vui. Đó không chỉ là nơi để trao đổi mua bán nhiều loại hàng hóa, sản phẩm địa phương “*Người bán và người mua/ Xôn xao màu thổ cẩm*” mà còn là nơi để yêu đương, hẹn hò gặp gỡ, vẻ đẹp tâm hồn bay bổng của miền núi được thể hiện qua những khúc hát tỏ tình, qua tiếng sáo, tiếng khèn, đàn môi: “*Chợ phiên lửa cháy suốt đêm thâu/ Kèn môi gọi thì thầm đắm đuối/ Điều páo dung bay bổng khát khao*” (**Có một Sa Pa**).

Trong thế giới thơ của Lò Ngân Sủn, người phụ nữ là hình ảnh nổi bật nhất. Dường như đó là nguồn cảm hứng không bao giờ vơi cạn của nhà thơ. Có thể kể đến các bài thơ: **Mẹ, Gửi mẹ, Nhắn mẹ, Hoa Má Po, Đường em lên, Con gái vùng cao, Người đẹp, Hoa của trời, Bầu trời đẹp nhất lúc em tắm suối, Oi em cô gái Cơ Tu, Con gái bản Tông, Gái mừng...** Trong thơ ông, người đọc thấy hình ảnh người mẹ với “*gương mặt bộn bề nếp nhăn*”

với "dáng hao gầy" đã truyền lửa cho con về truyền thống Cách Mạng để con yêu và tự hào về gia đình và quê hương. Đó là người con gái vùng cao mang vẻ đẹp mộc mạc, hồn hậu "Nói như chằng dây/ Cười như gieo cấy/ Nhìn như giăng bẫy". Trong cái nhìn đầy đắm đuối của nhà thơ mang một vẻ đẹp rất khỏe mạnh. Họ sinh ra để làm "hoa cho bản mường", để yêu thương, để dâng hiến:

Mông em tròn mấp như bắp chuối

Váy em buộc thắt đáy lưng ong

Ngực em căng hai bầu sữa ngọt

(Con gái bản Tông)

Một điều đáng chú ý, khi miêu tả người con gái Lò Ngân Sủn có cách diễn đạt rất riêng không thể có ở những nhà thơ miền núi khác, đó là sự hiện đại, hóm hỉnh, tạo lên cái "duyên" riêng trong thơ ông:

Người đẹp trông như tuyết

Chạm vào lại thấy nóng

Người đẹp trông như lửa

Sờ vào lại thấy mát

Người không khát - nhìn thấy người đẹp cũng khát

Người không đói - nhìn thấy người đẹp cũng đói

Người muốn chết - nhìn người đẹp không muốn chết nữa...

(Người đẹp)

Cái hay của bài thơ đó vẻ đẹp hồn nhiên mộc mạc đến vô cùng của câu chữ. Người đẹp "trông như tuyết - chạm thấy nóng/ trông như lửa - sờ thấy mát/ không khát mà khát/ không đói mà đói", một cách diễn đạt đầy chất triết học đồng thời đắm đuối như đây là cái nhìn của AĐam với Eva. Cách diễn đạt này chỉ có ở thơ Lò Ngân Sủn. Nói như Trần Mạnh Hảo, nhà thơ đã "đóng đinh được hồn vía cái đẹp, người đẹp trên cây thánh giá của thi ca". [1, tr.53].

Những lời ca về thiên nhiên quê hương, về con người dân tộc Giáy của Lò Ngân Sủn chan chứa tình yêu thương, niềm tự hào sâu sắc. Điều đó chứng tỏ nhà thơ đã gắn bó một cách máu thịt với quê hương mình. Trong tổng số 592 bài của sáu tập thơ có đến 194 bài viết về thiên nhiên và con người miền núi, chiếm 32,77%. Mỗi bài thơ có một giọng điệu riêng nhưng trên tất cả vẫn là tình yêu, niềm tự hào về quê hương, đất nước con người. Nhà thơ yêu tất cả những đồi núi hoang vu, yêu cuộc sống rơm rạ, yêu con người miền núi "tim thẳm", yêu những đêm hát đối, đêm mo then, đêm pí lè... chính nơi đó đã dạy cho nhà thơ biết cày bừa, cuốc đắp, gặt đập, chính nơi đó đã nuôi dưỡng tâm hồn nhà thơ để chắp cánh cho những vần thơ bay cao, bay xa. Cho dù đi bất cứ nơi đâu, quê hương Bát Xát - Lào Cai vẫn là nơi ông yêu nhất, tự hào nhất.

2.2. Cảm hứng trân trọng những giá trị truyền thống của nền văn hóa Giáy

Khung cảnh hùng vĩ, nên thơ của núi rừng Tây Bắc còn bị cuốn hút bởi những ngôi nhà gỗ đơn sơ, thâm trầm nằm chìm khuất giữa không gian núi đồi đan phủ một màu xanh biếc của lúa nương. Bà con dân tộc váy áo truyền thống rực rỡ gửi củi về nhà, dọc lối vào bản thấp thoáng dáng các cô gái ngồi thêu thùa váy áo bên hiên cửa... Bức tranh bình yên của núi rừng cộng hưởng với những phong tục tập quán chính là linh hồn của người dân tộc thiểu số. Những phong tục, tập quán, những nét văn hóa đặc sắc của quê hương với *đêm hát đối, đêm mo then, đêm pí lè, đêm gà gáy thức dậy đi chợ phiên ...* đã ngấm vào tâm hồn ông trong từng sợi tơ cảm xúc, để sau này trở thành một nguồn cảm hứng lớn trong thơ ông.

Lễ hội là nơi lưu giữ bản sắc văn hóa dân tộc, là một nét sinh hoạt văn hóa cộng đồng của đồng bào các dân tộc. Lễ hội của dân tộc Giáy được tổ chức theo mùa chủ yếu là lễ hội tháng giêng. Người Giáy truyền nhau câu hát tháng giêng: "*Đươn siêng đươn dù vàng/ Đươn tó tràng tó cú/ Đươn tsong dú pí nôi*" (*Tháng tết là tháng nhàn rồi/ Tháng ăn chơi đánh cò/ Tháng phong lưu con trẻ*). Trong thơ của Lò Ngân Sủn có một loạt những bài thơ xôn xao không khí

hội hè, đình đám: *Câu hát, Đàn môi gọi bạn, Sàn trắng, Tiếng hát, Đêm hát đối, Trở lại câu pí lì bên nhau, Mùa xuân đến, Tháng giêng, Tháng hai, Tháng ba, Tháng tư...* Người Giáy nghĩ về lễ hội là nghĩ đến thời khắc được vui chơi, ăn uống, hát ca. Tiếng khèn, tiếng trống vang khắp xóm làng, người già tâm tình, uống rượu, trai gái đua tài trong lễ hội: “*Tháng giêng hội Róng Pọc/ Gái trai đua tài giỏi/ Câu hát nhịp trống võ/ Tung quả còn lên trăng*” (**Lễ hội**).

Xuất phát từ đặc điểm là dân cư lúa nước, nơi phải gần sông suối, thung lũng nhỏ để thích hợp cho trồng cấy lúa nước. Người Giáy coi trọng nguồn nước, họ coi đó là tài sản là nguồn sống duy nhất của cộng đồng. Mỗi dịp tết đến xuân về, những người phụ nữ trong bản thường đi “*Tắm suối*” đây là nét văn hóa lâu đời của người dân tộc:

*Trên bản có một cái khe
Trên khe có một lùm cây
Ở dưới lùm cây có một cái máng
Chảy ra một dòng tươi mát
Chảy ra một dòng ánh sáng
Mơn man làm mây buông xõa
Mơn man vàng trắng nõn nà.*

(**Tắm máng**)

Thật khó tưởng tượng nổi khi trên các khe nước, suối nguồn của Bát Xát, Bản Vền, Mường Hum ở Lào Cai mất đi bóng dáng của con gái đi “*tắc nặm*” (vác nước), “*pây áp nặm*” (đi tắm suối, tắm máng), khác gì Tây bắc không có hoa ban, hoa mạn. Sự ngọt ngào của dòng suối không chỉ làm nên vị thơm của hương lúa, mà còn làm nên sự ngọt ngào của tình đất, tình người. Không chỉ là lễ tết, mỗi buổi lao động vất vả phụ nữ trong bản lại rủ nhau ra suối trầm mình xuống dòng nước mát lạnh. Tắm suối không chỉ để gột rửa bụi bần, ngâm mình trong dòng nước mát cho thư thái mà còn là thời gian để họ chuyện trò tâm sự, chia sẻ mọi điều trong cuộc sống. Lò Ngân Sủn vô cùng trân trọng phong tục

cổ truyền này, nhà thơ như thấy lòng mình trong sáng, thanh cao hơn như được hòa mình cùng đất trời vùng cao huyền thoại: “*Ôi đẹp nhất là lúc em tắm suối/ Lòng lộng trời đất, tròn đầy bông trắng*” (***Bầu trời đẹp nhất lúc em tắm suối***).

Tắm suối, tắm máng là nét văn hóa rất đẹp, vừa thể hiện khát vọng được giao hòa với thiên nhiên vừa để tâm hồn thư thái sau một ngày làm việc mệt nhọc: “*Ngày làm ruộng, làm nương/ Ngày làm ăn làm mặc/ Chiều về tắm suối hoa/ Vui đi nổi nhọc nhằn*” (***Suối hoa***).

Lào Cai là một trong những địa phương có nhiều chợ phiên độc đáo. Đó là chợ phiên Mường Hum, Mường Khương, Ý Tý, SaPa ... Chợ phiên, vừa là nơi trao đổi hàng hóa, vừa là nơi thể hiện nhu cầu giao lưu tình cảm, sinh hoạt. Vào chợ phiên không khí nô nức nhộn nhịp như trẩy hội “*Phiên chợ đan xen màu trai gái*”, người bán, người mua xúng xính áo quần truyền thống nhiều màu sắc, mang nét đẹp phóng khoáng của miền sơn cước:

*Chợ phiên trải ra như một tấm thổ cẩm
Chợ phiên nở ra như một rừng hoa xuân
Trăm hoa ngàn sắc
Người, ngựa đi như đàn mắc
Chen chúc nhau như ong bầu tổ.*

(Chợ phiên)

Cảm hứng về chợ phiên, chợ tình trở đi trở lại trong thơ Lò Ngân Sủn trở thành một tín hiệu nghệ thuật hấp dẫn trong nhiều bài thơ: ***Nơi mặt trăng mặt trời gặp nhau, Phiên chợ SaPa, Có một SaPa, Chợ phiên, câu hát, Tuổi thơ tôi trong làng Bản Vền, Khau vai...*** Độ say mê trong cảm xúc của nhà thơ với chợ phiên, chợ tình có thể “đếm” bằng số lượng bài thơ và từ ngữ. Theo thống kê của chúng tôi có 35 bài thơ trong sáu tập thơ có các từ *chợ phiên, chợ tình, chợ SaPa, chợ Khau vai* với tổng số 71 lần xuất hiện. Sự say mê của nhà thơ với nét văn hóa truyền thống này có thể đo bằng độ nhạy và chiều sâu cảm xúc trong thơ ông:

*Gặp nhau trong phiên chợ
Tay truyền lửa sang nhau
Hát những câu chày bông
Tỏ tình những đêm thâu.*

(Phiên chợ SaPa)

Hình ảnh độc đáo và tuyệt đẹp về chợ phiên SaPa vừa nguyên sơ trong sáng vừa mang đậm bản sắc văn hóa của các dân tộc Tây Bắc: “*Phiên chợ đan xen màu trai gái/ Bán hoa/ Bán quả/ Bán cả khí trời* ”(**Hoa hậu**); “*Phiên chợ như cái thúng/ Đựng đầy màu thổ cẩm*”(Chiều Lào Cai).

Chợ phiên vùng cao Lào Cai không chỉ là nơi mua bán mà còn là nơi gặp gỡ trao đổi tâm tình của những người bạn tâm giao, nơi hò hẹn của nam, nữ. Họ tìm hiểu nhau qua khúc hát tỏ tình, qua tiếng sáo, tiếng kèn pí lè, tiếng khèn, tiếng đàn môi: “*Pí lè thổi gọi bình minh/ Kèn môi ngân giữa lưng linh gọi mời*” (**Bắc Hà**). Người ta đi chợ phiên từ sáng sớm, không chỉ để trao đổi mua bán mà còn đi chơi, đi cảm nhận và hòa chung với cái đẹp ẩn chứa bên trong rất mộc mạc, hoang sơ, để tâm tình hò hẹn. Để đến khi trở về phiên chợ đã thành nỗi nhớ khắc khoải của người miền đá: *Đốt cháy lòng nhau là nỗi nhớ/ Đêm về lại đi chợ trong mơ.*

Tiếng kèn pí lè gắn bó với người Giáy trong suốt cuộc đời, từ khi sinh ra, lớn lên, dựng vợ gả chồng, cho đến khi trở về với đất mẹ. Đám cưới là một trong những phong tục liên quan đến chu kỳ vòng đời người, là ngày hội vui của người Giáy. Không thể thiếu tiếng kèn Pí lè:

*Pí lè gọi mở cổng làng, cổng bản
Pí lè rước nàng dâu qua bậc cửa
Pí lè mời khách ra sân rửa mặt
Pí lè mời người già ngồi vào mâm trên
Pí lè mời tất cả ngồi vào mâm dưới mâm ngoài
Pí lè giục già trong hương hoa, hương rượu*

(Đám cưới)

Người Giáy quan niệm, đám cưới càng lớn, càng đông vui thì hạnh phúc của đôi trai gái càng được bền lâu. Đám cưới ở bản Na Đông trong thơ Lò Ngân Sủn diễn ra như đám hội "Họ hát suốt đêm thâu/ Ngồi ăn suốt đêm thâu".

Câu hát Pí lì (Câu hát ví) phản ánh cuộc sống mưu sinh vất vả của người miền núi, nhưng cũng đầy sự lãng mạn, nặng tình yêu thương, bao dung, nhân ái và cao thượng. Con người và cảnh vật miền núi hiện lên trong câu hát Pí lì chân thực, sống động và nhân hậu đến bất ngờ trong nỗi nhớ của người con xa quê: “*Nay lại về ngồi nghe câu pí lì/ Ý mệnh mông đưng trong câu trong lời/ Câu pí lì/ Giấu ở trong ngực/ Nhớ ở trong đầu/ Ngọt ngào điệu dân ca quê nhà*”(Trở lại câu Pí lì bên nhau).

Có một nét văn hóa sâu sắc ẩn hiện trong thơ Lò Ngân Sủn đó là chợ tình Khau Vai. Chợ tình Khau Vai là một không gian hò hẹn của tình yêu, của những tâm hồn đang kiếm tìm hạnh phúc nhưng cũng là nơi tìm về của trai gái yêu nhau nhưng không lấy được nhau. Mỗi năm chỉ họp một phiên duy nhất vào ngày hai bảy tháng ba âm lịch hàng năm:

Chuyện kể rằng

Ngày xưa

Có hai người yêu nhau không lấy được nhau

Mỗi năm hẹn nhau đến Khau Vai gặp nhau một lần.

Từ đó

Khau Vai thành nơi hẹn hò

Của những người yêu nhau không lấy được nhau.

(Khau Vai)

Đây là một nét văn hóa đặc sắc của đồng bào dân tộc, một sự chia sẻ đời sống tinh thần rất nhân văn. Những phút giây “ngoài chồng, ngoài vợ” đó chỉ có và được phép diễn ra hết ngày chợ 27 tháng 3, sau ngày này “cửa lòng” phải đóng lại. Nhà thơ, nhà báo Trần Hoà Bình, đã viết một bài thơ về chợ tình

Khau Vai với những câu da diết: “*Nếu một mai mình không lấy được nhau / Em có đi tìm anh / Qua điệp trùng đá sắc / Những Khau Vai bầm dập dấu chân người*”. Mỗi nhà thơ có một cảm nhận riêng, một cách thể hiện khác nhau nhưng cảm xúc đau đáu, bồi hồi với những dư âm đặc biệt khó quên khi đến chợ tình là cảm hứng chung của mỗi nhà thơ.

Những món ăn truyền thống của người miền núi, của dân tộc Giáy cũng bước vào các trang thơ của Lò Ngân Sủn với nhiều cung bậc cảm xúc. Nhà thơ dường như bị cuốn vào hương vị mê đắm của núi rừng bạt ngàn, của những người dân tộc chân thật, vô tư. Những món ăn như: mèn mén , thắng cố, rượu ngô... không thể thiếu trong các dịp chợ phiên, chợ tình, lễ, tết. Nếu người miền xuôi, tự hào vì có phở thì người miền núi tự hào vì có thắng cố. Thắng cố được chế biến từ “hầm bà làng” nguyên liệu của bò, dê như: đầu, chân, các loại thịt bạc nhạc, nội tạng cùng các gia vị thảo dược. Món thắng cố ăn cùng mèn mén, bánh ngô nướng thêm bát rượu ngô làm người ta chénh choáng thì hạnh phúc không gì bằng: “*Gặp nhau trong chợ phiên/Cùng người uống rượu ngô/Cùng ngồi ăn thắng cố/Say rồi ngủ dưới ô*”(Chợ phiên); “*Ngọt bùi mì mén - bánh ngô.../ Ngồi ăn thắng cố la đà đung đưa*”(Bắc Hà).

Có thể nói, văn hóa, phong tục, tập quán của quê hương với những điệu múa xòe uyển chuyển, với câu hát pí lí, tiếng sáo pí lè chao liệng khi xuân đến, những chợ phiên, chợ tình vừa hoang dại vừa thơ mộng trữ tình đã cuốn hút, đã mê hoặc nhà thơ. Đọc thơ Lò Ngân Sủn chúng ta thấy rõ sự chín mùi trong mạch nguồn văn hóa dân tộc mình và niềm khao khát bày tỏ những nỗi niềm của đồng tộc. Những vần thơ đã chấp cánh cho những giá trị của văn hóa dân tộc thiếu số bước ra với cộng đồng nhân loại. Nhà thơ đã góp phần lưu giữ, nuôi dưỡng bản sắc văn hóa dân tộc mình trong lòng người đọc và những thế hệ trẻ hôm nay.

2.3. Cảm hứng nồng nàn, say đắm đầy chất phồn thực trong tình yêu đôi lứa

Tình yêu vẫn luôn là một đề tài muôn thuở trong thi ca và là nguồn cảm hứng bất tận của thi sĩ. Lò Ngân Sủn là một trong số các nhà thơ dân tộc thiểu số viết nhiều và viết hay về tình yêu, cũng là một người dám biểu lộ một tình yêu say đắm nồng nàn vào thơ. Trong sáu tập thơ được khảo sát chúng tôi đã thống kê được 145 bài viết về tình yêu đôi lứa trong tổng số 592 bài, chiếm 32,93 % số lượng bài thơ. Đây là con số không nhỏ, cho thấy nhà thơ thực sự có cảm hứng với đề tài này.

Cuộc sống có bao nhiêu sắc màu thì tình yêu trong thơ Lò Ngân Sủn có bấy nhiêu màu sắc, dường như nhà thơ đã vắt cạn máu tim mình để sáng tạo ra những vần thơ ấy. Có biết bao nhiêu bài thơ tình của ông sẽ còn mãi với thời gian và lưu lại trong lòng người đọc những cảm xúc sâu lắng: *Tìm trâu, Thiên đường, Bài thơ tình của đôi trai gái miền ngược, Trở lại câu pí lì bên nhau, Động đất động trời, Nếu như anh không em, Ngày không em, Em là nỗi đam mê của đời, Em như là ngày tết, Tình ca lều nương, Bữa tình yêu, Lửa tình yêu...*

Khái niệm về tình yêu thật không hồi kết, Nhà thơ Xuân Diệu - ông hoàng thơ tình Việt Nam đã từng thốt lên “*Làm sao định nghĩa được tình yêu*”. Vậy mà, nhà thơ Lò Ngân Sủn đã có một định nghĩa rất thú vị và độc đáo và tình yêu:

Tình yêu
Như cái chảo thắng cố
Ăn vào no lão đảo.
Tình yêu
Như cái chum đựng rượu
Uống vào say ngả nghiêng.

(Động đất, động trời)

Tình yêu làm cho người ta hạnh phúc nhưng tình yêu cũng làm cho người ta đau khổ. Và vì vậy, cho dù có thể “*lão đảo*”, “*ngả nghiêng*” vì tình

yêu, thì con người vẫn muốn yêu. Qua định nghĩa này, Nhà thơ muốn nói đến một chân lý, có giá trị bền vững: cuộc sống không thể thiếu tình yêu. Tình yêu cần cho cuộc sống như khí trời, như ăn, như uống.

Đối với nhà thơ khởi đầu cho một tình yêu đích thực là tiếng tơ lòng rung động chân thành, đánh thức miền yêu nơi sâu thẳm nhất trong tâm hồn con người. Trong thơ của ông người đọc có thể thấy rõ sự phát hiện tinh tế diễn biến tâm lý của tâm hồn mới chớm yêu thương: “*Lần đầu tiên/ Đi bên một người con gái/ Chân tôi run run/ Tay tôi run run/ Môi tôi run run/ Hơi thở tôi run run/ Lời nói tôi run run/ Cả người tôi run run*”(Lần đầu tiên).

Tình yêu của Lò Ngân Sủn mộc mạc, giản dị như ngôn ngữ nói hàng ngày và được bày tỏ một cách trực diện rất gần với cách cảm, cách nghĩ của người dân tộc. Với ông, tình yêu là khao khát, đuổi bắt kiếm tìm suốt đời dường như không bao giờ thấy đủ:

- *Em - con chim rừng*

Để ta săn, ta đuổi, ta bắt, ta vô.

(Nhớ về em)

- *Đứng trước em*

Anh như con chuột đứng trước hũ gạo

Anh như con gấu đứng trước tổ ong trên cao

Anh như con hổ đói đứng trước miếng mồi ngon.

(Đứng trước em)

Cách thể hiện tình yêu của nhà thơ có giọng điệu riêng hài hòa trong lời nói, lối nghĩ của người dân tộc. Em là con chim rừng, ta là thợ săn, tình yêu của anh dành cho em như con chuột trước hũ gạo, như con gấu trước tổ ong, như con hổ trước miếng mồi ngon. Đây là cách diễn đạt giản dị, chất phác, thô mộc như bản chất con người miền núi.

Vói ông tình yêu là tuyệt đích, là không bao giờ đủ “*Vừa mới ăn xong đã lại đói/ Vừa mới uống xong đã lại khát/ Ăn rồi muốn ăn nữa/ Uống rồi muốn uống thêm*” (*Vợ chồng mới cưới*). Tình yêu trong thơ Lò Ngân Sủn đầy đủ mọi cung bậc cảm xúc, mọi sắc thái biểu cảm từ e ấp dịu dàng “*Em như tiếng pí lè/ Anh nghe lòng xốn xang/ Em như làn điệu then/ Anh nghe hồn tươi xanh*” đến những yêu thương triu mến, những tôn thờ sùng bái “*Em là bếp lửa nhà anh/ Em là vại nước nhà anh*”. Thậm chí, tình yêu trong thơ ông còn nồng nàn, mãnh liệt, cháy bỏng đến táo tợn:

*Anh hôn vào nóng bỏng
Anh hôn vào dữ dội
Hôn một lần chưa thỏa ước mong
Hôn hai lần chưa nguôi khát vọng
Lại hôn nữa - hôn cho đến quay cuồng trời đất
Lại hôn nữa - hôn cho đến đất trời lịm câm.*

(Và như thế)

Những cung bậc cảm xúc này giống như bản tình ca bất hủ trong thơ Xuân Diệu: “*Anh xin làm sóng biếc/ Hôn mãi cát vàng em/ Hôn thật khẽ thật êm/ Hôn êm đêm mãi mãi/ Đã hôn rồi hôn lại/ Cho đến mãi muôn đời/ Đến tan cả đất trời / Anh mới thôi dào dạt*”. Cả hai nhà thơ cùng đi về một khát vọng yêu đương mãnh liệt nhưng ở Lò Ngân Sủn cách thể hiện mang màu sắc dân tộc mộc mạc giản dị như ngôn ngữ nói của người miền núi. Trong một số bài thơ khác nhà thơ cũng có những bày tỏ mãnh liệt như vậy “*Anh yêu em/ Như thác đổ/ Như gió gào*”.

Tình yêu trong thơ Lò Ngân Sủn, là tình yêu của con người sống giữa đời thường chứ không mang tính sách vở, lý thuyết. Đó là thứ tình yêu dám bộc lộ những khát vọng thành thực đến cháy lòng. Tình yêu trong thơ ông không đơn thuần là hướng đến sự hòa hợp tâm hồn mà còn khẳng định một chân lý

đầy tính nhân bản, yêu là khao khát được hòa hợp cả tâm hồn và thể xác với người mình yêu. Nhiều bài thơ, câu thơ của Lò Ngân Sủn viết từ những nhiều thập kỉ trước mà bây giờ đọc lại, không ít bạn trẻ bàng hoàng vì những đam mê thể hiện quá bạo trong thơ của một nhà thơ miền núi: “*Hai người/ Chân tay/ Quán lấy nhau/ Buộc chặt nhau /Miệng húp nhau tới tấp/ Rồi.../ Cả hai/ Cùng nằm lẫn/ Thở ra nhẹ nhẹ/ Mắt nhìn đăm chiêu/ Sau khi ăn xong/ Bữa tình yêu*” (***Bữa tình yêu***).

Cảm hứng về tình yêu là cảm hứng nổi bật trong thơ Lò Ngân Sủn. Với ông, tình yêu được coi như một giá trị sống đích thực, là “*chảo thắng cố*” là “*chum rượu cần*”. Ông trân trọng tất cả những gì liên quan đến tình yêu và liên quan đến người mình yêu: chợ phiên, chợ tình, tiếng kèn pí lè, vòng xòe, điệu then, chiếc áo viền, đôi bàn tay, đôi mắt, làn môi, thân hình người yêu, cái nhìn, giọng nói... Đọc những bài thơ tình của Lò Ngân Sủn chúng ta nhận thấy, tình yêu quả là có sức mạnh giúp con người sống vượt lên giới hạn, giúp con người dám sống và được sống là chính mình. Và có lẽ thế nên suốt cuộc đời mình, thi sĩ đã luôn trong tâm thế đi tìm những cung bậc cảm xúc tình yêu, và thơ là nơi ông trao gửi bao cung bậc của con tim luôn tha thiết yêu đương đến si mê, cuồng nhiệt.

Trong mảng thơ này có một nguyên tắc mỹ học mới mẻ, hiện đại, táo bạo và đầy chất nhân văn. Rất nhiều những bài thơ liên quan đến vẻ đẹp của người phụ nữ, liên quan đến tình yêu nam nữ đều mang tính phồn thực. Chất phồn thực ấy mang hương vị núi rừng, phảng chút hoang dại của người miền núi tạo thành “đặc sản” riêng trong thơ Lò Ngân Sủn. Có thể kể đến: ***Con gái bản Tông, Người đẹp, Bầu trời đẹp nhất lúc em tắm suối, Có em bên cạnh, Bữa tình yêu, Lửa tình yêu, Bài thơ tình của đôi trai gái miền ngược, Tình ca lều nương, Tình ta, Và như thế, Có hai người...*** Các nhà nho xưa và những người có quan điểm thơ phải tao nhã luôn đề cao giá trị tinh thần. Với Lò Ngân Sủn thân thể của người phụ nữ là một giá trị cao quý xứng đáng được ca tụng, tôn vinh. Những người biết yêu thật sự luôn là những người biết trân trọng vẻ đẹp

thân thể của người mình yêu thương, biết thưởng thức vẻ đẹp ấy trong một niềm đam mê, say đắm của “*nhục cảm lạnh mạnh*” (F.Engels).

- *Không phải bắp chuối*

Không phải trăng đêm

Là thịt da em

Bao bọc hình dáng em

Ôm ấp thân hình em

Rạo rức

Lửa

Tình yêu.

(Lửa tình yêu)

- *Kìa - có hai người đang ngó trước ngó sau*

Rồi dắt nhau vào trong một bụi rậm

Họ bí mật yêu nhau, bí mật thương nhau

Làm cho cả bầu trời cũng ngả nghiêng, nghiêng ngả

Làm cho cả rừng cây cũng cuồn quay, quay cuồn.

(Có hai người)

Những hình ảnh thơ đã gợi ra một cảm xúc rất trần thế, gợi ra cảm giác ái ân rất đời thường. Có nhiều yếu tố để tạo nên một bài thơ hay, nhưng yếu tố quan trọng là “thật” và “khéo”. Thật mà không khéo thì thành vè, khéo mà không thật thì chỉ có câu chữ. Bài thơ này quá thật, thật từ suy nghĩ đến hành động, một cái thật hoang sơ. Ngôn từ mang chất phồn thực được nhà thơ sử dụng một cách rất nghệ thuật để tạo ra những câu thơ trong sáng và khỏe khoắn.

Tình yêu trong thơ của nhà thơ dân tộc Tày Hứa Vĩnh Sước cũng say đắm, nồng ấm yêu thương nhưng có phần kín đáo, tế nhị trong cách bày tỏ. Khoảng cách địa lý trong tình yêu được ông diễn đạt tinh tế “ *Từ anh sang em/ Bằng đi hồng một đôi giày*”, nhà thơ cũng ngợi ca người tình của mình trong cái nhìn say đắm: “ *Bàn tay mềm ra xuôi lại thơ ngây/ Bàn tay mềm nảy búp*

trên cây”. Bàn tay em như có phép thần làm con suối mềm mại hơn, làm cho cây nảy lộc đâm chồi, có tình yêu nào nồng nàn hơn thế, dịu dàng, tinh tế hơn thế. Phẩm chất này trong thơ Y Phương do phong cách riêng và nguyên nhân sâu xa là văn hóa Tày luôn e dè, kín đáo.

Cảm hứng về tình yêu đôi lứa trong thơ Lò Ngân Sủn dường như bất tận. Những vần thơ của ông nồng nàn say đắm, khao khát được giao hòa đầy chất phồn thực chứa đựng chất sống sung mãn của người miền núi từ thửa hồng hoang. Tình yêu trong thơ là tình yêu trần thế, một tình yêu rất con người khỏe khoắn và thánh thiện. Đây là một phẩm chất trong thơ tình Lò Ngân Sủn, một đặc sắc nghệ thuật sâu đậm trong mảng thơ viết về tình yêu đôi lứa của ông. Tình yêu, bên cạnh giá trị tinh thần là niềm khát khao hòa hợp về thể xác như một niềm khoái cảm thiêng liêng thể hiện sự kết tinh cao độ của văn hóa ứng xử giữa con người với con người. Thời gian trôi qua, nhưng những vần thơ chất phác, mộc mạc, hồn nhiên viết khi về tình yêu của Lò Ngân Sủn vẫn sẽ có chỗ đứng trong trái tim bạn đọc và giới phê bình nghiên cứu.

2.4. Cảm hứng suy tư, chiêm nghiệm trước cuộc đời, thế sự

Nói đến cảm hứng cuộc đời, thế sự là nói về cuộc sống đời thường, về thế thái nhân tình, về con người của thực tại. Những bài thơ mang cảm hứng thế sự của Lò Ngân Sủn chú ý khẳng định giá trị thẩm mỹ của đời thường, những trần trở, chiêm nghiệm, về cách sống, lẽ sống, đối nhân xử thế giữa người với người và cả những suy tư về nhà thơ, nhà văn, những người nổi tiếng. Nhà thơ cũng nhìn ngắm Hà Nội, một vùng đất hào hoa chứa bao trầm tích lịch sử bằng đôi mắt của một người từng trải.... Theo khảo sát của chúng tôi, trong sáu tập thơ có 180 bài mang tính triết lý hoặc gửi gắm suy tư về cuộc đời về lẽ sống, chiếm 32,78% số lượng bài. Nhà thơ nhìn sâu vào cuộc sống hiện tại để lắng nghe những xao động của cuộc đời, để thấu hiểu nhân tình thế thái bằng thái độ hết sức thâm trầm, kín đáo.

2.4.1. Những triết lý về lẽ sống và những trần trở trước cuộc đời, thế sự

Trong thơ Lò Ngân Sủn có những bài thơ bày tỏ quan điểm sống, nghệ thuật làm người. Tiêu biểu là các bài: *Người không chữ, Những cây thông, Cây lim đầu bản, Hai bàn tay, Cái miệng, Lời nói, Làm người, Ăn hết nói không hết, , Lời nói, Già đau chết, Biết làm người, Câu hỏi của một ông già vùng cao, Tự ngắm...*

Theo ông để thành người biết sinh con đẻ cái, ăn ngon mặc đẹp, giàu có hay sống lâu trăm tuổi không khó. Quan trọng nhất, khó nhất trong kiếp nhân sinh là: Sống! . Không Tử nói một câu rất chí lý ”*vị nhân nan*”(làm người khó). Một nhà hiền triết khác cũng nói: “*Khôn cũng chết/ Dại cũng chết/ Duy chỉ có biết sống*”. Lò Ngân Sủn cũng có quan điểm rất đồng nhất với những nhà tư tưởng lớn:

*Có người già mà vẫn trẻ
Có người còn trẻ mà đã già
Có người sống mà như chết
Có người chết mà vẫn sống...
Làm người khó nhất là : Sống!*

(Làm người)

Người biết sống là người nhận thức được bản chất của sự sống và có lối sống phù hợp trong đời nhân xử thế. Biết sống thì có người già vẫn trẻ và chết vẫn sống trong lòng người. Người biết sống là người biết mình, biết người, biết khám phá bản thân, biết tạo cho mình thế đứng. Trong cuộc sống nghệ thuật cao nhất là biết cách sống, biết cách làm người:

*Không biết làm người
Suốt đời như mảnh vải lạnh cũ phơi cạnh bếp
Suốt đời như mảnh vải rách phơi sào ngoài hiên
Biết làm người
Cuộc đời như con chim tung cánh bay lên trời xanh*

Cuộc đời ngon lành như cái cháo trắng cố ngoài chợ phiên.

(Biết làm người)

Trong guồng quay của cuộc sống mưu sinh, nhà thơ đã phát hiện ra những góc khuất, đó là sự đổi thay trong tâm hồn con người. Tiền bạc, sự giàu sang phú quý làm cho lòng người đổi thay, nhà thơ không khỏi cảm thấy day dứt: “*Giàu mà lạnh nhạt với nhau/ Quên đi cả chuyện măng rau đã từng/ Giàu mà mặt cứ xung xung/ Coi thường đồng loại đã từng cưu mang*”. Trong một số bài thơ khác, ta cũng thấy nhà thơ có tâm trạng cô đơn, lạc lõng trước lòng người đầy thủ đoạn, trước cuộc đời thật giả khó lường: “*lòng người/ thoát buồn - thoát vui/ thoát yêu - thoát giận/ Lòng người/ đầy trắc ẩn/ không biết đâu mà lần*” (***Lòng người***).

Lò Ngân Sùn có những so sánh thật thú vị khi ông nhận thấy nghệ thuật sống cũng giống như nghệ thuật đá bóng: “*Đá bóng/ một trò chơi vĩ đại/ đá bóng/ Là một nghệ thuật làm người*”. Một sự liên tưởng phong phú của nhà thơ! Trong bóng đá, chơi hay, chơi có kỹ thuật, biết phối hợp nhịp nhàng với đồng đội sẽ ghi bàn thắng. Trong cuộc sống nếu có kiến thức, có kinh nghiệm, biết dùng khả năng của mình sẽ thành công và được nhiều người mến mộ. Cuộc đời giống như sân chơi đá bóng, muốn chiến thắng phải học hỏi, rèn luyện.

Trong một bài thơ khác, bằng những trải nghiệm, khám phá về cuộc sống con người nhà thơ có những bài học nhân sinh thật giản dị, hình ảnh thơ từ chính cuộc sống đời thường mà nặng ý nghĩa triết lý: “*Hận thù mọc ra chết chóc, khổ đau/ Cái đầu mọc ra cái lý làm người*” (***Cái lý làm người***). Một người nuôi thù hận trong lòng sẽ không bao giờ sống khỏe và hạnh phúc, thậm chí mất lý trí, dẫn đến hành động tiêu cực, bởi nạn nhân của lòng hận thù chính là bản thân mình. Những người biết sống là những người không làm đau chính mình, không nên nuôi hận thù. Theo nhà thơ, cái lý làm người chính là cái đầu biết suy nghĩ, biết đè nén cảm giác hận thù nuôi dưỡng lòng vị tha, độ lượng.

Người Giáy rất chú ý việc nuôi dạy con cháu cách ứng xử trong cuộc sống, trong giao tiếp. Trong kho tàng tục ngữ của họ có những bài học kinh nghiệm dành cho mỗi người về lời ăn tiếng nói: "*Làm nhiều khoẻ người, nói nhiều người dại*"; "*Lời nói ở đầu lưỡi, lật bên nào cũng được*"; "*Lời nói ở đầu lưỡi, đắng, ngọt ở đáy cả*"... Lời nói là phương tiện để con người trao đổi tư tưởng, tình cảm và kinh nghiệm với nhau. Lời nói phản ánh trình độ văn hoá, thước đo phẩm giá của mỗi người. Trong thơ Lò Ngân Sủn, có nhiều bài thơ ông đề cập đến lời nói, cách ứng xử và giao tiếp: ***Cái miệng, Lời nói, Ý nghĩ, Làm người, Ăn hết nói không hết, Đi, Lòng người, Có học mới có ăn, Đá bóng...*** Nhà thơ luôn ca ngợi những lời nói thẳng thắn:

Lời nói thật

Như măng mọc thẳng

Xuyên qua đất đá

Vươn ra ánh nắng mặt trời

Trải qua mưa gió bão bùng

Đứng lên

Thành cây

Thành rừng.

(Lời nói)

Những lời nói thẳng thắn thường là lời nói thật, là những lời mà không phải ai cũng dám nói. Trong cuộc sống, lời nói thẳng nhiều khi bị ghét, theo nhà thơ lời nói thẳng phải "*trải qua mưa gió bão bùng*" và qua sự kiểm chứng của thời gian, của cuộc sống lời nói ấy, sẽ "*thành cây, thành rừng*".

Cuộc sống thời mở cửa với nhiều khởi sắc: "*nông thôn như bức tranh phong cảnh, thành phố như điệu nhạc rốc*" (***Tản mạn thời mở cửa***). Con người sống với nhau dường như lạnh lùng hơn, mối quan hệ giữa các cá nhân trong xã hội lỏng lẻo hơn. Có cảm giác nhà thơ không kịp thích ứng với những đổi thay của kinh tế thị trường, ông nhìn thấy mặt trái của thời mở cửa: "*Mặt trái của nền kinh tế thị trường như một người đàn bà hư hỏng/ Mặt trái của chính sách*

mở cửa giống như một đàn gia súc thả rông”(Tản mạn thời mở cửa). Con người sống nhờ thiên nhiên, cây cỏ nhưng nghịch lý và trớ trêu là họ lại tàn phá thiên nhiên và thiên nhiên chỉ lặng câm trước sự tàn phá ấy:

Suy cho cùng

Con người vẫn là kẻ sống nhờ vào cây lá

Nhưng khổ một nỗi

Cây lá lại không biết nói

Nên chúng chỉ lặng câm trước sự chặt phá của con người

(Hướng dẫn đèn lồng về phía ánh trăng)

Bài thơ ngắn gọn, ý tứ giản đơn nhưng ta có đọc được trong đó nỗi xót xa của nhà thơ đồng thời là sự thức tỉnh mọi người trước nạn phá rừng, đốt rừng. Thông điệp mà nhà thơ muốn gửi tới tất cả mọi người chúng ta qua bài thơ này là, tàn phá thiên nhiên là tàn phá sự sống con người.

Trong cuộc sống đời thường, Lò Ngân Sủn là người hướng nội, ông luôn có suy nghĩ sâu sắc, cảm xúc dạt dào, dễ xúc động. Cho dù với gia đình, bạn bè, người yêu, hoặc đồng nghiệp, hàng xóm láng giềng nhà thơ đều thể hiện sự quan tâm chu đáo. Câu hỏi của một ông già vùng cao: “*Bao giờ thì người dân mới được như lũ cán bộ chúng mày?*”, nhức nhối trong lòng nhà thơ, nhức nhối trái tim bạn đọc:

Ở vùng cao

Có người còn ăn hang ở lỗ

Có người còn chưa biết ăn gạo là gì

Và tôi cứ nghĩ mãi về câu hỏi của một ông già vùng cao

- bao giờ thì người dân được như lũ cán bộ chúng mày?

(Câu hỏi của một ông già vùng cao)

Câu hỏi cuối bài thơ như một nốt lặng chứa đựng trong đó bao suy tư, khắc khoải về số phận con người, cuộc đời con người. Nhà thơ xót xa khi có những người vùng cao cả đời ăn hang, ở lỗ, cả đời không biết đến hạt gạo. Câu hỏi đặt ra vấn đề, phải sống như thế nào cho đúng trong mối quan hệ với nhân

dân? Đường như nhà thơ muốn nhắc nhở cảnh tỉnh những người là cha mẹ dân. Có thể coi bài thơ là triết lý về lương tâm con người, một thứ khó nhìn, khó đoán song mong mỏi của nhà thơ là con người sống đẹp hơn, sống tốt hơn.

Đọc thơ Lò Ngân Sủn chúng ta biết đến một thế giới đầy ắp những trăn trở, suy tư về cuộc đời về nhân tình thế thái và cả những triết lý về nghệ thuật sống, nghệ thuật làm người. Nhà thơ đặt ra vấn đề, sống phải biết vượt lên cái tầm thường, dung tục của xã hội hiện đại đầy bon chen. Có thể coi ông giống như một người bảo vệ trung thành cho những giá trị đạo lý truyền thống tốt đẹp của dân tộc và những bài thơ của ông là kinh nghiệm sống, bản lĩnh sống của một con người thâm trầm, chín chắn.

2.4.2. Những chiêm nghiệm, suy tư về thủ đô Hà Nội và những người nghệ sĩ tài năng

Có thể nói rằng từ hơn thiên niên kỷ nay, thủ đô Hà Nội là nguồn cảm hứng dạt dào của thơ nhạc. Nếu tập hợp những tác phẩm sáng tác về Hà Nội, ta sẽ có một kho tàng văn học nghệ thuật đồ sộ in dấu ấn sáng tạo của các thế hệ thi sĩ, nhạc sĩ. Trong thơ Lò Ngân Sủn ta bắt gặp những hình ảnh về miền đất nghìn năm văn hiến này với nhiều cung bậc, màu sắc: ồn ào náo nhiệt, hoành tráng vang vọng, trầm lắng thiết tha. Có thể kể đến: ***Hà Nội, Mùa cưới những đêm mưa, Hà Nội có ngôi nhà sàn, tôi yêu Hà nội, Ở Hà Nội nhớ về Lào Cai, Khu rừng di động, Có một chiều Hà Nội, Hà Nội của riêng tôi...***

Nhà thơ Lò Ngân Sủn gắn bó với quê hương Bát Xát-Lào Cai bằng những kí ức của tuổi thơ, còn với Hà Nội ông yêu bằng tình yêu và sự rung động của người đã trưởng thành và mang hơi ấm quê hương:

Tôi yêu Hà Nội

Như yêu tiếng pí lè

Như yêu điệu chim pán

Như yêu tiếng đàn môi.

(Tôi yêu Hà Nội)

Tình yêu với Hà Nội của ông mộc mạc, giản dị nhưng không kém phần nhã nhặn, tình yêu ấy được so sánh với những tinh hoa của dân tộc Giáy: Tiếng pí lè, điệu chim pán, tiếng đàn môi. Hà Nội trong cảm nhận của nhà thơ Phan Vũ đẹp, mơ mộng và hồn nhiên: “Em ơi, Hà Nội phố/ Ta còn em mùi hoàng lan/ Ta còn em mùi hoa sữa/ Con đường vắng rì rào cơn mưa nhỏ/ Ai đó chờ ai/ Tóc xõa vai mềm” (**Em ơi, Hà Nội phố**). Nếu thơ Phan Vũ tinh tế thanh lịch, mang vẻ hào hoa của người đô thành thì cách ví von của Lò Ngân Sủn lại mang hương vị núi rừng, chính nó làm lên cái “duyên” riêng của nhà thơ.

Những ngày đầu đặt chân đến thủ đô, nhà thơ không khỏi ngỡ ngàng, nhìn gì cũng lạ lẫm : *Nhà cao như núi/ Đường rộng như sông/ Người nhiều như cây lá trong rừng* (**Lần đầu đến Hà Nội**). Ấn tượng của nhà thơ về Hà Nội là âm thanh ồn ào, con đường lạ lẫm, những con người xa lạ:

Hà Nội

Ban ngày như sông suối chảy

Ban đêm như bộ đèn nhấp nháy

Ở Hà Nội - gặp nhiều quen ít

Ở Hà Nội - không thể nghe được tiếng chim.

(Hà Nội)

Hà Nội không phải chỉ đẹp, chỉ lung linh khoe sắc, mà trong mắt nhà thơ còn "đời" hơn, thực hơn khi thắp thoáng những thân phận người ăn xin, những kẻ ăn trộm: “Ngạc nhiên - khi gặp người ăn xin/ Giật mình - tiền trong túi bị mát” (**Lần đầu đến Hà Nội**).

Người Hà Nội

Nhiều như cây trong rừng

Đông chật như củi bó

Đi như sông như suối

*Đi như giông như bão
Ầm ào như sấm nổ bên tai*

(Hà Nội)

Giữa cuộc sống phố thị xô bồ, ồn ào với tiếng xe chạy ngày đêm như sông như suối, nhịp sống luôn hối hả như giông như bão. Hà Nội giống như một dòng sông, dòng đời chảy mãi, cách so sánh của Lò Ngân Sủn rất thú vị, rất lạ: "người Hà Nội đông chật như củi bó". Thi sĩ vùng sơn cước này có những cảm nhận về về nhịp sống của con người nơi "kẻ chợ" thật tinh tường! Tuy nhiên cũng có những bài là cái nhìn trong trẻo, trẻ trung, lãng mạn nhà thơ về một Hà Nội thâm trầm:

*có một chiều Hà Nội
nghe xôn xao phố cổ
nghe xa xưa gió thổi
lồng lộng sóng ngàn thu.*

(Có một chiều Hà Nội)

Nhà thơ yêu Hà Nội và gắn bó với Hà Nội từ lúc trưởng thành, ông gom góp những hình ảnh về mưa, nắng, hoa sữa hồ tây, về bốn mùa Hà Nội, phố cổ lô xô, những ngôi nhà cao tầng... để tạo lên một bức tranh thơ về Hà Nội ồn ào, náo nhiệt, xô bồ nhưng cũng lãng mạn, say đắm ngọt ngào ở đó có: "Từng cặp trai gái sánh vai nhau/ Tình yêu nảy nở tự nhiên lắm" (**Lần đầu đến Hà Nội**). Trong hành trình thơ viết về thủ đô ngàn năm văn hiến còn có cả những suy tư: "Là nơi giàu có nhất/ Nhưng cũng là nơi có số người ăn xin, ăn mày nhiều nhất/ Nhà ở rất gần nhau/ Nhưng lại ít quen nhau" (**Thành phố**). Ta đọc trong câu thơ, những băn khoăn, trăn trở khi nhận ra thành phố ba mươi sáu phố phường mỗi ngày hiện đại hơn, ồn ào hơn, nhưng tình người phai nhạt hơn. Đó là băn khoăn trong sâu thẳm tâm hồn của một nhà thơ yêu Hà Nội và có trách nhiệm với cuộc đời.

Tuy sự nghiệp văn chương đều dành trọn cho quê hương Bát Xát - Lào Cai nhưng không vì thế mà thơ ông vơi bớt đi tình yêu với thủ đô Hà Nội. Không gian hiện đại, trẻ trung của Hà Nội mãi mãi vẫn sẽ là một phần tâm hồn, tình cảm của nhà thơ. Dù viết về Hà Nội - vùng đất địa linh nhân kiệt tài hoa trăm miền tụ hội nhưng giọng điệu lời thơ vẫn mang nét đặc trưng riêng của người con quê núi: *“Đừng chê ta như con khi ở trên núi đá/ Đừng khinh ta như con cá ở trong hang nhé/ Ta yêu Hà Nội vì ta yêu em, Hà Nội ơi”*(**Người đẹp người xinh, Hà Nội ơi!**)

Trong mảng thơ viết về thế sự còn có là những suy tư của ông, về những nhà thơ, nhà văn, nhà tư tưởng lớn, chỉ một vài dòng thôi nhưng thâm tóm được tài năng, cuộc đời, sự nghiệp của họ. Có thể kể đến các bài: *Vécno, La Phôngten, Goto, Bô đole, Balzac và Huygô, Puskin, Sôlôkhốp, Thi Nại Am, Cổ Thành, Nam Cao, Nguyễn Du, Hàn Mặc Tử, Huy Cận, Trần Đăng Khoa, Bàn Tài Đoàn...*

Có những bài thơ mang âm hưởng nỗi buồn trước sự lãng quên của cuộc đời:

sách viết về Nguyễn Du

chất thành núi

ngôi mộ Nguyễn Du

bụi phủ mờ.

(Nguyễn Du)

Đại thi hào Nguyễn Du đã để lại trong kho tàng văn học những tác phẩm vô giá. Chỉ riêng Truyện Kiều - niềm tự hào của quốc văn Việt Nam đã được dịch ra hàng trăm thứ tiếng trên thế giới. Người đời sau sẽ mãi mãi tôn vinh, ngợi ca ông, sách viết về ông *“chất thành núi”* nhưng thật xót xa khi mộ Nguyễn Du *“bụi phủ mờ”*. Lớp bụi ấy là sự phai nhạt của thời gian hay của lòng người! Nhà thơ dường như bất lực trước *“lớp bụi”* lãng quên ấy, biết vậy mà không làm khác được... Bài thơ ngắn, giọng thơ chậm, buồn nhưng tứ thơ như xoáy vào lòng người.

Có những người đầy tài năng nhưng suốt đời cô đơn, nghèo túng, họ vẫn không ngừng theo đuổi niềm đam mê nghệ thuật để tạo ra những kiệt tác được đời đời ca tụng như Xecvantex.:

suốt đời nghèo túng và khổ đau

suốt đời làm giàu cho nhân loại.

(Xecvantex)

Xecvantex là thiên tài hội tụ và kết tinh những truyền thống quý báu của văn học Tây Ban Nha. Trước khi trở thành nhà văn ông phải trải qua nhiều nghịch cảnh, cuộc đời ông giống như một bi kịch lớn, nhưng những gì nhà văn để lại có sự đóng góp rất lớn với nhân loại. Âm hưởng của nỗi buồn ám ảnh nhà thơ trong các bài viết về Nam Cao, Hàn Mặc Tử, Hêminguê, Thi Nại Am, SôLôKhốp... Tài năng kiệt xuất cũng không ngăn nổi những nghịch lý, trở trêu. Cuộc đời họ khi sống là những cống hiến lớn nhưng đi kèm theo là chuỗi bi kịch, cho thấy khoảng cách mù mịt giữa thực tại cuộc sống với lý tưởng của xã hội đương thời.

Có nhiều bài thơ của Lò Ngân Sủn mang cảm hứng tôn vinh, ngợi ca, ông dành những từ ngữ đẹp nhất để vinh danh những tài năng xuất sắc có nhiều đóng góp cho đời. Đó là Vũ Trọng Phụng “*Sớm chết mà không chết*”, Hàn Mặc Tử “*ngang tầm vũ trụ*”, Huy Cận “*gieo trồng trên vũ trụ/ gặt hái dưới trần gian*”, Trần Đăng Khoa “*một thần đồng/ được đúc bằng thơ*”...

Những bài thơ ông viết về những người nổi tiếng là những bài thơ hết sức ngắn gọn có khi chỉ hai dòng nhưng vô cùng sâu lắng. Dường như đó là nỗi niềm riêng, là tấm lòng tri ân của riêng nhà thơ dành cho những người tài hoa. Những bài thơ viết ở mảng này chưa bàn nhiều đến nghệ thuật nhưng đáng quý là tấm lòng kính trọng, yêu mến những thiên tài. Chừng đó thôi có thể sẽ làm vui bớt đi rất nhiều nỗi cô đơn, lạnh lẽo và những nghịch lý trở trêu của cuộc đời.

Với cảm hứng thế sự thơ Lò Ngân Sủn đã mở rộng phạm vi phản ánh hiện thực đời sống, qua đó cũng thể hiện trách nhiệm công dân của nhà thơ

trước mọi vấn đề xã hội. Cũng qua mảng thơ này, cho thấy tâm thế của một con người hay nghiền ngẫm, chiêm nghiệm về thế thái nhân tình, về đạo đức, về lẽ phải, những băn khoăn về số phận con người trong đời sống. Nhà thơ đã khám phá mọi ngõ ngách, góc khuất của đời thường và cả cái cao quý trên hành trình đi tìm sự sống, hạnh phúc của con người. Gần nửa thế kỷ sáng tạo thơ ca, nhà thơ Lò Ngân Sủn đã chắt lọc tinh hoa của tâm hồn để dâng hiến cho người, cho đời những bài thơ chứa chan tình cảm và giàu tính chiêm nghiệm, suy ngẫm về lẽ đời, về nhân tình thế thái. Dù dòng thời gian luôn tuôn chảy và sàng lọc, thử thách những giá trị thơ ca của một thời, nhưng những bài thơ mang cảm hứng thế sự của nhà thơ vẫn "thao thức" cùng với hồn người trước sự sống, cuộc đời và thời đại.

Tiểu kết chương 2

Lò Ngân Sủn đã dành cho quê hương một tình cảm sâu nặng. Nguồn sữa văn hóa, văn học dân gian đã nuôi lớn tình yêu thi ca trong ông. Thơ ông giống như tấm gương phản chiếu một cách sinh động hình ảnh cuộc sống miền núi vùng cao với con người, phong cảnh thiên nhiên, tập tục sinh hoạt... Những vần thơ ấy luôn gắn với sinh mệnh dân tộc, tâm thức dân tộc. Dù khi nói về thiên nhiên, con người, tình yêu đôi lứa hay chỉ là những triết lý đời thường vẫn ẩn ở sau đó những ý nghĩa khái quát sâu sắc, những ân tình với quê hương và sự điềm tĩnh, chín chắn trước cuộc đời.

Chương 3

BIỂU TƯỢNG, NGÔN NGỮ VÀ THỂ THƠ

TRONG THƠ LÒ NGÂN SỦN

3.1. Những biểu tượng đặc trưng tiêu biểu

Biểu tượng là sự mã hóa các giá trị tinh thần của loài người theo suốt chiều dài thời gian. Biểu tượng trong văn học là loại biểu tượng mang tính đa nghĩa và được tạo dựng bằng ngôn từ nghệ thuật. Đó là một thủ pháp nghệ thuật đặc biệt để chuyển tải ý đồ sáng tạo của nhà văn. Theo nhà ngôn ngữ, tâm phân học Thụy Sĩ C.G.Jung thì *“Biểu tượng là một từ ngữ, một danh từ hay một hình ảnh ngay cả khi chúng là quen thuộc trong đời sống hàng ngày vẫn chứa đựng mối quan hệ liên can, cộng thêm vào đó cái ý nghĩa quy ước và hiển nhiên của chúng. Trong biểu tượng có bao hàm một điều gì đó mơ hồ, chưa biết hay bị che dấu đối với chúng ta”* [16, tr.29]. Trong thơ ca, biểu tượng là dấu hiệu đặc trưng của thể loại, qua đó người đọc thấy được, sự tìm tòi sáng tạo, những cảm xúc thăng hoa của nhà thơ.

Qua tìm hiểu sáu tập thơ của Lò Ngân Sủn, chúng tôi nhận thấy một trong những phương tiện nghệ thuật quan trọng thể hiện tư duy nghệ thuật, cảm xúc thẩm mỹ của ông là các biểu tượng mà nhà thơ xây dựng. Đáng chú ý nhất là biểu tượng núi đá và tiếng kèn Pí lè. Đây là những biểu tượng thường xuất hiện trong thơ, nhất là các nhà thơ dân tộc thiểu số, nhưng trong thơ Lò Ngân Sủn biểu tượng này xuất hiện đậm nét và có nét riêng mang dấu ấn của dân tộc Giáy.

3.1.1. Biểu tượng núi đá

Có nhiều thứ gắn bó với cuộc sống của người miền núi, nhưng với đá núi thì hình như có một cái gì đó thật đặc biệt. Từ thời xa xưa, người dân tộc chưa biết làm nhà đã ở trong núi đá, lấy tảng đá làm giường, lấy khe đá làm nơi bắc bếp đun nấu. Trong ấn tượng của Lò Ngân Sủn núi đá vừa là hiện thực cuộc sống vừa là nguồn gốc của sự sống, đá kê cột dựng nhà, đá bắc kiềng nấu bếp,

đá làm ghé ta ngồi... Cuộc sống quanh năm suốt đời gần gũi với núi, làm bạn với đá. Ra khỏi nhà, đi chợ, đi nương, đi lên rừng, đi gùi nước, đi phơi sợi lanh cũng đều đi trên núi đá. Núi đá còn cho con người nơi đây cái ăn, họ trồng cây trên núi, hạt lúa hạt bắp được nảy mầm trên núi. Có cái nương ít đất quá hạt bắp không lên được họ lấy đá xếp quây lấy đất, hoặc gùi đất từ chân núi lên thả vào từng hốc đá làm thành nương trồng ngô. Con người cứ như con ong cần mẫn làm lụng, đến khi cây lớn lên xoá dần đi màu xám của núi đá. Trong thế giới nghệ thuật thơ Lò Ngân Sủn núi đá những biểu tượng giàu ý nghĩa. Trong sáu tập thơ được khảo sát, chúng tôi thống kê được hơn 100 bài thơ dùng biểu tượng núi đá để miêu tả về thiên nhiên và con người nơi đây. Xuất hiện với gần 300 lượt, có nhiều bài lên đến mười lượt, mười hai lượt, mười lăm lượt, thậm chí có bài đến hai mươi sáu lượt: *Những người con của núi, Người trên đá, Rừng, Núi, Po Pả, Người làng đá, Oi em - cô gái Cơ Tu, Tây Bắc, Người Tà Loọng, Người miền núi, Người chân núi, ...* Đây là cơ sở để chúng tôi tầm quan trọng của biểu tượng này trong thế giới nghệ thuật thơ Lò Ngân Sủn.

Với những người lần đầu đến Lào Cai, ấn tượng đầu tiên thu vào tầm mắt là những dãy núi đá. Nhất là khi vào đến các bản làng Bát Xát, Mường Khương, Ý Tý, Sa Pa, Na Đong... sẽ thấy núi đá hiện diện ở khắp nơi vừa hùng vĩ, khắc nghiệt. Với 90% diện tích là núi, người dân nơi đây từng ngày chiến đấu với tự nhiên để giành lại từng nắm đất. Những ngôi nhà bé nhỏ nằm thu mình như một dấu chấm trên lưng chừng núi đá. Cuộc sống của họ gắn liền với núi, với thiên nhiên khắc nghiệt. Trong văn học dân gian, núi đá là nơi trú ngụ của thần linh, trong thơ Lò Ngân Sủn sự hùng vĩ của núi đá tạo lên một vẻ đẹp mê hoặc lòng người: “*Phan Xi Păng/ Dựng đứng trước mặt/ Như một cái thang bắc lên trời/ Càng đi càng cheo leo/ Càng đi càng heo hút*”(Phan Xi Păng). Họ dựng từng hàng rào đá bên sườn núi cho đất khỏi bị rửa trôi, lấy đá bao quanh nhà như những bức tường chắc chắn: “*Đá xây tường nhà/ Đá xếp bậc cửa/ Đá kê làm bếp/ Đá rào quanh nhà/ Đá rào quanh vườn/ Đá rào ruộng*

nuong” (Người trên đá). Người Giáy quan niệm, khi xếp đá quanh nhà làm hàng rào sẽ được đá bảo vệ không cho con ma ác đến gần, con người không bị đau yếu tật bệnh... Hàng rào đá còn giúp con người canh giữ tài sản, tạo nét thẩm mỹ cho ngôi nhà.

Trong thơ của Lò Ngân Sủn giữa núi đá và con người miền núi có sự tương hợp kì lạ. Đá núi rắn rỏi, giàu sức sống cũng giống như những con người nơi đây luôn khỏe khoắn, kiên cường đầy bản lĩnh và tâm hồn khoáng đạt. Khó có biểu tượng nào tiêu biểu, xác đáng có vóc dáng sức mạnh và phẩm chất giống con người miền núi như những biểu tượng núi đá. Núi Đá vừa là môi trường sống, vừa là không gian sinh tồn, vừa chở che, bầu bạn, thấu hiểu, cảm thông và bồi đắp tình cảm, thanh lọc tâm hồn con người. Với ý nghĩa như vậy, biểu tượng núi đá đã tạo nên nét riêng đầy ấn tượng trong thơ Lò Ngân Sủn, một hồn thơ nặng lòng với quê núi. Có lẽ chỉ có người sinh ra từ núi, lớn lên từ núi, hồn vía gửi vào núi và gắn bó máu thịt với núi thì mới có thể diễn tả sâu sắc đến như vậy.

Đá núi trong nghĩa thực là một hình ảnh đặc trưng của thiên nhiên vùng cao với những núi đá liền kề *như mắc võng* cao ngút ngàn. Đá núi trong thơ Lò Ngân Sủn không chỉ là vật thể tự nhiên gắn với đời sống hàng ngày của con người. Với cái nhìn đầy sức sống và sáng tạo, Lò Ngân Sủn đã tạo ra một biểu tượng đá núi độc đáo, bất ngờ và đầy thú vị. Đá núi trở thành biểu tượng của sức sống bản lĩnh kiên cường, có thể bồng lên bất chấp mọi hoàn cảnh, mọi khó khăn của con người miền núi: *“Chúng tôi/ Những người con của núi/ Sinh ra ở trên núi/ Hít thở khí trời ở trên núi/ Uống nguồn sữa mẹ ở trên núi/ Tập ăn, tập nói, tập nghe, tập nhìn ở trên núi/ Tập bò, tập đứng, tập đi, tập chạy ở trên núi/ Ngã ở trên núi/ Khóc cười trên núi” (Những người con của núi).*

Trong truyền thuyết dân gian người Việt thì đá núi là nơi trú ngụ của thần linh. Trong văn học viết, núi đá thường là biểu tượng của sự lớn lao, khó khăn,

ngăn trở... Nhà thơ Y Phương - một người con của đất núi Cao Bằng đã từng rất xúc động khi viết về núi: “*Ngày xuống núi/ Mây vương chân/ Núi như trăm voi rung mình/ Suối như bạc ào ào chảy*” (**Người vùng cao - Y Phương**).

Cái nghèo, cái khó phải chằng đã làm lên nghị lực của con người nơi đây. Hình ảnh con người cằn mẫn trên vai nặng trĩu chiếc gùi đất làm xanh những triền núi đá bằng sự nhọc nhằn. Họ chắt chiu từng giọt nước cho ngô xanh ngập tràn, cây cối đơm hoa kết trái.

Bài thơ **Người trên đá** vẽ ra một không gian riêng đặc trưng của vùng núi cao với chập chùng đá núi, đánh thức một vùng thẩm mỹ suy tưởng của bạn đọc: “*Lớn trên đá/ Đi trên đá/ Chạy trên đá/ Cày bừa trên đá/ Gieo trồng trên đá*”. Một không gian đá chật chội vây hãm con người nhưng là nơi rèn luyện tinh thần bất khuất của người vùng cao: “*Không đỉnh núi nào cao hơn đầu gối người Mông ta*”. Vẻ đẹp con người thể hiện bằng sự hiếu khách dễ thương: “*Đá kê làm bếp/ Đón khách gần xa*”, bằng sự đắm thắm, mềm mại “*Ước mơ hiện lên trên đá*” “*Đá cũng mềm như đất như hoa*”. Câu thơ chan chứa yêu thương, dịu dàng, thấm đẫm chất thơ làm nên vẻ đẹp đắm thắm trong tâm hồn người vùng cao.

Trong thơ Lò Ngân Sủn đá còn là biểu tượng của sự chinh phục, đá trở thành nền tảng, thành bộ phóng để tôn vinh con người, làm đẹp giá trị con người: “*Người làng đá/ Lưng gùi bầu trời/ Ngực địu bầu trắng/ Ôm ấp lấy đá/ Nở hoa/ Kết trái!*” (**Người làng đá**). Từng chữ trong mỗi câu thơ đều ý vị và có sức gọi, sức lan tỏa lớn vừa thể hiện ý chí mạnh mẽ, ước muốn chinh phục cả bầu trời, bầu trắng, vừa thể hiện tâm hồn đắm thắm gắn bó sâu nặng với thiên nhiên quê hương. Con người cứ như con ong cằn mẫn làm lụng và đá nâng niu, trìu mến, yêu thương từng bước chân người để họ nở hoa và kết trái.

Với bút pháp gợi nhiều hơn tả, Lò Ngân Sủn biến sự lớn lao, hùng vĩ, ngăn trở của núi thành biểu tượng của lòng quyết tâm: “*Núi ấp, núi nở/Núi*

ưỡn ngực ra hứng mưa gió/ Núi duỗi chân ra chắn sóng biển cả/ Sừng sừng giữa đất trời bao la”(Núi).

Qua những biểu tượng núi đá người đọc có thể cảm nhận được vẻ đẹp tâm hồn trong sáng, yêu đời của con người miền núi nhất là xuân về. Những người con của núi vẫn gắn bó với thiên nhiên, cuộc sống vẫn thi vị, ngọt ngào với tiếng khèn, tiếng sáo, tiếng pí lè cùng điệu múa trao tình của các chàng trai, cô gái trong điệu vượn, điệu sli- lượn đẹp như thần thoại: “*Phố núi/ Sinh ra/ Tiếng sáo/Tiếng khèn/Tiếng pí lè/ Sinh ra/Điệu xòe/ Điệu vượn/ Điệu sli-lượn”(Phố núi).*

Trong mảng thơ viết về tình yêu ta bắt gặp nhiều hình ảnh núi đá và nó trở thành những biểu tượng của sự đợi chờ, chung thủy và say đắm, mãnh liệt trong tình yêu: “*Em sẽ làm rừng xanh mong đợi/ Làm má po nở giữa đồi nương”(Hoa má po).* Trong thơ viết về tình yêu Lò Ngân Sủn thường được so sánh với những biểu tượng sông suối, núi rừng:”*Dù sông có cạn/ Dù đá có mòn/ Em vĩnh viễn ở lại giữa lòng anh”(Em vĩnh viễn ở lại giữa lòng anh).* Ở một bài thơ khác, người con gái trong bài thơ đã gửi gắm tình yêu của mình vào đá núi: “*Nhớ quá/ Em chạy ra bờ suối đá/ Nghe tiếng suối chảy âm âm”(Bài thơ tình của đôi trai gái miền ngược).*

Có thể nói rằng, Lò Ngân Sủn là một nhà thơ có bản sắc rõ nét. Bản sắc ấy được khẳng định và biểu hiện qua hành trình sáng tác không mệt mỏi của mình. Trong thơ Lò Ngân Sủn chúng tôi nhận thấy tác giả đã lựa chọn biểu tượng này để gửi gắm vào trong đó rất nhiều tâm tư, tình cảm của người miền núi. Đồng thời khắc họa hình tượng con người miền núi với vẻ đẹp phi thường, cứng cỏi, bản lĩnh, mang trong mình một sức sống mãnh liệt, một tâm hồn đầy chất thơ.

3.1.2. Biểu tượng kèn pí lè

Trong quá trình sinh sống và phát triển, người Giáy cũng đã sáng tạo ra nhiều loại nhạc cụ phục vụ cho đời sống tinh thần của mình như sáo, kèn pí lè,

chiêng, trống, thanh la... Trong đó, nổi bật và sáng tạo nhất là cây kèn pí lè. Kèn Pí lè được làm từ loại gỗ cứng, chắc, bền. Kèn gồm ba phần: đầu thổi, thân kèn và loa kèn. Đầu thổi là một ống đồng nhỏ bọc gỗ thông với thân kèn; thân kèn gồm mười đốt (trong đó có bảy đốt giữa được đục lỗ để khi thổi có thể phát ra âm thanh, ba đốt còn lại dùng để làm trang trí); loa kèn được làm bằng đồng có chiều rộng khoảng mười cm.

Thổi pí lè là nét sinh hoạt văn hoá độc đáo, không thể thiếu của đồng bào dân tộc Giáy cũng như các dân tộc khác ở vùng Tây Bắc. Người Giáy coi Pí lè như báu vật, họ sử dụng trong các nghi lễ cúng thần, lễ Róng Pọoc, lễ cưới hỏi, ma chay, lễ mừng nhà mới hoặc những đám chơi, đám hội ... Pí lè là nhạc cụ thuộc họ hơi, cấu tạo hình dáng nhỏ, gọn, chất liệu âm thanh vang vọng, là biểu tượng không thể thiếu trong đời sống tâm linh của đồng bào Giáy. Kèn pí lè có thể thổi được bảy mươi hai giai điệu, đó là những lời tâm tình của lòng người với trời đất, với núi rừng, lời tâm sự của đôi trai gái tìm duyên, lời của con cái với cha mẹ... Những âm thanh dịu dặt, réo rắt, nỉ non, trầm bổng được thực hiện bằng cách phối hợp giữa thổi hơi và các ngón bấm trên thân kèn.

Khảo sát thơ của Lò Ngân Sủn chúng tôi thấy tiếng kèn pí lè không xuất hiện nhiều bằng biểu tượng núi đá nhưng khá đặc sắc. Đây là nhạc cụ truyền thống, thiêng liêng, không chỉ phản ánh đời sống văn hóa tâm linh của người dân tộc mà còn giúp người đọc hình dung được thế giới tâm hồn phong phú của người miền núi. Có hơn 20 bài thơ và với gần 40 lượt xuất hiện trong 6 tập thơ của Lò Ngân Sủn, có thể kể đến các bài: ***Đám cưới, Bắc Hà, Chợ phiên, Xuân, Đêm nay làng Quang có hát, , đi chợ, phố núi, Em như là ngày tết, Hà Nội, Tuổi thơ tôi trong làng bản Yên...*** Đáng chú ý là trong thơ ông tiếng kèn Pí lè thường gắn với những hội vui tung bưng, đó là những chợ phiên, chợ tình óng ánh sắc màu với những vòng xòe, điệu sli, điệu lượn, trong hội xuân, trong đám cưới hỏi, trong kí ức tuổi thơ... Đây là biểu tượng cho văn hóa Giáy và tâm hồn bay bổng, sâu lắng, dịu dàng của người miền núi. Giữa không gian

rộng lớn của đại ngàn, người dân tộc quanh năm chỉ biết làm bạn với nương rẫy nhưng khi tiếng kèn pí lè được cất lên thì nam thanh nữ tú cùng hòa theo điệu nhảy làm ngây ngất đất trời, ngây ngất lòng người. Tiếng kèn giúp họ vui bớt mệt nhọc của cuộc sống thường ngày, tạo nên nét đặc sắc trong văn hóa tinh thần của người dân tộc.

Với người Giáy, đám cưới là nghi lễ quan trọng nhất của đời người nên dù nghèo khó hay giàu sang thì trong lễ cưới nhà trai cũng phải có tiếng kèn pí lè đưa sang nhà gái để thể hiện sự trang trọng, đường hoàng của gia đình nhà trai:

Pí lè gọi mở cổng làng, cổng bản

Pí lè rước nàng dâu qua bậc cửa

Pí lè mời khách ra sân rửa mặt

Pí lè mời người già vào mâm trên

Pí lè mời tất cả ngồi vào mâm dưới, mâm ngoài

Pí lè giục già hương hoa, hương rượu

Pí lè vang bên tai bao nỗi niềm...

(Đám cưới)

Với vai trò là “vật thiêng” xua đi sự xui xẻo, cản trở, mang lại sự may mắn, bình an và thể hiện sự uy nghi, hoành tráng của nhà trai trong ngày đại hỷ của gia đình vì thế trên đường đưa dâu, đội kèn luôn đi trước để dẫn đầu đoàn rước dâu. Từ lúc mở cổng làng, đến lúc rước dâu về, lúc quý xuống để lạy ông bà tổ tiên đều có “*Tiếng pí lè bay ra từ ống gõ mun, gõ dổi*”. Khi mời cỗ, tiếng pí lè thay mặt chủ nhà mời người già, người trẻ vào mâm trên, mâm dưới với nhịp kèn rộn rã, dồn dập, vui tươi trong hương hoa, hương rượu. Khi cô dâu về nhà chồng, tiếng kèn pí lè buồn da diết khiến người tham dự cũng trào dâng cảm xúc: “*Pí lè vang bên tai bao nỗi niềm...*”

Không chỉ là nhạc cụ chứng giám cho hạnh phúc lứa đôi mà tiếng kèn pí lè còn là “ông Tơ, bà Nguyệt” đưa các đôi trai gái xích lại gần nhau hơn trong những đêm hội, đêm chợ: “*Pí lè thổi gọi bình minh/ Kèn môi ngân giữa lung*

linh gọi mời” (**Bắc Hà**) . Trong buổi chợ, trong hội vui tiếng kèn như một lời thủ thi, nhắn nhủ tha thiết đối với người mà mình thương thầm nhớ trộm, nhiều cặp vợ chồng đã lên duyên nhờ cây kèn này. Và ở đây, cây kèn pí lè nghiêm nhiên trở thành nhạc cụ không thể thiếu trong cuộc sống bình dị của con người vùng núi ”*Đi chợ là tung yến, tung còn/ Kéo co, bắn nỏ, thổi Pí lè*”(**Đi chợ**).

Đối với những người con xa quê, tiếng pí lè trở thành kỷ niệm mỗi khi nghĩ đến thấy nao lòng: “*Mười năm rồi/ Không được nghe tiếng hát đối đáp, tiếng pí lè trong đám cưới, đám ma, đám hội*”(**Nỗi nhớ bản Qua**). Tiếng pí lè gắn với trò chơi thời thơ ấu: “*Bắt chước ông mo làm mo/ Bắt chước bà then làm then / Chụm hai bàn tay tay thổi pí lè vang núi*”(**Po pả**).

Xúc động biết bao khi trở về với quê hương, vẻ đẹp quê núi dạt dào trong từng hình ảnh thơ:

Từ ngày xa núi

Lâu lâu mới lại về với núi

Mới được nghe tiếng nói của làng, của bản

Mới được nghe tiếng pí lè, tiếng hát đối

Mới được đi tắm suối, lên dốc Đoi, dốc Đỏ

(Hương núi)

Lời thơ mộc mạc như cách nói của người dân tộc nhưng ẩn trong đó là tình quê sâu lắng. Có phải nhà thơ đã “Phải lòng” tiếng nói dân tộc, tiếng hát đối, tiếng pí lè mà đi đâu cũng đau đáu nhớ về, khi gặp lại âm thanh quen thuộc của quê hương bỗng thấy “*Thơm như là kỷ niệm/ Thơm như là tình yêu*”(**Hương núi**).

Trong thơ Lò Ngân Sủn, tiếng pí lè thành hình ảnh so sánh rất đẹp, vừa cụ thể, vừa trù tượng, lung linh:

Em như tiếng pí lè

Anh nghe lòng xốn xang

Em như làm điệu then

Anh nghe hồn tươi xanh

(Em như là ngày tết)

Em là hồn quê hương, hồn dân tộc trong trẻo mà thiêng liêng như tiếng pí lè, như làn điệu then để hồn anh suốt đời tươi mát. Nhà thơ đã tiếp thu tinh hoa văn hóa dân tộc vì thế trong từng câu chữ đều đậm đà âm hưởng của văn hóa Giáy, tạo ra giọng điệu riêng độc đáo trong thơ ông.

Ta lại gặp lại cách so sánh, ví von này trong một bài thơ viết về Hà Nội:

Tôi yêu Hà Nội

Như yêu tiếng pí lè

Như yêu điệu chim pán

Như yêu tiếng đàn môi...

(Tôi yêu Hà Nội)

Sống và gắn bó với thủ đô suốt mấy chục năm, nơi chỉ có "xe đạp, xe máy, ô tô, tàu điện/ Chạy đi chạy lại nhìn rối mắt", nhưng nhà thơ vẫn yêu thành thị bằng tâm hồn của người con quê núi. Nặng lòng với quê hương lên ngay cả khi viết về thủ đô ngàn năm vẫn hiện những câu thơ của ông vẫn ngan ngát sắc màu văn hóa quê hương. Câu thơ vì thế cứ da diết trong lòng người đọc! Người con xa quê không thể không thấy nao nao một nỗi nhớ quê như sóng dội lòng. Ông vẫn mang theo tiếng pí lè, điệu chim pán, tiếng đàn môi trong mỗi dòng thơ như để lấp đi khoảng trống trong tâm hồn người con xa quê.

Tiếng kèn pí lè dặt dìu như gió núi là nhạc cụ truyền thống thiêng liêng mang nét đặc trưng của nền văn hóa Giáy. Trong thơ Lò Ngân Sủn, tiếng kèn pí lè trở thành biểu tượng cho tâm hồn sâu thẳm và phong phú của người miền núi, nghèo khó về của cải mà giàu lòng nhân ái, chất phác, giản dị mà lãng mạn bay bổng. Lò Ngân Sủn là người suốt đời thủy chung với gốc rễ của nền văn hóa dân tộc, những câu thơ được chưng cất từ hồn vía Tây Bắc trở thành "đặc sản" trong thơ ông sẽ mãi mãi neo đậu trong tâm thức người đọc như nhắc nhở những người con xa quê nhớ đến nguồn gốc tổ tiên của mình.

3.2. Ngôn ngữ thơ mang màu sắc riêng

Macxim Gorki đã từng nói: “Ngôn ngữ là yếu tố thứ nhất của văn học”, không có ngôn từ thì không làm nên được tác phẩm văn chương. Ngôn từ trong thơ được xem là phần tinh lọc nhất của ngôn ngữ, được lựa chọn một cách nghiêm ngặt. Maiakopxki đã từng nói: “Nhà thơ trả chữ với giá cắt cổ như khai thác chất hiếm Radium. Lấy một gam phải mất hàng năm lao lực. Lấy một chữ phải mất hàng tấn quặng ngôn từ”. Và việc sử dụng ngôn từ chính là một trong những yếu tố quan trọng để hình thành nên phong cách nhà thơ. Khảo sát thơ Lò Ngân Sủn, chúng tôi nhận thấy ngôn ngữ thơ ông bám gốc bám rễ vào đời sống văn hóa, nếp cảm nếp nghĩ của cộng đồng dân tộc thiểu số. Vậy nên nó mộc mạc, giản dị và mang màu sắc văn hóa Giáy.

3.2.1. Ngôn ngữ mộc mạc, giản dị, gần gũi với người dân miền núi

Thơ Lò Ngân Sủn, mang phong cách nói năng của người miền núi mộc mạc, chân thật:

Xa nhau

Nhớ nhau quá

Ta đi chợ phiên thôi

Để ta được đi bên nhau

Để ta được ngồi bên nhau

Để ta được ngửi hơi của nhau

Dẫu chỉ là một buổi một ngày.

(Chợ phiên)

Câu chữ chẳng hề đẽo, đục, giũa, mài cũng không thấy có sự gia công trong cấu trúc, thiết kế... Tất cả giống hệt lời nói suông có nhịp: *Gặp nhau để đi bên nhau, ngồi bên nhau, ngửi hơi nhau*. Vậy mà đọc xong bài thơ, đã bắt gặp một tứ rất sắc, gọn, đó là nỗi nhớ trong tình yêu. Cũng có khá nhiều bài như thế, lời thơ chân thành, thiết tha, mộc mạc mà vẫn thấm đượm xúc cảm

yêu thương. Lời giải bày tình yêu của một chàng trai vùng núi mộc mạc, giản dị nhưng không kém phần sâu sắc đúng như bản chất người miền núi:

Anh yêu em

Như con sói đói mồi

Như con trâu đói cỏ

Như con hổ đói ăn

Như con gấu đói mật

(Bài thơ tình của đôi trai gái miền ngược)

Cách dùng ngôn ngữ của Lò Ngân Sủn, cũng giống các nhà thơ dân tộc thiểu số khác, nhà thơ Y Phương khi diễn tả tình yêu và sự đợi chờ đã viết: “*Từ anh sang em/ Bằng đi hồng một đôi giày*” (***Đi tìm***). Nhà thơ Mã Thế Vinh viết: “*Nhớ những chợ phiên/ Ta tìm nhau qua mấy chặng đường lá úa*” (***Chợ phiên***). Cách diễn đạt ấy chỉ có thể là từ sự tiếp nối từ cách nói cha ông, được lựa chọn và sinh động hoá trong hoàn cảnh cụ thể.

Cách nói, cách diễn đạt trong thơ Lò Ngân Sủn thường là cách nói trực tiếp, bằng hình ảnh trực quan sinh động, những hình ảnh so sánh luôn gắn gũi với đời sống sinh hoạt của người miền núi:

Con gái như chim rừng

Con trai như suối thác

Người như là đá tảng

Già như voi đầu đàn

Trẻ như hoa mùa xuân

(Người miền núi)

Cách nói so sánh ví von là thủ pháp nghệ thuật được sử dụng thường xuyên trong thơ Lò Ngân Sủn, những hình ảnh so sánh ấy thường gắn gũi với đời sống, với thiên nhiên mang đậm chất thơ và chứa đựng biết bao tình cảm nồng hậu. Cách nói ấy nói lên bản chất người miền núi thật thà, hồn nhiên, yêu đời. Nhiều câu thơ cho thấy sự tinh tường và sự quan sát thấu đáo của ông,

chẳng hạn vài nét chấm phá cảnh vật mùa xuân ở bản làng "*bản làng mọc lên như nấm như măng/ Ruộng nương như tranh treo vách núi*" hoặc cách miêu tả không khí uống rượu "*Bốc cao bầu núi rót/ Bưng cả thùng lũng uống*". Ngôn ngữ của Lò Ngân Sủn được chưng cất từ hồn vía Tây Bắc, vậy nên có nhiều câu thơ ông viết về cái nôi văn hóa của mình đã thành "đặc sản". Không ít nhà thơ đã đến chợ tình Khâu Vai, nhưng khó ai so được với Lò Ngân Sủn trong sự ví von "*Phiên chợ như cái chảo thắng cố/ Nóng lên bao mối tình dang dở*".

Trong thơ Lò Ngân Sủn có những hình ảnh thơ mang chất miền núi, nhưng đầy sáng tạo, đó là những liên tưởng tượng phong phú của nhà thơ trên cơ sở ngôn từ dân tộc: "*Phiên chợ đan chen màu trai gái*" (*Sa Pa*) "*Phiên chợ như cái thúng/ Đựng đầy màu thổ cẩm*" (*Chiều Lào Cai*). Thậm chí những hình thơ so sánh không chỉ mới mẻ mà còn táo bạo tuy vẫn là tư duy người miền núi: "*Đồi núi /Quê ta/ Đẹp như bầu vú người đàn bà*" (*Đồi núi quê ta*). Bài thơ "*Người đẹp*" ngôn từ giản dị, chữ nghĩa thẳng băng, không không vẽ mây nẩy trăng mà tạo hình người đẹp một cách sống động:

Người đẹp trông như tuyết
Chạm vào lại thấy nóng
Người đẹp trông như lửa
Sờ vào lại thấy mát
Người không khát - nhìn thấy người đẹp cũng khát
Người không đói - nhìn thấy người đẹp cũng đói
Người muốn chết - gặp người đẹp lại không muốn chết nữa...
Ơi! Người đẹp là ước mơ
Treo trước mắt mọi người.

(Người đẹp)

Cái hay của bài thơ không phải chỉ ở cấu tứ mà còn trong các dùng từ ngữ, những từ ngữ đối lập mà thống nhất trong cảm xúc: *trông như tuyết - thấy nóng; trông như lửa - thấy mát; không khát - mà khát; không đói - mà đói*. Nhà

thơ thường thức cái đẹp một cách nghệ thuật và dùng phong cách ngôn ngữ riêng của mình để vĩnh viễn hóa cái đẹp của người phụ nữ.

Có thể nói rằng, thơ Lò Ngân Sủn mang cách cảm, cách nghĩ của người miền núi và cũng từ những tư duy của người miền núi nhà thơ đã sáng tạo những hình ảnh, những ngôn từ mang một phong cách riêng mà vẫn đậm thắm, vẫn đậm đà những giá trị truyền thống. Đúng như Vũ Quần Phương đã đánh giá “*Ông (Lò Ngân Sủn) vận dụng rất nhuần nhuyễn và nhiều biến hóa sáng tạo các cách diễn đạt dân gian của phương ngôn tục ngữ, của văn chương các dân tộc ít người phía Bắc*” [14. tr438].

3.2.2. Ngôn ngữ mang màu sắc văn hóa Giáy

Quê hương, con người, văn hóa, phong tục dường như đã ăn sâu vào tâm khảm Lò Ngân Sủn, nuôi dưỡng hồn thơ ông. Chính từ cái nôi văn hóa đó, trong thơ Lò Ngân Sủn người đọc thấy một lớp ngôn từ động chạm đến trầm tích văn hóa sâu kín của đồng bào dân tộc Giáy. Đọc thơ ông, ta nhận thấy chất liệu văn hóa dân tộc rất đậm đà. Điều đó thể hiện vốn văn hóa của Lò Ngân Sủn, mặt khác cho thấy văn hóa dân tộc trở thành nguồn cảm hứng trong quá trình sáng tác của ông.

Chợ tình Khâu Vai là phiên chợ ca ngợi tình yêu đôi lứa và có sức lan tỏa lớn trong cộng đồng người miền núi. Khi viết về một nét đẹp văn hoá giàu chất nhân văn của dân tộc nhà thơ có sự so sánh lạ, hiếm nhà thơ nào có: “*Phiên chợ/ Như cái chảo thắng cố/ Nóng lên bao mối tình dang dở*” . Chợ tình Khâu Vai được hình thành từ 1919 là một truyền thuyết mang tinh huyền thoại in đậm dấu ấn bản sắc văn hóa của các dân tộc ít người nói chung và dân tộc Giáy nói riêng. Mỗi năm được tổ chức một lần vào đêm hay bảy tháng ba âm lịch. Chợ tình Khâu Vai không chỉ phản ánh đặc trưng sinh hoạt văn hóa của người dân vùng cao, đó là văn hóa chợ mà còn mang đậm tính nhân văn sâu sắc khi là nơi gặp gỡ và giao lưu của những đôi trai gái đã từng yêu nhau nhưng vì một lý do nào đó mà không đến được với

nhau: “*Mỗi năm chỉ một lần/Mà cháy hồng cả trời đất/Mà ướt đầm cả một đời Khau Vai!*” (**Khau Vai**).

Chợ phiên Bắc Hà, chợ phiên Sa pa, chợ phiên Bát Xát, chợ phiên Cốc Lếu... Là những phiên chợ lớn vùng Tây Bắc, tuần họp một lần. Chợ phiên mang nhiều nét văn hóa độc đáo được nhắc đến nhiều trong thơ Lò Ngân Sủn như một sự ám ảnh kì lạ. Người xuống chợ đủ các thành phần, người già, trẻ con, trai gái bản đều nô nức: “*Có những ngày chợ phiên/ Có những đêm trảy hội/ Rậm rịch tiếng ngựa buông*” (**Cốc Lếu - Mùa Xuân**).

Trong một góc chợ rực rỡ sắc màu của những chiếc khăn đội đầu, hay váy áo của những cô gái bằng vải thổ cẩm thêu: “*Đông chật như bó củi/ Tràn ngập màu thổ cẩm*” (**Chợ Cốc Lếu**). Trong phiên chợ, vui nhất là đám thanh niên đến chợ để tìm bạn, họ thổi kèn môi, kèn Pí lè, tiếng kèn réo rắt như mời gọi bạn tình, làm say đắm lòng người: “*Pí lè thổi gọi bình minh/ Kèn môi ngân giữa lung linh gọi mời*” (**Bắc Hà**). Cũng từ phiên chợ, nhiều đôi trai gái đã bén nhau qua điệu múa, tiếng khèn môi réo rắt để rồi mỗi phiên chợ lại trở thành nơi hò hẹn: “*Đi chợ là đi hò hẹn nhau/ Gửi cho nhau lời hứa/ Trao cho nhau lời thề/ bỏ bùa mê cho nhau*” (**Đi chợ**).

Có những bài thơ của Lò Ngân Sủn, người đọc phải hiểu ngôn ngữ Giáy, văn hóa Giáy mới hiểu hình ảnh trong bài thơ. Người Giáy gọi núi là “*Po pả*”, nếu hiểu được nghĩa của từ này mới hiểu câu thơ: “*Po pả/ Là người để ra tôi/ Là người cha đã xóc tôi lớn dậy*” (**Po pả**). Trong cuộc sống của họ thầy mo, thầy then có khả năng gọi hồn người sống đang đi lạc về với thân xác, có thể cầu xin thần nhiều điều, vì thế Lò Ngân Sủn viết: “*Bắt chước ông mo làm mo/Bắt chước bà then làm then*” (**Po pả**). Trong nhiều bài thơ khác có khá nhiều ngôn từ dân tộc, đó là trầm tích văn hóa Giáy nếu không có nội lực văn hóa, không hiểu tư duy của người dân tộc thiểu số thì không hiểu hết ý nghĩa bài thơ, chẳng hạn: “*Gặp nhau ca rút gọi nhau lên đường*” “*Anh bèn uốn cong lưỡi làm ca rút gọi vang*” (ca rút: tiếng mời gọi hát đối đáp nhau); “*Tháng*

giêng ăn bữa sâu dề” (bữa sâu dề: bữa cơm khuya); “*Tháng giêng hát ống giữa đồng/ Điệu chim pán bắc cầu vòng sang nhau*” (Hát ống: hát bằng hai ống nửa ngắn, được bịt một đầu bằng da thú rồi nối với nhau bằng sợi chỉ dài, bên này hát bên kia áp tai vào nghe; Điệu chim pán: điệu dân ca Giáy) ; “*Hoa piếng pì nở ra từ đất đá*”, “*Hoa má po nở giữa đồi nương*” (Hoa piếng pì; hoa ngựa núi; Hoa má po: Hoa mâm xôi, đây là những loài hoa mọc hoang dại ở núi đồi Tây Bắc). Qua phân tích, ta thấy nhiều câu thơ, hình ảnh thơ của Lò Ngân Sủn sử dụng tiếng dân tộc. Điều đó cho thấy ông rất quan tâm đến ngôn ngữ dân tộc có ý thức đưa ngôn ngữ dân tộc vào thơ ca để làm giàu tiếng dân tộc. Nhà thơ còn có tập thơ song ngữ Việt - Giáy “*Đầu nguồn cuối nước*”, cho thấy ông rất yêu, hiểu ngôn ngữ dân tộc mình. Chính vì thế trong sáng tác, Lò Ngân Sủn khai thác khía cạnh độc đáo trong ngôn ngữ dân tộc, đây là cách nhà thơ đã tạo được giọng điệu riêng đóng góp vào nền thơ ca Việt Nam hiện đại nói chung và thơ ca dân tộc thiểu số nói riêng.

Thành ngữ, tục ngữ, những câu hát dân ca, truyện cổ, hát ví... là một bộ phận quan trọng của văn học dân gian dân tộc Giáy. Nó thể hiện đặc trưng văn hóa, tư duy của một dân tộc. Trong thơ của Lò Ngân Sủn yếu tố dân gian xuất hiện khá phổ biến. Những nguồn cảm hứng lớn trong thơ ông như thiên nhiên, con người, cuộc sống xã hội, lao động sản xuất, những kinh nghiệm sống quý báu... đều được khơi nguồn từ kho tàng dân gian.

Đã là người dân tộc Giáy, không thể không biết truyện thơ *Pít chai, Phù sĩ* kể về chàng trai tài giỏi, sau khi cưới vợ xong lên biên ải giữ nước, có nhiều chiến công hiển hách được tổng trấn gả con gái cho. Nhưng sau này đã từ quan cùng vợ về quê sinh sống. Truyện thơ này, là niềm tự hào của dân tộc Giáy:

Mường Va

Không có Xống trụ xôn xao, Đam San, Xinh Nhã

Nhưng có pít Trai - Phù Sĩ

Một mối tình đau như đinh lắ óc, xót như muối xát ruột.

(Mường Va)

Trong thơ Lò Ngân Sủn, không ít những bài thơ lấy cảm xúc từ văn hoá, khai thác yếu tố văn hoá dân tộc, nhất là các thành ngữ, tục ngữ. Người Giáy có câu: “*Ngồi thì co/ Đứng thì thẳng/ làm người thật khó*”, câu thành ngữ là lời khuyên làm người phải biết thích nghi với hoàn cảnh sống, người đọc đều cảm nhận thấy bóng dáng câu nói đó trong bài thơ “**làm người**”:

có người đẹp ngoài mà xấu trong

có người xấu ngoài mà đẹp trong

có người già mà vẫn trẻ

có người trẻ mà đã già

có người sống mà đã chết

có người chết mà vẫn sống

làm người khó nhất là : Sống!

(Làm người)

Tục ngữ Giáy có câu “*Tay dài, ống áo ngắn*” ý nói khả năng con người có hạn, Lò Ngân Sủn dùng câu tục ngữ đó để viết thành câu thơ: “*Người mình áo ngắn tay mà*”. Theo sự tích ra đời của các dân tộc Việt Nam, hai người còn sống sót sau trận đại hồng thủy đã lấy nhau, sinh ra một bọc thịt, họ bằm nhỏ bọc thịt rồi rắc khắp nơi, rắc lên núi cao thành người H,mông, Dao; rắc vào thung lũng thành người Việt... Cuối cùng cạo nốt mùn thớt, rắc dọc sông Hồng thì thành người Giáy, nên có câu “*Giáy mùn thớt*”, đây là cách nói khiêm hạ của người Giáy. Ngôn từ ấy đã vào thơ Lò Ngân Sủn nhưng ẩn chứa niềm tự hào về sự giản dị của dân tộc mình, nghe như một lời giáo huấn “*Người mình - mùn thớt đầy thôi*”. Người Giáy có câu: “*không sợ nhà chật, chỉ sợ lòng người chật*”, trên cơ sở đó, ông suy ngẫm về lòng người:

Lòng người như biển cả trời đất mênh mông

Lòng người như cái ống bơ đong bữa ăn hàng ngày

Lòng người như dòng sông không đáy

Lòng người như cái máy sinh sự.

(Lòng người)

Dân ca Giáy cũng là ngữ liệu không ít lần được nhà thơ sử dụng trong thơ. Nhiều người biết đến bài thơ Người đẹp của Lò Ngân Sủn nhưng có lẽ ít người biết bài thơ được này sinh từ ý của một bài dân ca : “*Ai biết tên em bằng ánh sáng/ Ai vẽ hình em bằng ánh trăng*” (**Dân ca Giáy**). Cũng từ xúc cảm về văn hoá dân tộc, nhà thơ có những bài thơ độc đáo, đầy bản sắc. Sự độc đáo, bản sắc có từ chính không gian sinh hoạt của đời sống đến cách nói, cách diễn đạt rất riêng của nhà thơ. Vật dụng rất quen thuộc là chiếc ghế mây cũng bước vào trong thơ ông: “*Ghế mây người Giáy ta/ Khách xa đến/ Ngồi vào/ Mặt nở hoa*”. Người phụ nữ vùng cao mang cái đẹp của người lao động nhưng không kém phần duyên dáng: “*Nói như chăng dây/ Cười như gieo cấy/ Nhìn như giảng bầy*”. Cuộc sống dù rất vất vả nhưng vẫn thi vị: “*Sáng sớm em lên nương/ Bàn tay em nhúng sương/ Chiều tối em về bản/ Bàn tay em nhuộm nắng*”. Từ việc gắn bó dân tộc, nhà thơ có sự chiêm nghiệm về người con gái bản Tòng với ngôn ngữ so sánh mang chất Giáy đầy thú vị:

Mông em tròn mập như bắp chuối

Váy em buộc thắt đáy lưng ong

Ngực em căng hai bầu sữa ngọt

(Con gái bản Tòng)

Trong thơ Lò Ngân Sủn có những câu thơ rất gần với thành ngữ, một lối nói của dân tộc, nhờ cách nói ấy bản sắc của các dân tộc anh em rất đáng nhớ: “*Người Hà Nhì có khô chà chà/ Người Phù Lá có a thá chim/ Người Mông có gầu tào/ Người Dao có pút tông/ Người Tày có lòng tông/ Người Thái có xòe/ Người Dáy có roóng pọc...*” (**Hai mươi bảy sắc xuân**). Cách nói năng của người miền núi cứ chân thật, cứ hết mình, hết tình, hết nghĩa chứ không khách sáo nửa vời, không điệu bộ lừa dối, kể cả trong tình yêu. Tất cả những điều này đều được thể hiện trong thơ, tạo nên dấu ấn về bản sắc văn hóa và nét độc đáo

trong thơ Lò Ngân Sủn: "Tình yêu như chảo thắng cố/ Ăn vào no lão đảo/ Tình yêu như cái chum đựng rượu/ Uống vào say ngả nghiêng" (**Động đất, động trời**). Những câu thơ như thế chỉ có thể viết lên từ những người con sống trong lòng văn hoá, biết văn hoá, yêu văn hoá Giáy.

Có thể thấy ngôn ngữ trong thơ Lò Ngân Sủn mang một màu sắc văn hóa Giáy sâu sắc, đậm đà. Nhà thơ sử dụng ngôn ngữ dân tộc nhưng không quá lạm dụng mà rất tài tình khéo léo để ngôn ngữ dân tộc trở thành đặc dụng trong những câu thơ sâu sắc, tinh tế. Qua thơ ông, người đọc có thể cảm nhận chiều sâu văn hóa, dấu ấn văn hóa dân tộc thiểu số nói chung, dân tộc Giáy nói riêng. Điều đó cũng để khẳng định Lò Ngân Sủn là nhà thơ tiêu biểu của đồng bào dân tộc Giáy và luôn khao khát trở về nguồn cội.

3.3. Sử dụng đa dạng các thể thơ

Cũng như rất nhiều các nhà thơ sáng tác cùng thế hệ, nhà thơ Lò Ngân Sủn đã sáng tác trên nhiều thể thơ: thơ 4 tiếng, thơ 5 tiếng, thơ 7 tiếng, thơ lục bát, thơ tự do. Khảo sát sáu tập thơ chúng tôi có bảng thống kê sau:

Thế thơ Tập thơ	Bốn tiếng	Năm tiếng	Bảy tiếng	Lục bát	Tự do
<i>Lều nương</i> (1996)		04			49
<i>Con của núi</i> (1997)	01	08	04	06	46
<i>Đầu nguồn cuối nước</i> (1997)		08			13
<i>Người trên đá</i> (2000)		06		01	59
<i>Bữa tình yêu</i> (2005)	04	05	03	03	80
<i>Tuyển tập thơ Lò Ngân Sủn</i> (2012)	08	29	07	09	239
Tổng	13 bài	60 bài	14 bài	19 bài	486 bài

Nhìn vào bảng thống kê, chúng ta nhận thấy, Lò Ngân Sủn đã thể nghiệm ngòi bút qua hầu hết các thể thơ, trong đó thơ tự do có số lượng bài nhiều nhất với 486 trên tổng số 592 bài thơ chiếm 82,09%, sau đó đến thể thơ

năm tiếng với 60 bài chiếm 2,02%. Các thể thơ lục bát, bảy tiếng, bốn tiếng chiếm số lượng không nhiều.

Thơ tự do- một thể loại mang đậm cảm xúc chủ quan, nhà thơ có điều kiện bộc lộ một cách thoải mái cảm xúc, suy tư cá nhân mà không bị gò bó về câu chữ, vần luật:

Mường Khương

Bát Xát

Than Uyên

Văn Bàn

Gập ghềnh điệu gâu plênh

Chênh vênh điệu páo dung

Ung dung mượt mà làn điệu vưon điệu khắp điệu sli...

(Đường Hoàng Liên)

Thơ tự do tạo điều kiện nhiều nhất để thơ có vẻ riêng về nhịp điệu. Vẻ riêng trong nhịp điệu của thơ tự do trong thơ Lò Ngân Sủn có sự hòa điệu giữa yếu tố chủ quan và yếu tố khách quan, do vậy nó vừa là nhịp điệu của hình thức bên ngoài, vừa là nhịp điệu bên trong, là nhịp điệu của những rung động trước bức tranh đời sống:

Tháng giêng / nón ngả mái đầu

Áo viền/ bay lượn sắc màu nước non

Tháng giêng / tung yến tung còn

Bên nhau /cháy ngọn lửa hồng /đêm thâu

Tháng giêng /là tháng yêu nhau

Đi chợ Cốc lều /hát câu pí lí

Gặp nhau /rời lại chia ly

Tháng giêng đến

Tháng giêng đi

Lại về!

(Tháng giêng)

Nhịp thơ thay đổi linh hoạt, lúc là nhịp chẵn, lúc nhịp lẻ, có dòng thơ vừa ngắt nhịp chẵn và lẻ đan xen. Tuy nhiên nhịp điệu của bài thơ không thuần túy chỉ là hình thức ngắt nhịp ngôn từ mà còn là nhịp điệu của cảm xúc, nhịp điệu bên trong của tâm hồn nhà thơ, một tâm hồn say mê, sôi nổi mỗi dịp lễ hội.

Thơ tự do của Lò Ngân Sủn, thường ít phân chia khổ, số lượng câu thơ trong một bài thơ không hạn định nhưng chưa có bài nào dài quá năm mươi dòng. Thơ tự do không có sự ràng buộc bởi niêm luật, số câu, số chữ, do vậy, có khả năng diễn tả cảm xúc một cách mạnh mẽ, phóng túng. Từ khi mới sáng tác, Lò Ngân Sủn đã chọn thể thơ tự do để diễn tả cảm xúc, tâm trạng. Những bài thơ như: *Hoa má po, Chiếc vòng bạc, Đồng bằng...* là những thành công bước đầu trong thơ Lò Ngân Sủn về thể thơ này, tạo tiền đề cho sự thành công về sau.

Ngôn ngữ thơ cách luật là ngôn ngữ phải tuân theo vần luật, thanh bằng trắc thì ngôn ngữ thơ tự do gần hơn với ngôn ngữ, lời nói của đời thường, có thể gieo thanh điệu tùy ý. Thơ Lò Ngân Sủn mang vẻ đẹp giản dị, chân chất, mang hơi thở của đời sống miền núi rất hợp với thể thơ tự do:

Chúng tôi

Những người con của núi

Sống ào ào như thác đổ

Sống dữ dội như lộc cuốn

Quanh năm vốc nước suối rửa mặt

Quanh năm thấp ngọn lửa làm mặt trời sưởi ấm

Những người con của núi

Dù ở đâu vẫn nhận ra nhau

Đã vui- như chim hót

Đã cười - tươi như hoa

Đã buồn - im như đá

Cả dáng hình cũng là dáng hình của núi.

(Những người con của núi)

Một bài thơ khá dài nhưng rất ít vần, thơ tự do của Lò Ngân Sủn thường là như vậy. Nếu bài thơ này có nhiều vần sẽ tạo ra âm hưởng nhịp nhàng, êm tai không thể diễn tả được sức mạnh, bản lĩnh mạnh mẽ của người miền núi: “*ào ào như thác đổ/ dữ dội như lốc cuốn*”. Tính nhạc của bài thơ được tạo nên từ cách dùng từ và cách ngắt nhịp của nhà thơ. Trong quan điểm thơ xưa nay coi vần như mạch máu nối cơ thể bài thơ nhưng thơ Lò Ngân Sủn đã vượt thoát khỏi những kiềm tỏa đó để tạo dựng một phong cách riêng. Thơ tự do trở thành mảnh đất để ông thỏa sức tung hoành.

Thơ tự do của ông gần gũi với đời thường chứa đựng những âm vang của sự sống vì ngôn ngữ được kết tinh từ độ chín của cảm xúc:

Tình yêu

Như cái chào thẳng cổ

Ăn vào no lão đảo.

Tình yêu

Như cái chum đựng rượu

Uống vào say ngả nghiêng.

Tình yêu

Như cái chiêng, cái trống

Gõ vào động đất trời.

(Động đất, động trời)

Các khổ thơ đều có nhịp ngắt giống nhau. Câu một, hai chỉ có một nhịp, câu thứ ba có hai nhịp. Cả bài thơ nhịp giống nhau mà không đơn điệu vì chính nhịp thơ ấy, giúp người đọc như hình dung ra bước chân chênh choáng và tâm trạng chao đảo của nhân vật trữ tình. Tình yêu đâu có giản đơn nhưng người ta vẫn cứ khao khát cho dù phải “*lão đảo*” “*ngả nghiêng*”. Ưu điểm của thơ của thơ tự do là sự ngắt nhịp rất thoải mái, thường theo mạch cảm xúc của

nhân vật trữ tình. Trong một số bài thơ khác nhà thơ ngắt nhịp rất ngắn: “*Ngày đêm/ Âm âm thác đổ/ Vô vập sóng vỗ/ Gió/ Quán vào/ Trăng sao*” (**Đường Hoàng Liên**). Nhịp ngắn để diễn tả cái dữ dội của dốc đèo Hoàng Liên.

Khi viết về đại văn hào M.Gorki (Nga), ông đã thể hiện sự ngưỡng mộ sâu sắc trước một tài năng lớn. Bằng thể thơ tự do, Lò Ngân Sủn đã lột tả được một cách đầy đủ nhất tình cảm của mình: “*Một viện sĩ chưa học hết lớp ba trường làng/ ngang nhiên ngồi ngang hàng với những nhà bác học/ râu dài quá ngực*”.

Với Lò Ngân Sủn, thơ tự do không phải là một hình thức định trước trong quá trình sáng tác mà đó là sự tìm đến tất yếu khi tâm hồn nhà thơ đạt đến độ nhuần chín, ở đó nhà thơ được trải lòng trong những trạng thái cảm xúc tinh tế của người nghệ sĩ. Thơ ông không chỉ tự do trong hình thức câu thơ, thể thơ này còn kéo dài biên độ của bài thơ. Có những bài thơ chỉ ba dòng: *một người bị hủi/một nhà thơ điên/mang tâm vũ trụ* (**Hàn Mặc Tử**) nhưng cũng có những bài thơ dài hai trang giấy.

Trong sáng tác của Lò Ngân Sủn, thể thơ năm tiếng cũng được ông viết khá nhiều, tổng số là 60 bài. Đây là thể thơ phổ biến và quen thuộc với nhiều tác giả. Số tiếng phối hợp với vần nhịp mang đến sự gần gũi, dễ đọc, dễ nhớ:

*Gặp nhau trong chợ phiên
Tay truyền lửa sang nhau
Hát những câu chày bông
Tỏ tình những đêm thâu.*

(Phiên chợ Sa Pa)

Trong thơ Lò Ngân Sủn, thể thơ năm tiếng thường diễn đạt những nội dung vui tươi, trữ tình như bài: *Cây năm hương, Người miền núi, Chiếc áo viền, Đàn môi gọi bạn, Suối hôn, Mối tình đầu của tôi...* Thể thơ này cũng ghi nhận sự thành công của ông, đáng chú là bài thơ *Chiều biên giới*:

*Chiều biên giới em ơi!
Có nơi nào xanh hơn
Như tiếng chim hót gọi
Như chồi non cỏ biếc*

Như rừng cây của lá

Như tình yêu đôi ta.

(Chiều biên giới)

Một trong những yếu tố để góp lên sự thành công của bài thơ này chính là thể thơ năm tiếng. Sự phong phú vần điệu (Lúc vần liền, lúc vần giã cách), ngôn ngữ trong sáng, giọng thơ tâm tình vừa hướng nội vừa hướng ngoại, khiến bài thơ đọc lên hoặc ngâm nga nghe giàu âm điệu, rất gần với nhạc, và rất dễ khơi nguồn nhạc hứng cho nhạc sĩ. Khi được nhạc sĩ Trần Chung phổ nhạc, bài thơ thêm một lần nữa được “chắp cánh”, trở thành một trong những ca khúc hay nhất về miền biên tổ quốc.

Nhà thơ cũng có sự tìm tòi, thể nghiệm với thể thơ bốn tiếng, bảy tiếng và thơ lục bát. Thể thơ bốn tiếng có nguồn gốc lâu đời thích hợp với lối kể, lời thơ ngọt ngào, nhịp thơ đều đặn nhịp nhàng. Các bài thơ là: ***Con gái vùng cao, Ngược dốc chín quai, Anh muốn, Làn điệu Tày - Nùng, Đàn môi, Làn điệu Thái, Điệu then...***

Thơ bảy tiếng và thơ lục bát cũng được khá nhiều nhà thơ dân tộc sử dụng như Dương Thuấn, Mai Liễu, Ma Trường Nguyên... Trong sáng tác của Lò Ngân Sủn thể thơ này cũng xuất hiện nhưng không nhiều. Đây là thể thơ có quy phạm trong cách gieo thanh và vần, nhịp thơ cũng bình lặng không diễn tả hết độ phóng khoáng tâm hồn của người miền núi vì thế nhà thơ ít lựa chọn hơn. Trong sáng tác, Lò Ngân Sủn đã cố gắng tìm tòi đổi mới và vận dụng linh hoạt các thể thơ, tuy nhiên theo đánh giá của chúng tôi, những bài thơ hay nhất của Lò Ngân Sủn là sử dụng thơ tự do. Đúng như nhà thơ Vương Trọng đánh giá về thơ Lò Ngân Sủn: “*Những bài thành công là viết về miền núi với thể thơ tự do*” [14, tr. 501]. Bằng tài năng của mình, ông đã tạo ra những câu thơ tự do, không gò bó mà co giãn linh hoạt để thể hiện cảm xúc một cách tự nhiên nhất.

Tiểu kết chương 3

Tìm hiểu một số phương diện nghệ thuật trong thơ Lò Ngân Sủn chúng ta thấy cái đơn sơ, giản dị trong ngôn ngữ như lời ăn tiếng nói của người dân tộc, thấy một vùng văn hóa phong phú, đa dạng và sống động của đồng bào dân tộc sống trên vùng núi phía Bắc nước ta. Cái mộc mạc của hồn dân tộc tạo ra một giọng thơ riêng, khó có thể lẫn thơ ông với thơ của tác giả khác. Đồng thời đưa thơ ông gần hơn với đông đảo các độc giả miền núi và độc giả cả nước. Lò Ngân Sủn cũng có những đóng góp cho sự đa dạng phong phú của các thể thơ dân tộc thời kì hiện đại. Có thể coi, ông là đại biểu xuất sắc nhất của dân tộc Giáy về lĩnh vực thơ ca sau Cách mạng tháng Tám đến nay.

KẾT LUẬN

1. Lò Ngân Sủn là một trong những nhà thơ xuất sắc của đồng bào dân tộc Giáy. Ông có những đóng góp quan trọng cho sự phát triển của thơ ca dân tộc thiểu số Việt Nam hiện đại. Trước những năm 70, bài thơ đầu tay **“Hoa má po”** được in trên báo văn nghệ Lào Cai, đã để ấn tượng khó quên trong lòng bạn đọc lúc bấy giờ. Gần 50 năm sáng tác thơ ca, ông luôn trân trọng, thủy chung với *“huong rừng quán quýt”* [14, tr. 482] với những trầm tích văn hóa sâu kín của đồng bào thiểu số Tây Bắc và dân tộc Giáy giàu bản sắc của mình. Nhận định về thơ Lò Ngân Sủn, Trần Mạnh Hảo đánh giá *“Ông (Lò Ngân Sủn) là nhà thơ của thiên nhiên, của núi đồi, của tiếng kèn Pí lè dân tộc Giáy, của những cuộc vui bất tận quanh chảo thắng cố phiên chợ người H’mông với xèo ô và bát rượu ngô say khướt”* [14, tr, 419]. Đọc thơ ông người ta nhận thấy rất rõ: hình ảnh thiên nhiên, con người miền núi, đời sống văn hoá tinh thần phong phú, với các phong tục, tập quán lâu đời vẫn còn được gìn giữ. Đọc thơ ông - người ta cũng nhận thấy rất rõ: cách cảm, cách nghĩ, cách nói, cách diễn đạt của người miền núi với thứ ngôn ngữ thơ mộc mạc, giản dị, giàu hình ảnh.

2. Ngợi ca, tự hào về thiên nhiên quê hương và con người miền núi là cảm hứng chủ đạo xuyên suốt các tập thơ của Lò Ngân Sủn. Thiên nhiên núi rừng hiện lên trong thơ ông mang vẻ đẹp của sự hùng vĩ, hoang sơ nhưng không kém phần thơ mộng trữ tình. Bằng những nét vẽ khỏe khoắn và gân guốc nhà thơ tái hiện không gian núi rừng với những đỉnh núi cao như dựng vách thành, với sương, tuyết, gió mây đầy khắc nghiệt, dữ dội. Ở nơi *“sương phủ kín đất/ Tuyết rơi trắng trời”* ấy nhà thơ cũng say mê, đắm đuối với vẻ đẹp

duyên dáng, thơ mộng của thiên nhiên, đó là màu xanh mát của núi rừng, của những ruộng bậc thang “*xanh đồng hợp tác*”, của nương ngô nở trắng giữa non ngàn, là âm thanh của tiếng chim rừng, tiếng mái chèo khua nước, tiếng cười nói của những người con gái đi tắm suối...

Trong thơ Lò Ngân Sủn, người miền núi mang vẻ đẹp của sức sống mãnh liệt: “*Ào ào như thác đổ/ Dữ dội như lốc cuốn*”, một tâm hồn lạc quan, yêu đời, trọng tình trọng nghĩa và rất mực tài hoa. Người phụ nữ là hình ảnh nổi bật nhất và là nguồn cảm hứng không bao giờ cạn trong thơ ông. Đó là người mẹ, người chị, đặc biệt là những người con gái mang vẻ đẹp mộc mạc, hồn hậu. Họ dường như được sinh ra để gánh vác, để yêu thương và tô điểm cho đời.

Văn hóa, phong tục tập quán quê hương với những điệu múa xòe, tiếng kèn pí lè, những chợ phiên, chợ tình vừa thơ mộng, trữ tình vừa phảng chút hoang dại đã cuốn hút đã mê hoặc nhà thơ. Với niềm say mê mạch nguồn văn hóa ấy, nhà thơ đã góp phần nuôi dưỡng bản sắc văn hóa dân tộc thiểu số trong lòng bạn đọc hôm nay và mai sau.

Cảm hứng về tình yêu đôi lứa là cảm hứng nổi bật trong thơ Lò Ngân Sủn. Với ông, tình yêu được coi như một giá trị sống đích thực, là “*Chảo thắng cố*” là “*chum rượu cần*”. Đó là những vần thơ nồng nàn, say đắm đầy chất phồn thực, chứa đựng chất sống sung mãn của người miền núi từ thửa hồng hoang. Đây là một phẩm chất trong thơ tình Lò Ngân Sủn, một đặc sắc nghệ thuật sâu đậm trong mảng thơ viết về tình yêu đôi lứa.

Những bài thơ mang cảm hứng thế sự của Lò Ngân Sủn phản ánh hiện thực đời sống, cho thấy tâm thế của một con người hay trăn trở, chiêm nghiệm về thế thái nhân tình, về đạo đức và lẽ sống. Nhà thơ đã khám phá mọi ngõ ngách, góc khuất của đời thường và cả cái cao quý trên hành trình đi tìm sự sống, hạnh phúc của con người.

3. Vẻ đẹp của trong thơ Lò Ngân Sủn không chỉ thể hiện ở cảm hứng đề tài mà còn được biểu hiện trên các phương diện nghệ thuật. Trước hết, đó là việc nhà thơ sử dụng biểu tượng núi đá và tiếng kèn pí lè như một phương tiện nghệ thuật quan trọng vừa là hiện thực cuộc sống vừa gửi gắm tâm tư, tình cảm của người miền núi. Đồng thời khắc họa hình ảnh con người miền núi với vẻ đẹp phi thường, cứng cỏi, bản lĩnh mang trong mình một sức sống mãnh liệt, một tâm hồn đầy chất thơ.

Ngôn ngữ thơ ông bám gốc, bám rễ vào đời sống văn hóa, nếp cảm nếp nghĩ của đồng bào dân tộc thiểu số nên mộc mạc, giản dị như ngôn ngữ đời thường và đặc biệt mang màu sắc văn hóa Giáy sâu sắc, đậm đà. Nhà thơ sử dụng ngôn ngữ dân tộc nhưng không qua lạm dụng mà rất tài tình khéo léo để trở thành đặc dụng trong những câu thơ sâu sắc, tinh tế.

Trong các sáng tác của mình, Lò Ngân Sủn thể nghiệm với hầu hết trên các thể loại thơ ca và thể thơ nào ông cũng có thành công. Tuy nhiên, theo đánh giá của chúng tôi, những bài thơ hay nhất của Lò Ngân Sủn là ở thơ tự do. Ông tìm đến thể thơ này như một sự lựa chọn tất yếu bởi nó phù hợp với con người nhà thơ và phù hợp với tâm hồn phóng khoáng, pha chút hoang dại của người miền núi. Đúng như nhà thơ Vương Trọng đánh giá về thơ Lò Ngân Sủn: *“Những bài thành công là viết về miền núi với thể thơ tự do”* [14, tr. 501].

Trong quá trình nghiên cứu, chúng tôi đã hết sức cố gắng nhận diện và phân tích những điểm tiêu biểu về cảm hứng và nghệ thuật trong thơ Lò Ngân Sủn. Bên cạnh rất nhiều thế mạnh và những thành công vượt trội thơ Lò Ngân Sủn còn có một số hạn chế. Ở một số bài thơ, có lẽ ảnh hưởng từ cách nói của người miền núi nên còn kể lể, dàn trải nhiều lời mà ít ý. Một số bài có bố cục lỏng lẻo, lối nói biền ngẫu, điệp ngữ quá nhiều khiến kết cấu thơ không chặt chẽ. Tuy nhiên đó chỉ là số ít và chúng ta vẫn phải thừa nhận rằng nhà thơ Lò Ngân Sủn là nhà thơ tiêu biểu của đồng bào dân tộc Giáy, *“ông đã có những đóng góp cho nền thơ Việt Nam hiện đại một nhãn hàng có giá trị thẩm mỹ”* [14, tr. 462].

thời Lò Ngân Sủn từng tư lự: “*Câu thơ lưu lại lòng người đọc/ Bài thơ lưu lại lòng người đọc/ Tập thơ lưu lại lòng người đọc*” (*Những chiếc Cầu*). Người con của núi giò đã trở về với núi, xin hãy yên nghỉ vì thơ của ông thực sự đã trở thành *những chiếc cầu* nối tới mai sau.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoàng Văn An (2003), *Nét đẹp văn hóa trong thơ văn và ngôn ngữ dân tộc*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
2. Hoàng Văn An (2013), *Nghiên cứu lý luận phê bình văn học*, Nxb Hội nhà văn, Hà Nội.
3. Nguyễn Trọng Báu, Năm Hồng Mai sưu tầm và biên soạn (2009), *Truyện cổ dân tộc Giáy*.
4. Nông Quốc Chấn (1988), *Tuyển tập Nông Quốc Chấn*, Nxb Văn Học, Hà Nội.
5. Huy Cận (1994), *Suy nghĩ về bản sắc văn hóa dân tộc*, nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
6. Trần Trí Dõi (1999), *Nghiên cứu ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
7. Phạm Đức Dương (2002), *Từ văn hóa đến văn hóa học*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
8. Nguyễn Khoa Điềm (1994), “Giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc Việt Nam” trong *Văn hóa Việt Nam một chặng đường*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
9. Nguyễn Đăng Điệp (2014), *Thơ Việt Nam hiện đại tiến trình và hiện tượng*, Nxb Văn Học.
10. Hà Minh Đức (2001), *Lý luận văn học*, Nxb Giáo Dục.
11. Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (1999), *Từ điển thuật ngữ văn học*, Nxb Đại học Quốc Gia, Hà Nội.

12. Hội văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam (1999), *Văn học các dân tộc - Từ một diễn đàn*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
13. Hội văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam (2003), Nhà văn dân tộc thiểu số Việt Nam đời và văn, Hà Nội.
14. Hội văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam (2012), Tuyển tập thơ Lò Ngân Sủn, Nxb Văn học.
15. Lê Thị Bích Hồng (2015), *Những người tự đục đá kê cao quê hương*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
16. Jean Chevalier - Alain Gheerbrant (2002), *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*, Nxb Đà Nẵng.
17. Đặng Văn Lung (1994), *Tục ngữ - Văn học dân gian các dân tộc*, Nxb. Văn hoá dân tộc.
18. Nguyễn Đăng Mạnh (1994), *Con đường đi vào thế giới nghệ thuật của nhà văn*, Nxb Giáo dục.
19. M.B.KhRapchenko (2002), *Những vấn đề lý luận và phương pháp luận nghiên cứu văn học*, Trần Đình Sử biên soạn, Nxb Đại Học Quốc Gia, Hà Nội.
20. Pờ Sảo Mìn (1992), *Cây hai ngàn lá, tập thơ*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
21. Pờ Sảo Mìn (2001), *Con trai người Pa Dí, tập thơ*, Nxb Văn hóa, Hà Nội.
22. Nhiều tác giả (1981), *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam- Văn học các dân tộc thiểu số ít người*, nxb Văn học, Hà Nội.
23. Nhiều tác giả (1983), *Từ điển văn học - Tập 1*, Nxb Khoa Học Xã Hội, Hà Nội.
24. Nhiều tác giả (1984), *Từ điển văn học - Tập 2*, Nxb Khoa Học Xã Hội, Hà Nội.
25. Nhiều tác giả (2002), *Lý luận văn học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
26. Phùng Quý Nhâm (2002), *Bản sắc dân tộc trong văn hóa, văn nghệ*, Nxb Văn học, Hà Nội.
27. Hoàng Phê (2000), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.
28. Y Phương (1986), *Tiếng hát tháng giêng*, Sở Văn hóa thông tin Cao Bằng.
29. Y Phương (1996), *Đàn then*, Nxb Tác phẩm mới, Hà Nội.

30. Nguyễn Duy Quý chủ biên, *Tính đa dạng văn hóa của Việt Nam những tiếp cận về sự bảo tồn*, Nxb trung tâm KHXH và nhân văn quốc gia.
31. Lò Ngân Sủn (1994), *Tục ngữ Giáy*, Nxb. Văn hoá dân tộc.
32. Lò Ngân Sủn (1996), *Lều nương*, Nxb Văn hóa dân tộc.
33. Lò Ngân Sủn (1997), *Con của núi*, Nxb Văn hóa dân tộc.
34. Lò Ngân Sủn (1997), *Đầu nguồn cuối nước*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
35. Lò Ngân Sủn (1999), *Hoa văn thổ cẩm (II)*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
36. Lò Ngân Sủn (2000), *Người trên đá*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
37. Lò Ngân Sủn (2001), *Thơ của các nhà thơ dân tộc thiểu số*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
38. Lò Ngân Sủn (2005), *Bữa tình yêu*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
39. Lò Ngân Sủn (2002), *Vấn đề đặt ra với các nhà thơ dân tộc thiểu số*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
40. Trần Đình Sử (2000), *Lý luận và phê bình văn học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
41. Trần Đình Sử (2001), *Những thế giới nghệ thuật thơ*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.
42. Trần Ngọc Thêm (2008), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, nxb Giáo dục.
43. Lâm Tiến (1991) “Vấn đề truyền thống và hiện đại trong văn học thiểu số”, *Tạp chí Văn học*, số 4.
44. Trần Thị Việt Trung (2006), “Bản sắc Tày trong thơ Nông Quốc Chấn”, *Tạp chí Khoa học & Công nghệ*, Đại học Thái Nguyên, số 2, tập 1.
45. Trần Thị Việt Trung (2015), *Bản sắc dân tộc trong thơ các dân tộc thiểu số Việt Nam hiện đại*, Nxb Đại học Thái Nguyên.
46. Trần Thị Việt Trung, Cao Thị Hào (2015), *Văn học dân tộc thiểu số Việt Nam thời kì hiện đại - một số đặc điểm*, Nxb Đại học Thái Nguyên.
47. Hoàng Quảng Uyên (2000), *Một mình trong cõi thơ*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

48. Triệu Kim Văn (2002), “Bản sắc dân tộc - nỗi lo người cầm bút”, *Tạp chí văn hóa các dân tộc*.
49. Viện Thông tin khoa học xã hội (2002), *Nghiên cứu ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam từ những năm 90*, Hà Nội.
50. Trần Quốc Vượng - Chủ biên (2000), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.